

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Từ thực tiễn đổi mới của cơ chế quản lý kinh tế, các doanh nghiệp đã và đang đổi mới mạnh mẽ và toàn diện kể cả cách thức quản lý và điều hành, kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp. Kiểm soát là một chức năng của quản lý, kiểm soát cũng là một công cụ quản lý do chính người quản lý đơn vị xây dựng để phục vụ cho mục đích quản lý của mình. Trong phạm vi cơ sở, kiểm soát là việc tự kiểm tra và giám sát mọi hoạt động trong tất cả các khâu của quá trình quản lý nhằm đảm bảo cho các hoạt động đúng quy trình, đúng pháp luật và đạt được các kế hoạch, mục tiêu đề ra với hiệu quả cao nhất và đảm bảo sự tin cậy của báo cáo tài chính.

Trong công tác quản lý tại doanh nghiệp xây dựng, chi phí xây lắp và giá thành sản phẩm xây lắp là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng luôn được các nhà quản lý doanh nghiệp quan tâm hàng đầu vì chi phí xây lắp là chỉ tiêu phản ánh chất lượng hoạt động của doanh nghiệp cũng như trình độ tổ chức quản lý. Do đó, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì điều tất yếu các doanh nghiệp phải kiểm tra, kiểm soát được các chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Đối với các doanh nghiệp xây lắp, công tác kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo chất lượng công trình luôn được đặt lên hàng đầu. Công tác này không những nâng cao và phát huy hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, mà còn giúp cho các doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời trong việc điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp, chất lượng công trình và nó đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho công tác kiểm toán, tăng cường mức độ tin cậy của báo cáo tài chính...

Trong thực tế, việc kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng nói chung và trường hợp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 hầu như chưa đáp ứng được nhu cầu của quản lý. Vì vậy, xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát về chi phí tại Công ty là công việc rất hữu ích, cần thiết nhằm tạo sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong xu thế phát triển và hội nhập như hiện nay.

Với tất cả các lý do nêu trên đã đặt ra tính cấp thiết cần phải nghiên cứu của đề tài: **“Kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng - Trường hợp Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng 24”**.

2. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Trong xu thế hội nhập như hiện nay, kiểm soát chi phí là một nội dung quan trọng trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Kiểm soát chi phí là nhu cầu cơ bản nhằm hoàn thiện các quyết định trong quản lý hoạt động kinh doanh. Tại Việt Nam, trong thời gian gần đây một số doanh nghiệp đã xây dựng cho mình một hệ thống hoặc các giải pháp kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo các lợi ích cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cũng đã có rất nhiều ý tưởng, giải pháp mang tính khoa học và các đề tài nghiên cứu về vấn đề kiểm soát chi phí. Trong khuôn khổ của đề tài đang thực hiện, tác giả đã tham khảo, tìm hiểu tư liệu các đề tài đã nghiên cứu trên cùng lĩnh vực liên quan. Cụ thể tác giả Nguyễn Thị Kim Hương (năm 2005) qua luận án “Tăng cường kiểm soát chi phí các công trình xây dựng cầu đường tại thành phố Đà Nẵng” đã trình bày các phương pháp và giải pháp kiểm soát chi phí các công trình giao thông đô thị tại Đà Nẵng, tuy nhiên các đề xuất hoàn thiện mang tính đồng nhất, đánh giá khía cạnh trên các công trình giao thông đô thị. Tác giả Trịnh Thị Hồng Dung (năm 2006) trong luận án “Tăng cường kiểm soát nội bộ về chi phí các doanh nghiệp thuộc khu quản lý đường bộ 5”, trong nghiên cứu này tác giả đã nêu ra được bản chất và nguyên nhân làm chi phí biến động, nhưng tính linh hoạt của chi phí không lớn một phần phụ thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của khu quản lý vẫn còn mang tính chất hình thái của chủ đầu tư dự án hơn là nhà thầu thi công xây lắp. Trong thời gian gần đây, có rất nhiều tác giả đã nghiên cứu về các vấn đề kiểm soát chi phí trong các doanh nghiệp, cụ thể là các nghiên cứu được áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp. Tác giả Nguyễn Phi Sơn (năm 2006) qua luận án “Xây dựng hệ thống kiểm soát chi phí xây lắp tại các đơn vị thuộc Tổng công ty xây dựng miền Trung”, tác giả Đinh Thị Phương Liên trong luận án “Tăng cường kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”. Các nghiên cứu của tác giả Phạm Văn Dược, Trần Văn Tùng về “Một số giải pháp kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong doanh nghiệp”; tác giả Phan Trung Kiên trong nghiên cứu “xây dựng các mô hình kiểm soát chi phí trong doanh nghiệp”... Trong các công trình đã nghiên cứu, các tác giả đã hệ thống

được các nội dung cơ bản của kiểm soát chi phí và các phương pháp, giải pháp hoàn thiện theo phạm vi đề tài các tác giả đã nghiên cứu. Các công trình đã nghiên cứu về kiểm soát chi phí đều chưa đi sâu các nội dung kiểm soát chi phí áp dụng cho các doanh nghiệp xây lắp hoặc nếu các đề tài chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp xây lắp thì chỉ mới khái quát và tổng hợp trên một số doanh nghiệp chính mà không đi sâu vào đặc thù của một doanh nghiệp. Trong khi đó hoạt động xây lắp là hoạt động mang tính chất công nghiệp và lâu dài, chi phí biến động lớn, lại phụ thuộc cụ thể vào tình hình của mỗi doanh nghiệp nên công tác kiểm soát chi phí gặp rất nhiều khó khăn.

Vì vậy, luận văn mà tác giả đang tập trung nghiên cứu là kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng mà trường hợp điển hình là tại Công ty CPXD Sông Hồng 24 trên cơ sở nghiên cứu về bản chất, vai trò và nội dung của kiểm soát chi phí cũng như các giải pháp kiểm soát chi phí gắn liền với thực tiễn.

3. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Luận văn tập trung nghiên cứu công tác kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng, trường hợp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24, nhằm tìm ra những mặt còn tồn tại và hạn chế. Từ đó nhận dạng và đề xuất các giải pháp khoa học, cụ thể nhằm tăng cường công tác kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây lắp mà trong đó điển hình là trường hợp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Căn cứ các quy chế quản lý tài chính, quy trình kiểm soát chi phí và các báo cáo có liên quan đang được áp dụng hầu hết tại các doanh nghiệp xây dựng và Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24. Trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng, luận văn đã sử dụng hệ thống các phương pháp cụ thể như: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh tương quan, phương pháp thống kê chọn mẫu, phỏng vấn và điều tra...

5. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Trong phạm vi đề tài đang thực hiện, đối tượng nghiên cứu của luận văn là tình hình kiểm soát chi phí trường hợp tại Công ty Cổ phần xây dựng Sông Hồng 24. Đây là đối tượng nghiên cứu có phạm vi rộng trong khi thời gian nghiên cứu hạn chế, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu một số nội dung chi phí trực tiếp ảnh hưởng trọng yếu đến tổng chi phí trong công tác quản lý tài chính của toàn công ty cũng như công tác kiểm soát quản lý kết hợp với công tác kiểm soát nội bộ về chi phí tại công ty nhằm đưa ra các quyết định quản trị nội bộ tiến hành thực hiện các mục tiêu sát với tổ chức.

Ngoài ra phạm vi nghiên cứu còn được so sánh, đánh giá, nhận xét so với một số doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn thành phố.

6. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN VĂN

Dựa trên cơ sở lý luận, hệ thống và phân tích những vấn đề cơ bản về đặc điểm, vai trò và nội dung của kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng và thực trạng kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24. Từ đó đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn nhằm tăng cường hoàn thiện kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng. Luận văn có thể tham khảo để bổ sung quy trình kiểm soát chi phí tại Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 và tại một số doanh nghiệp cùng ngành khác.

7. KẾT CẤU CỦA LUẬN VĂN

Nội dung chính của luận văn được chia thành 03 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng.
- Chương 2: Thực trạng kiểm soát chi phí tại Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24.
- Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng - Trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT

1.1.1. Khái niệm, chức năng và mục tiêu của kiểm soát

1.1.1.1. Khái niệm: Kiểm soát là một thể thức bên trong đơn vị, do người của đơn vị thực hiện để kiểm soát xem nhân viên làm đúng hay sai những thể thức đã được quy định trong quy chế đã được đề ra khi thực hiện hoạt động. Kiểm soát có thể được hiểu là công việc rà soát để điều hành toàn bộ hoạt động, là tổng hợp những cách thức điều tiết, đo lường các hành vi để nắm bắt việc điều hành mọi hoạt động của đơn vị.

Công tác kiểm soát thực chất là sự tích hợp một loạt hoạt động, biện pháp, kế hoạch, quan điểm, nội quy chính sách và nỗ lực của mọi thành viên trong tổ chức để đảm bảo tổ chức đó hoạt động hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra một cách hợp lý. Có thể hiểu đơn giản, công tác kiểm soát là hệ thống của tất cả những gì mà một tổ chức cần làm để có được những điều muốn có và tránh những điều muốn tránh. Các bước kiểm soát là các biện pháp được tiến hành để xem xét và khẳng định các biện pháp quản lý khách có được tiến hành hiệu quả và thích hợp hay không.

“Kiểm soát nội bộ là một hệ thống các biện pháp kiểm tra hoàn chỉnh về tài chính và các mặt khác do ban lãnh đạo đặt ra nhằm thực hiện công việc kinh doanh của doanh nghiệp một cách quy củ và có hiệu suất, đảm bảo chắc chắn việc tuân thủ triệt để các chính sách quản lý, bảo vệ tài sản và đảm bảo ghi chép sổ sách đầy đủ, chính xác nhất” (theo APC Auditing Guideline, “Internal Control”),

Còn theo COSO (Committee of Sponsoring Organization of the Treadway Commission), kiểm soát là một quá trình do nhà quản lý, hội đồng quản trị và các nhân viên đơn vị chi phối, được thiết kế để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm thực hiện các mục tiêu của hệ thống kiểm soát trong doanh nghiệp.

Qua các định nghĩa trên cho thấy kiểm soát được các nhà quản lý thiết lập để điều hành mọi nhân viên, mọi hoạt động và kiểm soát không chỉ giới hạn trong chức năng tài chính, kế toán mà nó còn phải kiểm soát mọi chức năng khác như về hành chính, quản lý sản xuất và hoạch định.

1.1.1.2. Chức năng của kiểm soát

+ Tạo điều kiện cho các đơn vị điều hành và quản lý kinh doanh một cách có hiệu quả đó là các thủ tục kiểm soát sẽ giúp các nhà quản lý sử dụng hiệu quả và tránh được sự lãng phí nguồn lực trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Kiểm soát có chức năng đảm bảo giám sát mức độ hiệu năng, hiệu quả của các quyết định trong quá trình thực thi, bảo đảm tuân thủ đúng quy trình, đúng thể thức đã được quy định.

+ Kịp thời phát hiện những vấn đề nảy sinh trong kinh doanh để hoạch định và thực hiện các biện pháp đối phó.

+ Ngăn chặn, phát hiện các sai phạm và gian lận trong kinh doanh. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh vấn đề gian lận và sai phạm là vấn đề không thể tránh khỏi bởi vì các hoạt động đều do con người thực hiện. Vì vậy, cần phải có các quy định kiểm soát chặt chẽ, hữu hiệu để nhằm ngăn chặn, phát hiện các sai phạm và gian lận.

+ Đảm bảo ghi chép đầy đủ, chính xác và đúng thể thức về các nghiệp vụ và hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua công tác kế toán không phải lúc nào cũng đầy đủ và đúng quy định. Bằng việc thiết lập các quy trình quản lý về tài chính, kế toán, về hệ thống cung cấp số liệu và báo cáo, kiểm soát sẽ giúp cho việc ghi chép kế toán bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định.

+ Đảm bảo các báo cáo tài chính được lập kịp thời, hợp lệ và tuân thủ theo các yêu cầu pháp định có liên quan.

+ Bảo vệ tài sản và thông tin không bị lạm dụng và sử dụng sai mục đích. Trong đơn vị thì tài sản và thông tin là những thứ có thể bị mất cắp, bị thất thoát hoặc bị sử dụng sai mục đích, mặt khác trong nền kinh tế thị trường yếu tố tài sản

và thông tin là những yếu tố quyết định đến sự thành công hay thất bại của đơn vị, do vậy cần phải có kiểm soát để hạn chế sự thất thoát về tài sản và thông tin.

1.1.1.3. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ: Trong các doanh nghiệp công tác kiểm soát là một hệ thống các chính sách, các biện pháp kiểm soát và thủ tục kiểm soát được xây dựng để thực hiện các mục tiêu:

- + Bảo vệ tài sản của đơn vị, hạn chế việc mất cắp, hư hại và sử dụng tài sản không đúng mục đích.

- + Các thông tin kế toán được cung cấp phải đảm bảo tính kịp thời, chính xác và tin cậy về thực trạng hoạt động của đơn vị.

- + Đảm bảo hiệu quả hoạt động và năng lực quản lý.

- + Bảo đảm việc thực hiện các chính sách của đơn vị cũng như việc tuân thủ các chế độ pháp lý.

Trong các mục tiêu trên thì hai mục tiêu đầu quan tâm chủ yếu đến lĩnh vực kế toán và hai mục tiêu sau đặt trọng tâm vào lĩnh vực quản lý và điều hành doanh nghiệp. Như vậy, các mục tiêu của công tác kiểm soát rất rộng, bao trùm lên mọi mặt hoạt động và có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của đơn vị.

1.1.2. Phân loại kiểm soát và các yếu tố của kiểm soát

1.1.2.1. Phân loại kiểm soát

Kiểm soát luôn luôn liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với các mục tiêu. Trong khi đó tính chất và phạm vi của mục tiêu có thể thay đổi linh hoạt thì dẫn đến phương thức kiểm soát cũng có thể thay đổi theo.

Kiểm soát hoạt động quản lý (hay còn gọi là kiểm soát hướng dẫn): là một loại kiểm soát tiêu biểu thông qua định dạng những sự kiện giúp chúng ta có hành động trung gian góp phần đạt được các mục tiêu tốt hơn. Đây là loại kiểm soát được tiến hành trong quá trình xây dựng các mục tiêu. Thông qua các hành động, kiểm soát hướng dẫn giúp chúng ta có các hoạt động quản lý kịp thời.

Kiểm soát kế toán tuân thủ (hay còn gọi là kiểm soát tuân thủ): là loại kiểm soát nhằm vào chức năng bảo vệ chúng ta đi theo một khuôn mẫu cho trước, nói cách khác là giúp đảm bảo đạt được những kết quả mong muốn. Với hình thái đơn

giản nhất, nó có thể là một tiêu thức kiểm soát chất lượng mà thông qua đó chỉ có một bộ phận sản phẩm đúng đặc điểm kỹ thuật mới có thể qua được sự kiểm soát. Đặc điểm chung là có một kế hoạch kiểm soát lập sẵn để trong một hoạt động bình thường sẽ mặc nhiên giúp cho một hành động bảo vệ.

1.1.2.2. Các yếu tố của kiểm soát

a. *Môi trường kiểm soát* là những một trong những yếu tố tác động đến công việc thiết kế các thủ tục kiểm soát cũng như ảnh hưởng đến hiệu quả của các chính sách, thủ tục đó. Chúng bao gồm các yếu tố sau đây:

Triết lý quản lý và phong cách tổ chức điều hành hoạt động của nhà quản trị: Triết lý quản lý thể hiện qua quan điểm và nhận thức của người quản trị doanh nghiệp; phong cách điều hành thể hiện qua cá tính, tư cách và thái độ của họ khi điều hành đơn vị. Những quan điểm này ảnh hưởng trực tiếp đến các chính sách, chế độ cũng như quy trình, cách thức kiểm tra kiểm soát trong đơn vị. Nếu quan điểm của nhà quản lý là trung thực, lành mạnh hoá tài chính thì sẽ có những hạn chế xảy ra trong hoạt động kinh doanh. Ngược lại nếu nhà quản lý coi trọng vấn đề lợi nhuận, hoàn thành kế hoạch, tối đa hoá lợi nhuận bằng mọi cách thì các thủ tục kiểm soát rất khó để thực hiện được. Chính vì sự khác biệt đó dẫn đến quan điểm quản lý và phong cách điều hành có thể ảnh hưởng lớn đến môi trường kiểm soát và thực hiện các mục tiêu còn lại tại đơn vị.

Cơ cấu tổ chức: thực chất là sự phân chia chịu trách nhiệm và quyền hạn giữa các bộ phận trong đơn vị, nó góp phần rất lớn trong việc đạt được các mục tiêu. Một cơ cấu tổ chức phù hợp sẽ đảm bảo cho các hoạt động trong đơn vị được thông suốt, hiệu quả, không có sự chông chéo giữa các bộ phận, đảm bảo được sự độc lập tương đối giữa các bộ phận đồng thời sẽ là một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên môi trường kiểm soát lành mạnh.

Phân cấp quyền hạn và trách nhiệm: được xem là phần mở rộng của cơ cấu tổ chức. Cách thức này cụ thể hóa về quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên trong các hoạt động của đơn vị, giúp cho mỗi thành viên biết được nhiệm vụ cụ thể

của mình và từng hoạt động của họ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến người khác trong việc hoàn thành mục tiêu.

Chính sách nhân sự: của nhà quản lý về việc tuyển dụng, huấn luyện, bổ nhiệm, đánh giá, sa thải, đề bạt, khen thưởng nhân viên. Chính sách nhân sự có ảnh hưởng lớn đến tinh thần làm việc cũng như quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên trong công ty, là nhân tố chính ảnh hưởng đến năng suất lao động, đến việc thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát của đơn vị. Vì thế một chính sách nhân sự đúng đắn là chính sách nhằm vào việc tuyển dụng, huấn luyện và sử dụng các cán bộ, nhân viên có năng lực và đạo đức.

Công tác kế hoạch: của doanh nghiệp sẽ là cơ sở tốt cho các mục tiêu của công tác kiểm soát. Việc lập kế hoạch chính xác sẽ giúp cho đơn vị hoạt động đúng hướng và có hiệu quả. Đồng thời công tác kế hoạch nếu được tiến hành một cách nghiêm túc và khoa học cũng sẽ trở thành một công cụ kiểm soát hữu hiệu, giúp đơn vị có thể phát hiện, ngăn ngừa được những sai sót gian lận trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp: là một nhân tố cơ bản trong môi trường kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ cung cấp sự giám sát và đánh giá thường xuyên về toàn bộ hoạt động của đơn vị trong đó có cả hệ thống kiểm soát. Bộ phận kiểm toán nội bộ hữu hiệu sẽ giúp đơn vị có được thông tin kịp thời và xác thực về tình hình hoạt động nói chung, về chất lượng công tác kiểm soát nói riêng, để đối chiếu bổ sung các thủ tục, quy chế kiểm soát thích hợp và hiệu quả hơn.

Ban kiểm soát thường gồm từ 3 đến 5 thành viên có thể trực thuộc hội đồng quản trị làm nhiệm vụ giám sát mọi hoạt động của đơn vị. Các thành viên này thường không phải là viên chức hoặc nhân viên của đơn vị để đảm bảo tính độc lập khách quan. Sự độc lập và tính hữu hiệu của Ban kiểm soát là những nhân tố quan trọng trong môi trường kiểm soát.

Các nhân tố khác: là các nhân tố vượt ra ngoài sự kiểm soát của nhà quản lý nhưng lại có ảnh hưởng rất lớn đến thái độ của nhà quản lý và các quy chế, thủ tục kiểm soát cụ thể. Thuộc các nhân tố này là ảnh hưởng của các cơ quan chức năng

nhà nước, các chủ nợ và các trách nhiệm pháp lý. Ví dụ như: ảnh hưởng của Ngân hàng, của cơ quan thuế, ảnh hưởng của pháp luật, v.v...

b. *Hệ thống kế toán* của một tổ chức là sự nhận biết, thu thập, ghi chép, tính toán phân loại, kết chuyển ghi sổ cái, sổ tổng hợp và lập các báo cáo kế toán theo quy định. Hệ thống kế toán của đơn vị gồm các yếu tố cấu thành đó là: hệ thống chứng từ kế toán; hệ thống tài khoản kế toán và sổ kế toán; và hệ thống báo cáo kế toán. Như vậy, tính kiểm soát của hệ thống kế toán phải được đảm bảo các mục tiêu: tính có thực, sự phê chuẩn, tính đầy đủ, sự đánh giá, sự phân loại, tính đúng kỳ và quá trình chuyển sổ và tổng hợp chính xác thông qua 03 giai đoạn của quá trình kế toán đó là: lập chứng từ, phản ánh vào sổ kế toán và lập báo cáo kế toán.

Lập chứng từ kế toán: là giai đoạn đầu tiên của tiến trình xử lý số liệu kế toán. Việc lập chứng từ được thực hiện nghiêm túc, phản ánh đầy đủ và trung thực về mọi nghiệp vụ phát sinh, thì sẽ giúp cho việc thực hiện chức năng kiểm soát trên nhiều phương diện, nhất là bảo vệ tài sản không để bị thất thoát, ngăn ngừa các hành vi lãng phí, gian lận, sử dụng không hiệu quả hoặc vượt quá thẩm quyền, điều này giúp ngăn ngừa tình trạng sử dụng tài sản không đúng mục đích.

Phản ánh và ghi sổ kế toán: là giai đoạn chính trong tiến trình xử lý số liệu kế toán. Trong giai đoạn này tất cả các nghiệp vụ phát sinh đều được ghi chép, phân loại tính toán, tổng hợp vào sổ kế toán nhằm giúp các nhà quản lý bảo vệ tài sản, thu thập được các thông số đáng tin cậy để ra các quyết định điều hành đơn vị. Ngoài ra, sổ sách kế toán còn giúp cho việc tổng hợp, lưu trữ thông tin khoa học và hệ thống, và còn là cơ sở để kiểm tra, đối chiếu các chứng từ.

Báo cáo kế toán: là giai đoạn cuối cùng của tiến trình xử lý thông tin kế toán nhằm tổng hợp số liệu trên sổ kế toán thành những chỉ tiêu trên báo cáo kế toán. Những thông tin thể hiện trên báo cáo tài chính không chỉ là sự cập nhật tình hình kế toán mà nó phải phản ánh trung thực tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị đồng thời phải được trình bày đúng theo các chuẩn mực kế toán hiện hành và các quy định có liên quan.

c. *Thủ tục kiểm soát nội bộ* : Mỗi đơn vị, tổ chức doanh nghiệp đều có những nét đặc thù riêng, từ cơ cấu tổ chức đến đặc điểm hoạt động kinh doanh. Để đạt được mục tiêu kiểm soát, các nhà quản lý phải xây dựng, thiết kế và duy trì các thủ tục kiểm soát sao cho phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình. Do đó, các bước kiểm soát, phương thức kiểm soát có thể giống nhau, hoặc khác nhau giữa các đơn vị và các loại nghiệp vụ. Tuy nhiên, thủ tục kiểm soát đều được xây dựng dựa trên nguyên tắc:

Nguyên tắc phân công, phân nhiệm: theo nguyên tắc này quyền hạn và trách nhiệm cần được phân chia cho nhiều người trong một bộ phận hoặc nhiều bộ phận khác nhau trong một tổ chức. Việc thực hiện đảm bảo được nguyên tắc này doanh nghiệp sẽ tránh được việc một cá nhân, bộ phận toàn quyền thực hiện một công việc, nghiệp vụ kinh tế từ đầu đến cuối. Vì sẽ có sự giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận và cá nhân, ngăn ngừa được các tiêu cực có thể phát sinh, đồng thời thúc đẩy năng suất làm việc cao hơn.

Phân chia trách nhiệm theo nguyên tắc bất kiêm nhiệm: nguyên tắc này đòi hỏi sự tách biệt về trách nhiệm đối với một số công việc nhằm ngăn ngừa các hành động lạm dụng quyền hạn để tham ô tài sản của doanh nghiệp và dễ nhận ra sự sai sót hoặc gian lận. Không được bố trí kiêm nhiệm giữa các công việc có liên quan với nhau cho cùng một cá nhân thực hiện như tách biệt chức năng phê chuẩn, hạch toán mua bán bảo quản tài sản hoặc chức năng thực hiện với chức năng kiểm soát.

Phải uỷ quyền cho người có thẩm quyền phê chuẩn các nghiệp vụ một cách thích hợp: sự phân quyền cho các cấp và xác định rõ thẩm quyền phê chuẩn của từng người sẽ giúp cho các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh tiến triển tốt đẹp hơn đồng thời giúp nhà quản lý kiểm soát, hạn chế được sự tùy tiện khi giải quyết công việc.

Ngoài các thủ tục kiểm soát cơ bản trên còn có một số thủ tục kiểm soát khác cũng nhằm đạt được mục tiêu đề ra đó là:

Kiểm soát vật chất đối với tài sản và sổ sách: đây là biện pháp quan trọng để bảo vệ tài sản, tài liệu kế toán và các thông tin khác là áp dụng những thể thức kiểm soát vật chất chẳng hạn như xây dựng nhà kho, trang bị hệ thống báo cháy, sử dụng

tử sắt, khóa,... Ngoài ra, cần phải hạn chế sự tiếp cận trực tiếp với tài sản, sổ sách của doanh nghiệp khu chưa được phép của người quản lý như kiểm soát việc tham khảo các tài liệu kế toán, quy chế bảo trì sửa chữa tài sản.

Kiểm soát độc lập việc thực hiện: là việc kiểm tra thường xuyên và liên tục của những kiểm soát viên độc lập với đối tượng bị kiểm tra, nhằm xem xét bốn loại thủ tục kiểm soát nêu trên. Chẳng hạn như đơn vị đã áp dụng nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nhưng không thể loại trừ tuyệt đối khả năng có thể xảy ra sự thông đồng giữa những nhân viên đảm nhận các phân hành khác nhau để tham ô tài sản.

Định dạng trước, sử dụng chỉ tiêu và ứng dụng công nghệ thông tin: đây là thủ tục kiểm soát hữu hiệu khi doanh nghiệp áp dụng rộng rãi chương trình máy tính vào công tác quản lý. Đồng thời lượng hóa tất cả những mục tiêu mà công ty đặt ra cho các cá nhân và bộ phận thành các chỉ tiêu và sau đó sẽ kiểm soát theo các chỉ tiêu này.

1.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

1.2.1. Khái quát hoạt động sản xuất kinh doanh xây dựng, sản phẩm xây dựng

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất có vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia, góp phần tạo nên cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nền kinh tế. Đặc biệt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, việc xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các dự án đầu tư quan trọng có tầm quan trọng đặc biệt, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Xây dựng cơ bản góp phần tạo nên năng lực sản xuất cho các ngành, các lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho các ngành, các lĩnh vực đó ngày càng phát triển cũng như sự phát triển chung của toàn xã hội.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng có những đặc điểm sau:

Chủ yếu là thực hiện hợp đồng đã ký với các chủ đầu tư sau khi trúng thầu hoặc được chỉ định thầu. Trong đó, hai bên đã bàn bạc thống nhất với nhau về giá trị

của công trình cùng với các điều kiện khác cho nên tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp không được thể hiện rõ và nghiệp vụ bàn giao công trình, hạng mục công trình... hoàn thành cho bên giao thầu chính là quá trình tiêu thụ sản phẩm xây lắp.

Trong ngành xây dựng, việc sản xuất ra những sản phẩm nào, tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật ra sao đã được xác định cụ thể, chi tiết trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt, thẩm định. Doanh nghiệp xây dựng phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về tiến độ thi công, chất lượng xây dựng công trình. Doanh nghiệp xây dựng phải có bộ phận kiểm tra kỹ thuật và chất lượng để thực hiện công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng xây lắp công trình theo thiết kế được duyệt nhằm đảm bảo thời gian sử dụng lâu dài của sản phẩm xây lắp

Sản phẩm xây lắp là những công trình, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính chất đơn chiếc, thời gian xây dựng dài có khi từ 5-10 năm. Trong điều kiện đó, không thể chờ cho đến khi xây dựng xong mới tính toán kết quả và thanh toán mà phải tiến hành hàng quý, hàng năm. Từ đó đòi hỏi phải có giá trị dự toán cho từng đơn vị khối lượng xây lắp để có thể ghi nhận lợi ích và chi phí cho bất kỳ khối lượng công tác xây lắp ứng với mỗi giai đoạn thực hiện xây dựng công trình.

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện cần thiết cho sản xuất như: các loại xe máy, thiết bị, nhân công,... phải di chuyển theo địa điểm thi công. Mặt khác, việc xây dựng còn chịu nhiều tác động của địa chất công trình, điều kiện thời tiết và khí hậu địa phương, ... cho nên công tác quản lý và sử dụng tài sản, vật tư cho công trình rất phức tạp và đòi hỏi phải có mức giá cho từng loại công tác xây dựng, lắp đặt cho từng vùng lãnh thổ một cách thích hợp.

Trong các doanh nghiệp xây dựng ngoài bộ phận thi công xây lắp chính đảm nhận việc thực hiện các hợp đồng đã ký bên giao thầu còn có thể có các bộ phận sản xuất khác như: bộ phận xây lắp phụ; các bộ phận sản xuất phụ để phục vụ cho bộ phận xây lắp chính và tăng thêm thu nhập cho doanh nghiệp. Sản phẩm của bộ phận sản xuất phụ này (kể cả bộ phận máy thi công của doanh nghiệp) khi cung cấp cho bộ phận xây lắp chính có thể tính theo giá thành sản xuất thực tế hoặc giá tiêu thụ nội bộ tùy theo trình độ quản lý và yêu cầu hạch toán kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp.

1.2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng

Việc tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị nhận thầu xây lắp phải bảo đảm các yêu cầu kế toán nói chung trong một đơn vị sản xuất là ghi chép, tính toán phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, xác định hiệu quả từng phần và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng. Mặt khác, phải phù hợp với đặc điểm sản xuất của sản xuất xây lắp.

Đặc điểm chính của sản xuất xây lắp ảnh hưởng đến việc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp thể hiện chủ yếu ở nội dung, phương pháp tập hợp, phân loại chi phí và cấu tạo giá thành sản phẩm xây lắp.

- Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành có thể là các hạng mục công trình xây lắp, các giai đoạn công việc của hạng mục công trình, các khối lượng xây lắp có giá trị dự toán riêng.

- Phương pháp tập hợp chi phí: tập hợp chi phí theo từng sản phẩm (công trình xây lắp, hạng mục xây lắp) hay từng đơn đặt hàng hoặc theo các giai đoạn có khối lượng xây lắp.

Từ đặc điểm phương pháp lập dự toán trong xây dựng cơ bản, dự toán được lập theo từng hạng mục công trình và được phân tích theo từng khoản mục chi phí. Để có thể so sánh, kiểm tra chi phí xây lắp thực tế phát sinh so với dự toán thì chi phí xây lắp được phân loại theo các khoản mục sau:

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ)
- + Chi phí nhân công trực tiếp
- + Chi phí sử dụng máy thi công
- + Chi phí sản xuất chung

- Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ: việc xác định giá trị công tác xây lắp dở dang phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành đã ký giữa doanh nghiệp xây dựng với chủ đầu tư hay bên giao thầu.

Đối với những hạng mục công trình được quy định thanh toán sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí sản xuất phát sinh tính từ

lúc khởi công đến thời điểm đó. Tức là đánh giá theo chi phí sản xuất thực tế đã tập hợp được trên các sổ kế toán chi tiết chi phí sản xuất

Trường hợp thanh toán theo giai đoạn công việc hoặc khối lượng công tác xây lắp riêng biệt có giá trị dự toán riêng thì sản phẩm dở dang là những công việc hoặc khối lượng xây lắp chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao vào cuối kỳ. Căn cứ trên cơ sở các bản kiểm kê khối lượng công tác xây lắp dở dang, nghiệm thu hạng mục công trình lúc cuối kỳ và các tài liệu có liên quan; kế toán sẽ xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất thực tế hoặc ước tính theo định mức.

1.2.3. Cơ cấu tổ chức quản lý của các doanh nghiệp xây dựng

Trong ngành xây dựng hiện nay đang tồn tại các loại hình tổ chức doanh nghiệp là tổng công ty, công ty con, xí nghiệp, Các kiểu cơ cấu thường gặp là: kiểu trực tuyến, kiểu chức năng, kiểu trực tuyến có tham mưu và kiểu trực tuyến chức năng. Tùy vào cơ cấu tổ chức của mỗi kiểu để phân cấp quản lý.

Hiện nay, trong mô hình các kiểu quản lý tại các doanh nghiệp xây dựng. Đội xây dựng, xí nghiệp xây dựng được xác định như là các chức năng cơ bản, tự tiếp cận thị trường, thực thi và trực tiếp thi công tác nghiệp tại hiện trường, hạch toán kinh tế nội bộ, có trách nhiệm tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.2.4. Các hình thức quản lý hoạt động sản xuất ở doanh nghiệp xây dựng

Phương thức khoán sản phẩm xây lắp cho các đơn vị cơ sở, các tổ, đội thi công xây lắp là phương thức quản lý thích hợp với cơ chế thị trường. Nó gắn lợi ích vật chất của người lao động, tổ đội với khối lượng, chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ thi công công trình. Đồng thời mở rộng quyền tự chủ về hạch toán kinh doanh, lựa chọn phương thức tổ chức lao động, tổ chức thi công, phát huy khả năng tiềm tàng của từng tổ đội. Việc khoán sản phẩm xây lắp cho các đơn vị trực thuộc tiến hành theo 2 phương thức sau :

Phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình: đây là phương thức đang được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp. Theo phương thức này, đơn vị giao khoán toàn bộ giá trị công trình cho đơn vị nhận khoán. Đơn vị nhận khoán

tổ chức cung ứng vật tư, tổ chức lao động để tiến hành thi công công trình. Khi công trình hoàn thành bàn giao quyết toán sẽ được thanh toán toàn bộ giá trị công trình theo giá trị nhận khoán và nộp cho đơn vị giao khoán một số khoản theo quy định. Đơn vị giao khoán là đơn vị có tư cách pháp nhân đứng ra ký kết các hợp đồng xây dựng và chịu trách nhiệm pháp lý đối với chất lượng công trình và thời gian thi công. Phương thức này được áp dụng đối với các đơn vị nhận khoán có tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán độc lập.

Phương thức khoán gọn khoản mục chi phí: theo phương thức này đơn vị giao khoán chỉ khoán các khoản mục chi phí nhất định, thường là chi phí nhân công; còn các khoản chi phí khác do đơn vị tự chi phí, hạch toán, giám sát kỹ thuật và chất lượng công trình. Phương thức này chỉ áp dụng cho các tổ đội thi công không đủ điều kiện tự cung ứng vật tư, giám sát kỹ thuật và chưa thực hiện hạch toán tổ chức công tác kế toán riêng.

1.3. NỘI DUNG VỀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

Với đặc điểm của sản phẩm xây lắp, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và công tác quản lý chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng đã trình bày như trên đã đặt ra yêu cầu cho các nhà quản lý doanh nghiệp làm như thế nào để kiểm soát được các khoản mục chi phí sản xuất thực tế phát sinh.

Chi phí sản xuất là đầu vào của quá trình sản xuất, quyết định đến tiến độ thi công và chất lượng công trình; ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp. Nếu tập hợp chi phí sản xuất không chính xác sẽ dẫn đến việc doanh nghiệp không đưa ra được giá dự thầu hợp lý và sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong quá trình phát triển

1.3.1. Nội dung chi phí và dự toán chi phí xây lắp trong doanh nghiệp xây dựng

1.3.1.1. Nội dung chi phí xây lắp trong doanh nghiệp xây dựng

Trong bất kỳ một loại hình doanh nghiệp, chi phí là biểu hiện bằng tiền những hao phí lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình hoạt động sản

xuất kinh doanh. Trong doanh nghiệp xây dựng thì chi phí phát sinh chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn nhất là chi phí các công trình xây dựng, gồm các chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí về vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực tế sản phẩm xây lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp như: gạch, sắt, xi măng, bê tông, vữa, v.v...

- Chi phí nhân công trực tiếp là chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp bao gồm: tiền lương, tiền công phải trả cho nhân công trực tiếp thực hiện khối lượng xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng xây lắp và công nhân phụ trợ chuẩn bị, kết thúc, thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp hay thuê ngoài. Chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm các khoản trích theo lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi phí sử dụng máy thi công: máy móc thi công là các loại xe máy, động cơ máy được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình xây dựng như: máy trộn bê tông, máy đào, máy xúc, máy đóng cọc, xe ô tô ben, cầu tháp, máy bơm,... Các loại phương tiện máy thi công này, doanh nghiệp có thể thuê bên ngoài hoặc tự trang bị để khai thác sử dụng lâu dài trong quá trình hoạt động của mình. Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí liên quan về vật liệu, nhân công và chi phí khác có liên quan đến quá trình sử dụng máy cho các công trình xây lắp như:

- + chi phí lương chính, lương phụ, phụ cấp của công nhân điều khiển phương tiện
- + chi phí vật liệu, nhiên liệu, vật liệu khác phục vụ máy thi công
- + chi phí khấu hao tài sản cố định máy thi công
- + chi phí về công cụ dụng cụ phục vụ máy thi công
- + chi phí dịch vụ thuê ngoài, về sửa chữa, bảo hiểm, tiền thuê tài sản, chi phí vận chuyển, điện nước và các chi phí bằng tiền khác... liên quan đến vận hành máy móc.

- Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của các đội thi công xây lắp và ở các công trường xây dựng.

Chi phí sản xuất chung phải được tổ chức hạch toán cho từng công trình, hạng mục công trình và phải chi tiết theo từng khoản mục nhất định.

Trong trường hợp chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình thì phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình hạng mục công trình đó theo các tỷ lệ phân bổ. Thông thường trong các doanh nghiệp xây dựng thì tiêu chí phân bổ chi phí sản xuất chung được dựa vào chi phí nhân công trực tiếp.

Ngoài ra, trong các doanh nghiệp xây dựng còn có rất nhiều loại chi phí như chi phí quản lý văn phòng, chi phí lãi vay, ... và hầu hết các chi phí này được phân bổ và vốn hoá vào chi phí sản xuất chung thi công xây lắp để kết thành giá trị công trình. Phần còn lại của chi phí quản lý này hầu như chiếm tỷ lệ không lớn lắm trong doanh nghiệp.

1.3.1.2. Dự toán chi phí xây lắp trong doanh nghiệp xây dựng

Dự toán xây dựng công trình là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công. Dự toán công trình bao gồm dự toán chi tiết các hạng mục, dự toán các công việc được lập trên cơ sở khối lượng xác định theo thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công và công việc cần thực hiện với đơn giá và định mức chi phí cần thiết thực hiện khối lượng đó.

Nội dung dự toán công trình bao gồm:

a. Chi phí xây dựng: được xác định bằng dự toán; lập cho các công trình chính, công trình phụ trợ, công trình nhà tạm phục vụ thi công...

- *Chi phí trực tiếp* bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công và trực tiếp phí khác. Cụ thể:

+ Chi phí vật liệu (kể cả khối lượng vật liệu do Chủ đầu tư cung cấp nếu có), chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công được xác định trên cơ sở khối lượng theo thiết kế và đơn giá của các công tác xây dựng tương ứng.

+ Trực tiếp phí khác bao gồm: chi phí bơm nước, hút bùn, thí nghiệm vật liệu, di chuyển nhân lực và thiết bị thi công đến công trường và nội bộ công trường, an toàn lao động, môi trường sinh thái. Theo quy định hiện hành của định mức dự toán xây dựng cơ bản do Nhà nước ban hành thì trực tiếp phí khác được tính bằng 1,5% trên tổng chi phí vật liệu, nhân công và máy thi công.

- *Chi phí chung* bao gồm chi phí quản lý và điều hành sản xuất tại công trường của doanh nghiệp xây dựng, chi phí phục vụ công nhân, chi phí phục vụ thi công tại công trường và một số chi phí khác.

b. Chi phí thiết bị: bao gồm cả chi phí mua sắm, đào tạo và chuyển giao công nghệ, chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh. Chi phí mua sắm thiết bị được xác định theo số lượng, chủng loại từng loại hoặc toàn bộ dây chuyền công nghệ tương ứng của thiết bị.

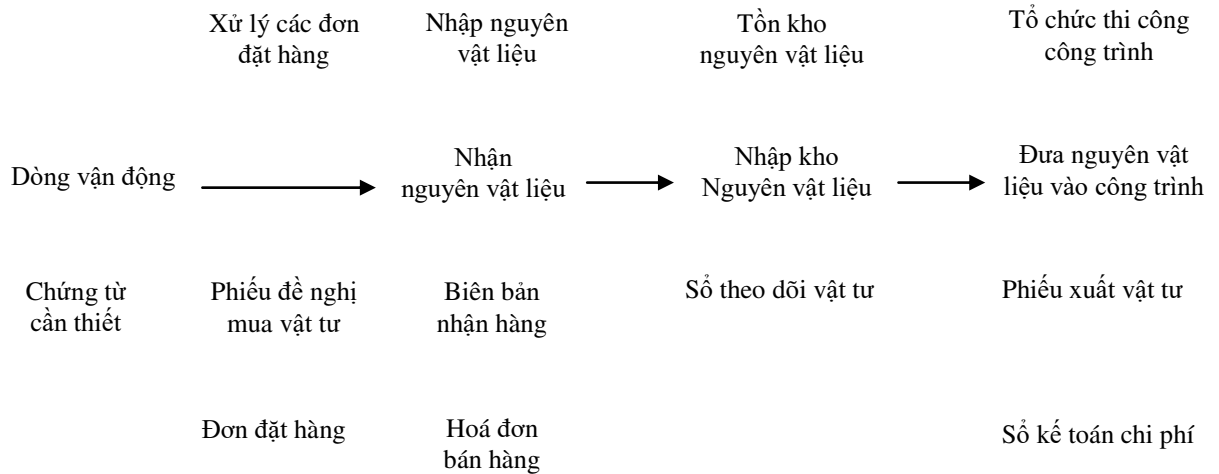
c. Chi phí khác của dự toán công trình: bao gồm chi phí thi tuyển kiến trúc, chi phí khảo sát địa chất, địa hình, chi phí thiết kế xây dựng công trình và chi phí lập dự toán.

d. Chi phí dự phòng: trong dự toán công trình được tính bằng tỷ lệ % trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị và chi phí khác nhưng không vượt quá tối đa là 10%.

1.3.2. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Đối với ngành xây dựng, nguyên vật liệu là chi phí chiếm tỉ trọng lớn trong chi phí trực tiếp xây lắp công trình, thường chiếm khoảng 60%-70% nên các sai phạm về chi phí nguyên vật liệu thường có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình, giá thành sản phẩm xây dựng và kết quả hoạt động.

Để kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cần phải có 1 chu trình kiểm soát như sau:



Hình 1.1: Chu trình kiểm soát tổng quát

Để đảm bảo hiệu quả kiểm soát về chi phí nguyên vật liệu cần phải đảm bảo sự kiểm soát ngay từ giai đoạn tiếp cận nguyên vật liệu, xuất dùng nguyên vật liệu, quá trình sử dụng nguyên vật liệu và tồn kho. Một sự kiểm soát không tốt trong một giai đoạn nào đó sẽ làm gia tăng chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp xây dựng, việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu thường thể hiện qua hai nội dung đó là:

1.3.2.1. Kiểm soát mua nguyên vật liệu nhập kho và xuất kho nguyên vật liệu cho các đội thi công công trình

- Quá trình mua vật tư - nhập kho: bộ phận mua hàng ở các phòng nghiệp vụ trong doanh nghiệp sẽ xét duyệt các nghiệp vụ liên quan đến mua vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo hợp lý về giá cả, chất lượng của vật tư. Tất cả nghiệp vụ mua hàng đều phải có sự phê duyệt của lãnh đạo các cấp nhằm đảm bảo vật tư mua được sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch thi công, dự toán được duyệt để tránh tình trạng mua quá nhiều hay mua các vật tư không cần thiết. Chứng từ sử dụng trong mua hàng gồm có: phiếu đề nghị cấp vật tư, đơn đặt hàng.

+ Phiếu đề nghị cấp vật tư: là phiếu yêu cầu cung ứng vật tư để phục vụ cho các công việc cần thiết trong quá trình xây dựng. Phiếu này có thể được lập khi có yêu cầu đột xuất hoặc căn cứ vào các công việc tiếp theo trong dự toán xây dựng và kế hoạch sản xuất và vật tư tồn kho và phải được xác nhận kiểm tra, kiểm soát

thông qua các cấp có thẩm quyền, các phòng nghiệp vụ về sự hợp lý và tính có thật của nhu cầu.

+ Đơn đặt hàng: sau khi phê duyệt phiếu yêu cầu cấp vật tư, bộ phận phụ trách mua vật tư sẽ lập đơn đặt hàng để gửi cho nhà cung cấp. Các đơn đặt hàng đều được đánh số và các thông tin rõ ràng liên quan đến vật tư cần cung cấp về số lượng, chủng loại, quy cách, thời điểm giao nhận và phương thức vận chuyển, v.v...

Bộ phận nhận vật tư khi nhận nguyên vật liệu sẽ phải kiểm tra về mẫu mã, số lượng, chất lượng, thời gian đến và các điều kiện khác, đồng thời lập biên bản nhận vật tư. Sau đó bộ phận nhận vật tư sẽ lập "phiếu nhập kho" số nguyên vật liệu nhận được. Người giám sát của bộ phận sẽ đối chiếu số lượng trên "đơn đặt hàng" để có thể xử lý tiếp tục nghiệp vụ mua nguyên vật liệu. Nhằm ngăn ngừa sai phạm, gian lận xảy ra, các nhân viên ở bộ phận vật tư phải độc lập với bộ phận kho và phòng kế toán, và nguyên vật liệu phải được kiểm soát chặt chẽ từ khi nhận cho đến khi chuyển đi nhập kho (công ty).

Bộ phận kho vật tư là bộ phận bảo quản về mặt hiện vật các loại nguyên vật liệu tồn kho của doanh nghiệp. Các nguyên vật liệu được cất giữ tại kho phải có quy trình bảo quản để nguyên vật liệu giảm hao hụt, không bị giảm phẩm chất, hư hỏng,... Khi bộ phận nhận nguyên vật liệu giao vật tư cho thủ kho để bảo quản, thủ kho sau khi kiểm tra vật tư về mặt số lượng, chất lượng, ... sẽ ký nhận vào "phiếu nhập kho" và sau đó chuyển phiếu nhập kho đến bộ phận kế toán.

Bộ phận kế toán căn cứ vào "Phiếu đề nghị mua vật tư", "Đơn đặt hàng", "Phiếu nhập kho" và "Hóa đơn của nhà cung cấp" để kiểm tra, đối chiếu, theo dõi việc thanh toán với người bán và làm căn cứ để ghi sổ. Tùy theo hình thức tổ chức hệ thống kế toán thanh toán với người bán, kế toán phải sử dụng các loại sổ sách tương ứng

- Quá trình xuất kho nguyên vật liệu thi công công trình: nguyên vật liệu nhận về được tồn trữ, cất giữ tại kho cho đến khi nào có yêu cầu thì xuất ra để phục vụ thi công công trình. Chứng từ sử dụng khi nguyên vật liệu xuất kho là phiếu đề nghị cấp vật tư của các đội thi công. Sau khi nhận được phiếu xin cấp vật tư, phòng

nghiệp vụ sẽ xem xét, phê duyệt và lập phiếu xuất kho giao cho đội công trình mang đến bộ phận kho hàng nhận nguyên vật liệu theo yêu cầu.

1.3.2.2. Kiểm soát mua nguyên vật liệu xuất thẳng cho các đội thi công công trình

Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp là cố định, gắn với địa điểm xây dựng nên các công ty không thể mua nguyên vật liệu nhập kho rồi sau đấy lại xuất kho chuyển vật tư đến công trình. Do đó, nhằm tận dụng nguồn nguyên vật liệu ngay tại địa phương có công trình xây dựng, tiết kiệm chi phí vận chuyển, giảm hao hụt nguyên vật liệu, hạn chế việc lưu kho; hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đều tiến hành mua nguyên vật liệu tại các điểm gần công trình thi công xây dựng, giao thẳng cho các đội thi công trực tiếp bảo quản, quản lý và tổ chức thi công. Kiểm soát quá trình này được thực hiện tương tự như trên nhưng nguyên vật liệu được nhập vào kho của đội thi công.

Trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu ngoài việc kiểm soát quá trình mua hàng - nhập kho, xuất vật tư phục vụ thi công còn phải tính đến việc kiểm soát mức tồn kho vật tư để nhằm giảm những tổn thất do thiếu hụt vật tư tồn trữ có thể phát sinh gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình, giá thành, tiến độ thi công. Mức tồn kho vật tư được lập dựa vào thời gian thi công, kế hoạch sản xuất và số lượng vật tư cần thiết để giúp các công ty giảm được chi phí dự trữ vật tư.

* Kiểm soát về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ở các doanh nghiệp xây dựng, được thiết lập có tác dụng kiểm soát trên cả hai phương diện là kiểm soát vật chất và kiểm soát ghi chép.

Đối với kiểm soát vật chất: nếu xây dựng tốt hệ thống kiểm soát sẽ ngăn ngừa việc mất cắp tài sản. Sử dụng các kho riêng biệt, hạn chế ra vào kho nguyên vật liệu là một thủ tục kiểm soát chủ yếu để bảo vệ tài sản. Mặt khác, trong quản lý có sự phân chia trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân là hết sức cần thiết trong việc bảo vệ tài sản.

Đối với kiểm soát ghi chép: các chứng từ được đánh số trước, được xét duyệt trước khi nguyên vật liệu đưa vào sản xuất sẽ có tác dụng bảo vệ tài sản. Quá trình ghi chép sổ sách phải tách biệt với những người bảo vệ, quản lý tài sản, đồng

thời phải tách biệt trách nhiệm của các bộ phận quản lý có cơ sở điều tra khi phát sinh chênh lệch giữa sổ sách và kiểm kê thực tế. Sổ sách tổng hợp và sổ sách chi tiết vật tư phải được theo dõi cả về giá trị số lượng và chất lượng của tồn kho vật tư và nhập xuất vào các thời điểm.

1.3.3. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công là một trong những khoản mục chi phí trực tiếp cấu thành giá thành sản phẩm xây lắp (chiếm khoảng 20% tổng chi phí), do đó kế toán phải xác định chính xác tổng số tiền lương phải trả để làm cơ sở tính chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và trích bảo hiểm xã hội. Việc áp dụng các hình thức trả lương ở doanh nghiệp là tùy theo tính chất công việc của từng cán bộ công nhân viên. Để kiểm soát tốt đối với chi phí nhân công đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ với các cán bộ phụ trách kỹ thuật của doanh nghiệp trong việc kiểm tra khối lượng thực tế làm việc của người công nhân trên cơ sở bảng chấm công, bảng thanh toán lương và các khoản phụ cấp, hợp đồng giao khoán và hợp đồng thuê nhân công...

Bên cạnh đó, chi phí tiền lương là lĩnh vực có thể xảy ra các hình thức gian lận làm cho một lượng tiền lớn của doanh nghiệp bị sử dụng kém hiệu quả hoặc bị thất thoát. Vì vậy, kiểm soát chi phí tiền lương có một vai trò quan trọng và gồm các vấn đề kiểm soát sau:

Lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp: mỗi bộ phận cần phải lập bảng dự toán chi phí nhân công trực tiếp vào đầu niên độ và theo dõi việc thực hiện các bảng dự toán này. Các bảng dự toán này, hàng tháng hoặc hàng quý sẽ được bộ phận kế toán tổng hợp, so sánh với chi phí tiền lương thực tế và báo cáo cho người quản lý. Qua đó các sai lệch khác biệt sẽ được phát hiện kịp thời.

Báo cáo cho cơ quan chức năng của nhà nước: cần thực hiện nghiêm túc về công tác ghi chép và lập báo cáo cho cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định về quản lý lao động tiền lương, nhằm giúp cho đơn vị hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan chức năng và giúp phát hiện những sai sót hoặc gian lận trong công tác lao động tiền lương.

Phân công phân nhiệm trong công tác về lao động tiền lương: hoạt động xây dựng thường được thực hiện trên các địa điểm biến động nên lực lượng lao động thi công công trình chủ yếu là thuê ngoài (địa phương) nên việc kiểm soát chi phí nhân công rất phức tạp và dễ sai sót. Để giảm bớt khả năng sai phạm trong công tác lao động về tiền lương cần tiến hành phân công, phân nhiệm giữa các chức năng theo dõi nhân sự, theo dõi thời gian, lập bảng lương, và ghi chép lương.

Chức năng nhân sự: thường do bộ phận nhân sự đảm nhận và sự kiểm soát của bộ phận này được thực hiện. Khi có tuyển dụng nhân viên mức lương phải được ghi rõ vào hồ sơ gốc của bộ phận này. Sau đó một bộ hồ sơ sẽ được gửi cho bộ phận tính lương. Bộ phận tính lương không được ghi tên người nào vào bảng lương nếu không có hồ sơ do bộ phận nhân sự gửi đến. Khi có sự thay đổi về mức lương, bộ phận nhân sự sẽ gửi văn bản chính thức cho bộ phận tính lương và các đội công trình. Việc kiểm soát này nhằm bảo đảm tính chính xác về các khoản thanh toán tiền lương.

Theo dõi, tính toán thời gian lao động: Các đội công trình sẽ tiến hành ghi chép xác định thời gian lao động thực tế, đánh giá hiệu quả công việc đạt được thể hiện qua bảng chấm công của từng đội. Thường xuyên đối chiếu giữa bảng chấm công với khối lượng hoàn thành.

Tính lương, ghi chép và thanh toán lương: Căn cứ vào bảng chấm công và kết quả công việc cũng như các chứng từ liên quan khác được gửi đến bộ phận kế toán tiền lương. Bộ phận này sẽ kiểm tra các chứng từ và thực hiện chức năng tính tiền lương phải trả cho từng công nhân, lập bảng lương, ghi sổ theo dõi lương từng nhân viên và lập báo cáo tiền lương cho người quản lý cũng như Nhà nước. Đồng thời ký duyệt séc thanh toán lương hoặc phiếu chi lương và phát lương cho nhân viên.

1.3.4. Kiểm soát chi phí máy thi công

Chi phí này mặc dù chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số chi phí phát sinh tại một công trình nhưng việc kiểm soát chặt chẽ và chính xác các chi phí này cũng góp phần quyết định đến giá thành và chất lượng của mỗi công trình. Bao gồm việc kiểm soát chi phí nguyên nhiên liệu, công cụ dụng cụ, chi phí tiền lương của công

nhân điều khiển máy thi công, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- *Kiểm soát chi phí nguyên nhiên liệu, chi phí tiền lương*: tương tự như phần kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (như trình bày ở trên).

- *Kiểm soát chi phí khấu hao máy thi công*: so với các chi phí thông thường khác, chi phí khấu hao có đặc điểm là một loại chi phí ước tính chứ không phải là chi phí thực phát sinh. Ta biết rằng mức khấu hao phụ thuộc vào hai nhân tố là nguyên giá tài sản và thời gian tính khấu hao, trong đó nguyên giá tài sản là một nhân tố khách quan, còn thời gian tính khấu hao lại phụ thuộc vào sự ước tính của đơn vị, chính vì thế mà mức khấu hao phải trích cũng mang tính chất ước tính. Vậy, để kiểm soát chặt chẽ chi phí khấu hao cần phải kiểm soát nguyên giá máy thi công và thời gian tính khấu hao và cách phân bổ chi phí khấu hao cho các đối tượng chịu chi phí.

- *Kiểm soát chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền*: kiểm soát việc phân chia trách nhiệm giữa người mua hàng và kế toán. Kiểm tra đối chiếu các chứng từ có liên quan như:

+ *Phiếu yêu cầu mua hàng*: phiếu này được lập từ các bộ phận có nhu cầu mua hàng và được cấp có thẩm quyền xét duyệt.

+ *Đặt hàng mua*: chỉ được lập khi có yêu cầu mua hàng, được đánh số trước, chọn người bán từ danh sách người bán được chấp nhận và kiểm tra các điều kiện khác trong đặt hàng.

+ *Hóa đơn của nhà cung cấp*: được gửi trực tiếp đến cho kế toán phải trả.

1.3.5. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung trong các công trình xây dựng được tính theo một tỷ lệ nhất định so với chi phí trực tiếp do Nhà nước quy định theo dự toán, được tập hợp theo từng công trình, nó bao gồm chi phí lán trại, nhà kho, chi phí nguyên nhiên vật liệu, công cụ, dụng cụ vật tư phụ, chi phí tiền lương các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý công trình và một số chi phí khác, ...nên việc kiểm soát này bao gồm:

- Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho đội thi công
- Kiểm soát chi phí tiền lương nhân viên quản lý đội, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương
- Kiểm soát chi phí khấu hao tài sản cố định
- Kiểm soát chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền

Quy trình kiểm soát hoàn toàn tương tự như phần đã trình bày ở trên.

1.4. KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Quản lý chi phí là việc tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng về việc sử dụng các nguồn vốn và chi phí, từ đó đưa ra những quyết định về chi phí ngắn hạn cũng như dài hạn trong doanh nghiệp. Kiểm soát chi phí là một hoạt động quan trọng trong quản lý chi phí. Để kiểm soát được các khoản chi phí phát sinh, điều quan trọng là nhận diện được các loại chi phí này và đề ra các biện pháp thích hợp nhằm kiểm soát hiệu quả.

Trong chương 1 đã khái quát đặc điểm ngành xây dựng và bản chất chi phí trong xây lắp, các nội dung để kiểm soát chi phí xây dựng từ môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và các thủ tục kiểm soát chi phí.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hiện nay, kiểm soát chi phí đang là điểm nóng, việc kiểm soát được chi phí của đơn vị mình sẽ giúp doanh nghiệp chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả tốt hơn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG 24

Qua các cuộc khảo sát và trong các nghiên cứu trước đã thể hiện được những kết quả định tính và định lượng, trên cơ sở đó có thể đánh giá chung về thực trạng công tác kiểm soát chi phí trong các doanh nghiệp xây dựng. Gần 50% doanh nghiệp có giá thành công trình thấp hơn giá trị dự toán, số còn lại hầu như có giá thành thực tế vượt hơn giá trị dự toán 5%-10% (*nguồn: trích từ tạp chí xây dựng năm 2009 số 11*). Trước tình hình bức thiết trên đòi hỏi không ngừng xây dựng và hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng. Việc khảo sát thực tiễn công tác kiểm soát chi phí được thực hiện tại Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24.

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG 24

Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 là một doanh nghiệp nhà nước cổ phần, trực thuộc Tổng Công ty Sông Hồng theo mô hình Công ty mẹ - công ty con do Bộ Xây dựng là đơn vị chủ quản, ngành nghề xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công ty

Căn cứ vào quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định 333/HĐBT ngày 20/11/1991, Nghị định 156/HĐBT ngày 07/5/1992 và thông báo số 08/TB của Thủ tướng chính phủ. Xét theo yếu tố đặc điểm địa lý khu vực và mạng lưới mở rộng hoạt động kinh doanh phân bố trên các cụm, địa bàn khu vực nhằm tăng trưởng kinh tế đồng đều góp phần phát triển lợi ích kinh tế quốc dân. Ngày 26/3/1993, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước Công ty Xây dựng số 24 là đơn vị độc lập trực thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng, có trụ sở đóng tại Đà Nẵng và địa bàn hoạt động trải dài khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Ngày 14/10/2000 được sự cho phép của Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng, ban lãnh đạo Công ty Xây dựng số 24 đã quyết định đổi tên Công ty thành Công ty

Xây dựng Sông Hồng 24 nhằm kế thừa uy tín, năng lực, thương hiệu và phát huy các giá trị kinh tế của doanh nghiệp.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Ngày 25/8/2004 lãnh đạo Công ty dưới sự chỉ đạo của Bộ Xây dựng và Tổng Công ty Sông Hồng đã tiến hành cổ phần hoá và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24.

2.1.2. Đặc điểm cơ cấu quản lý và tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.2.1. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được chia thành bộ phận quản lý chỉ đạo của công ty và bộ phận quản lý trực tiếp tại công trường.

a. Bộ phận quản lý chỉ đạo của công ty: bao gồm Ban lãnh đạo (gồm Hội đồng quản trị và Ban giám đốc) và các Phòng Ban chức năng của công ty.

Trong đó bao gồm:

✓ Ban lãnh đạo:

- Hội đồng quản trị (Chủ tịch, các cổ đông và ban kiểm soát)
- Ban giám đốc (Giám đốc và Phó giám đốc)

✓ Các Ban chức năng hỗ trợ:

- Ban nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ
- Ban thi đua khen thưởng kỷ luật và an toàn lao động
- Ban quản lý vật tư thiết bị

✓ Các Phòng chức năng nghiệp vụ

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kinh tế Kế hoạch
- Phòng Đầu tư Dự án
- Phòng Kỹ thuật thi công
- Phòng Tài chính Kế toán

b. Bộ phận quản lý trực tiếp tại công trường

Theo cơ cấu quản lý được thiết lập tại công ty, mỗi công trình đều có tổ chức ban chỉ huy công trường bao gồm một kỹ sư trưởng với chức danh Chỉ huy trưởng

công trình, các kỹ thuật hiện trường giám sát kỹ thuật thi công, một số cán bộ với nghiệp vụ và chức năng tùy theo quy mô đặc tính của công trình thay mặt doanh nghiệp quản lý trực tiếp các hoạt động sản xuất tại công trường.

Hình 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Tổ chức công tác kế toán của công ty theo hình thức hỗn hợp, vừa tập trung vừa phân tán. Bộ máy kế toán được tổ chức gồm: bộ máy kế toán trung tâm ở văn phòng và bộ phận kế toán phụ thuộc tại các đơn vị trực thuộc.

Hình 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG 24

2.2.1. Khái quát đặc điểm công tác kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng

Qua các nghiên cứu các tài liệu và thông tin chuyên ngành của các doanh nghiệp xây dựng có thể đưa ra một vài khái quát chung về tình hình kiểm soát chi phí xây lắp ở các doanh nghiệp xây dựng hiện tại như sau:

- Hiệu quả của yếu tố môi trường kiểm soát và yếu tố thủ tục kiểm soát thấp hơn nhiều so với yếu tố hệ thống thông tin tại chính các doanh nghiệp. Từ đó có thể cho thấy rằng:

- + Các doanh nghiệp xây dựng hiện tại đang có hệ thống thông tin được tổ chức tốt. Điều này phù hợp với thực tế vì đa số các doanh nghiệp đang tăng cường áp dụng tin học hoá vào công tác kế toán tài chính, nâng cao chất lượng công tác kế toán.

- + Vai trò của môi trường kiểm soát còn bị xem nhẹ xuất phát từ những tính chất chủ quan và hầu như bị phụ thuộc bởi nhà quản trị doanh nghiệp. Khi môi trường kiểm soát được chú trọng hơn với mức độ hiệu quả ngày càng được nâng cao thì hiệu quả của công tác kiểm soát chi phí sẽ được tăng cường.

- Khi hiệu quả của yếu tố kiểm soát tăng lên thì mức độ ảnh hưởng của yếu tố đó đến hiệu quả chung của công tác kiểm soát nội bộ toàn công ty sẽ tăng lên. Để nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nói chung, các doanh nghiệp xây dựng phải có sự điều chỉnh về nguồn lực một cách phù hợp. Chẳng hạn tăng cường nguồn lực nhằm cải thiện môi trường kiểm soát và nâng cao hiệu quả các thủ tục kiểm soát.

- Trên cơ sở đánh giá chung về công tác kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng, chúng ta có thể đi vào tìm hiểu các nội dung cụ thể của kiểm soát chi phí tại doanh nghiệp xây dựng. Việc khảo sát thực tế được thực hiện đại diện ở Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24.

2.2.2. Môi trường kiểm soát của Công ty CPXD Sông Hồng 24

2.2.2.1. Đặc thù quản lý tại Công ty

Trong cơ chế hiện nay, vấn đề đạo đức, phong cách điều hành, tư tưởng quản lý và sự trung thực của người lãnh đạo luôn là vấn đề quan trọng và có ảnh hưởng

lớn đến hiệu quả của hệ thống kiểm soát trong công ty. Từ đó có thể cho thấy rằng sự khác biệt về đặc thù quản lý của công ty tạo nên sự khác biệt về cơ chế quản lý gắn liền với các loại hình doanh nghiệp. Đặc biệt là ở các công ty cổ phần như Công ty CPXD Sông Hồng 24. Cơ chế quản lý và phong cách điều hành đang phát huy được hiệu quả tốt trong kiểm soát về chi phí. Sự tách rời giữa bộ máy quản lý và giám sát là đặc điểm chủ yếu tạo ra sự khác biệt so với doanh nghiệp nhà nước. Công ty tuân thủ chế độ tập trung một thủ trưởng điều hành và kiểm soát từ trên xuống dưới, đảm bảo sự truyền đạt và phản hồi thông tin một cách chính xác, tập trung, theo yêu cầu của lãnh đạo. Lãnh đạo công ty luôn duy trì mối quan hệ thường xuyên đối với các phòng ban. Nhìn chung chế độ một thủ trưởng phù hợp với chế độ kiểm tra, phê duyệt chặt chẽ các nghiệp vụ phát sinh về chi phí sản xuất, đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ và chuyên môn.

Điểm còn hạn chế ở công ty là trong chế độ một thủ trưởng, tình trạng thiếu trách nhiệm xảy ra trong các cấp quản lý các bộ phận chức năng, tính chủ động chưa cao, các quyết định ở các cấp thấp, dựa vào sự tuân thủ nhân mạnh về mặt hình thức là chủ yếu. Ví dụ: khi phê duyệt một đề xuất mua hàng, chỉ cần đảm bảo có đủ chứng từ, chưa chú trọng đến tính trung thực của số phát sinh. Điều này dẫn đến việc kiểm soát chi phí thiếu sự phù hợp thực tế, tạo điều kiện thất thoát, lãng phí phát sinh.

2.2.2.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Với đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất mang tính công nghiệp và sản phẩm xây lắp là những công trình, vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính chất đơn chiếc, thời gian sản xuất lâu dài, địa điểm sản xuất cũng là nơi tiêu thụ sản phẩm xây lắp, công nghệ sản xuất thường xuyên thay đổi và di động theo địa bàn không ổn định. Để phù hợp với từng chức năng, nhiệm vụ cũng như tính chất hoạt động kinh doanh của công ty, cơ cấu điều hành tổ chức sản xuất của công ty được chia thành bộ phận quản lý và chỉ đạo, bộ phận quản lý trực tiếp thi công tại công trường.

Quay lại với cơ cấu tổ chức sản xuất của Công ty CPXD Sông Hồng 24 (hình 2.1)

a. Bộ phận quản lý và chỉ đạo công ty

Các vị trí quan trọng trong cơ cấu bộ phận quản lý chỉ đạo và hệ thống công tác kiểm soát chi phí của công ty gồm có:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: chịu trách nhiệm về toàn bộ phần vốn nhà nước giao cho tại doanh nghiệp. Có nhiệm vụ đề xuất và nghiên cứu các phương án đầu tư và định hướng để công ty phát triển, bảo toàn và phát triển phần vốn cũng như các giá trị tại doanh nghiệp. Chịu mọi trách nhiệm về sự phát triển của công ty trước các cấp quản lý và pháp luật. Trong vấn đề kiểm soát chi phí, Hội đồng quản trị có trách nhiệm lớn nhất trong việc đưa ra quy chế, quy định mang tính toàn bộ để áp dụng trong toàn công ty cũng như văn hóa công ty để cán bộ công nhân viên thực hiện.

- Giám đốc công ty: là người đứng đầu công ty, đại diện lợi ích của tập thể cán bộ công nhân viên, có quyền quyết định và điều hành hoạt động của công ty theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Giám đốc cũng là người phê duyệt cuối cùng các quyết định về phương án, kế hoạch sản xuất, các nghiệp vụ về mua vào, nhập xuất vật tư, điều động nhân công, máy móc thiết bị thi công, các nghiệp vụ thanh toán. Giám đốc là người đóng vai trò then chốt trong công tác kiểm soát về chi phí hoạt động của công ty.

- Phó giám đốc công ty: là người giúp việc cho Giám đốc, do Giám đốc đề nghị và được cấp có thẩm quyền quyết định. Ở công ty, có các Phó giám đốc như Phó giám đốc phụ trách về kỹ thuật, Phó giám đốc phụ trách về tài chính-tổ chức. Các Phó giám đốc được giải quyết các công việc trong phạm vi của mình phụ trách và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc của mình. Liên quan đến hoạt động kiểm soát chi phí, ngoài chức năng giám sát, kiểm tra các nghiệp vụ chi phí, các Phó giám đốc trong phạm vi quyền hạn của mình có thể ra các quyết định phê duyệt nghiệp vụ.

- Phòng Tổ chức Hành chính có nhiệm vụ: tuyển dụng và bố trí các cán bộ công nhân viên, giải quyết các vấn đề thuộc về nhân sự trong công ty kết hợp với Ban thi đua khen thưởng kỷ luật để xét thi đua, thưởng, tính lương cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. Giám sát và tổ chức các phong trào hoạt động của Công ty

có kế hoạch và hợp lý. Bố trí và theo dõi điều động phương tiện vận chuyển theo yêu cầu của quản lý.

- Phòng Kỹ thuật thi công: thực hiện các chức năng của bộ phận kỹ thuật, giám sát việc thực hiện các hạng mục trong quá trình thi công. Nghiên cứu và đề xuất các phương án kỹ thuật hợp lý, hiệu quả và chống lãng phí. Xác nhận và duyệt quyết toán khối lượng cũng như khối lượng nhân công. Hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hồ sơ thí nghiệm chất lượng đầu vào, bản vẽ hoàn công và có trách nhiệm bảo vệ hồ sơ trước kiểm toán.

- Phòng Đầu tư Dự án: xây dựng và thực hiện các hồ sơ dự thầu, đấu thầu. Cập nhật đổi mới hồ sơ năng lực, triển khai đầu tư dự án của công ty. Xây dựng các phương án đầu tư mới khả thi, đem lại hiệu quả cao. Lập các hồ sơ dự toán và quyết toán các công trình, hạng mục công trình của công ty. Bóc tách và kiểm tra khối lượng dự toán phù hợp với khối lượng thực tế, tìm nguyên nhân nếu có chênh lệch và báo cáo với lãnh đạo công ty.

- Phòng Kinh tế Kế hoạch: khai thác các hợp đồng xây lắp, triển khai tìm kiếm công việc, có kế hoạch từ khâu triển khai đến xây dựng và bàn giao đưa các công trình xây lắp vào sử dụng. Có kế hoạch xây dựng để mang lại tính kinh tế cho công ty theo chiều sâu. Bên cạnh đó phòng kinh tế kế hoạch có nhiệm vụ lên kế hoạch điều động và cung cấp phương tiện, thiết bị và vật tư cho các công trình phù hợp và hợp lý. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình sử dụng vật tư, thiết bị thi công kịp thời cho giám đốc.

- Phòng Tài chính Kế toán: có nhiệm vụ tổ chức toàn bộ công tác hạch toán kế toán tại công ty, phản ánh toàn bộ đầy đủ tài sản hiện có cũng như sự vận động tài sản ở công ty, cung cấp thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty cho giám đốc, giúp giám đốc điều hành về quản lý các hoạt động kinh tế tài chính đạt hiệu quả cao. Trong vấn đề kiểm soát chi phí, bộ phận kế toán có chức năng kiểm tra, giám sát các nghiệp vụ chi phí khi phát sinh, hạch toán theo dõi chặt chẽ các nghiệp vụ trong hệ thống kế toán, tổng hợp số liệu, kiểm tra đối chiếu và báo cáo thường xuyên về chi phí cho quản lý của công ty.

b. Bộ phận quản lý tại các công trường

Chỉ huy trưởng cùng một lúc có thể quản lý 2-3 công trình trong một khu vực thi công và chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi hoạt động phát sinh tại công trường nhằm đảm bảo chất lượng công trình và tiến độ thi công. Thông thường Chỉ huy trưởng là thành viên có thâm niên và kinh nghiệm thuộc phòng Kỹ thuật thi công của Công ty cử xuống.

Các kỹ thuật hiện trường có nhiệm vụ giám sát kỹ thuật thi công và lập các phiếu đề nghị cấp vật tư, bố trí thêm lực lượng thi công, tăng ca hoặc các phương án thi công khác nhau để trình Chỉ huy trưởng xét duyệt. Trong quá trình giám sát của mình kỹ thuật có trách nhiệm kiểm tra, hỗ trợ việc tổ chức thi công cho các tổ thợ về mặt kỹ thuật công trình, quy trình, quy phạm sản xuất, an toàn lao động, tiến độ thi công và sẽ cho ngừng thi công nếu tổ đội không chấp hành đúng sự quản lý của Ban quản lý công trình.

Các tổ thợ phải đảm bảo về trình độ, tay nghề. Thực hiện đúng tiến độ thi công và tổ chức thực hiện công việc được giao. Nếu xảy ra sự cố hư hỏng do tổ thợ làm ra thì tổ thợ phải chịu mọi phí tổn và sửa lại phần hư hỏng đó. Mọi chi phí phát sinh tại công trường sẽ được kỹ thuật xác nhận và chuyển lên Phòng tài chính kế toán xử lý số liệu. Đồng thời tại công trường, cán bộ kỹ thuật, cán bộ đốc công hoặc thủ kho, bảo vệ sẽ tiến hành chấm công cho các tổ thợ để làm cơ sở cho các tổ thợ khi tạm ứng tiền nhân công. Việc tạm ứng sẽ do cán bộ kỹ thuật xác nhận và chỉ huy trưởng ký duyệt.

Bên cạnh đó, cán bộ kế toán công trình sẽ là người theo dõi thu chi, quản lý tài chính và xử lý số liệu tại công trình, tổng hợp và báo cáo về công ty tình hình sử dụng vốn tại Ban, cân đối công nợ để công ty có kế hoạch chủ động.

Tùy theo quy mô và tính chất của công trình, Ban chỉ huy sẽ được mở rộng đầy đủ ngoài số lượng cán bộ quản lý trên, sẽ có thêm các cán bộ khác như: cán bộ vật tư, cán bộ an toàn lao động, cán bộ tổ chức, cán bộ cấp dưỡng, v.v...

2.2.2.3. Chính sách nhân sự tại công ty

Sự phát triển của công ty luôn gắn liền với đội ngũ cán bộ công nhân viên; con người luôn là một nhân tố quan trọng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và công tác kiểm soát nói riêng. Nếu lực lượng này của đơn vị yếu kém về năng lực, tinh thần làm việc và đạo đức thì dù cho đơn vị có thiết kế hệ thống kiểm soát tương đối phù hợp vẫn không thể phát huy hiệu quả. Ngược lại, một đội ngũ cán bộ công nhân viên đáp ứng đủ các phẩm chất thì sẽ làm giảm đi những hạn chế vốn có của kiểm soát.

Nhìn chung tại Công ty CPXD Sông Hồng 24, công tác nhân sự được chú trọng rất nhiều. Công ty đã thực hiện tốt công tác tuyển chọn nhân viên và sắp xếp, bố trí cán bộ. Đặc biệt chế độ tiền lương, tiền thưởng thực hiện khá tốt... Song song cùng đó là công tác đánh giá và đề bạt cán bộ tương đối hợp lý, đã tạo nên động lực quan trọng cho cán bộ công nhân viên chú ý đến hiệu quả và trách nhiệm trong công việc, điều này tạo ra tác động tích cực đến công tác kiểm soát chi phí ở công ty.

Qua khảo sát thực tế tại công ty, ý thức bảo vệ tài sản và tiết kiệm chi phí của cán bộ công nhân viên được đánh giá là tốt. Đặc biệt, công ty có thực hiện những chính sách làm cho đội ngũ nhân viên quan tâm nhiều hơn đến chi phí như khen thưởng, biểu dương cán bộ công nhân viên khi có sáng kiến, ý tưởng khoa học công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm thời gian sản xuất và chi phí.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của thời kỳ bao cấp kéo dài khi chuyển sang nền kinh tế thị trường vẫn còn tồn tại một số cán bộ công nhân viên duy trì nếp cũ, chưa có sự chuyển đổi mạnh mẽ trong tư tưởng cũng như chuyên môn nên gây ra khó khăn trong việc sắp xếp và bố trí nhân sự, công tác đào tạo không được triển khai kịp thời vì một số yếu tố khách quan dẫn đến không phát huy được năng lực của đội ngũ nhân viên này. Vì vậy cơ cấu nhân sự còn hạn chế, qua đó ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kiểm soát chi phí của công ty.

2.2.2.4. Công tác kế hoạch và dự toán xây dựng công trình

Công ty rất chú trọng đến công tác xây dựng kế hoạch. Mỗi khi đấu thầu một công trình xây dựng, công ty đều phải tiến hành lập kế hoạch và dự toán cho công trình đó. Các công trình xây dựng thường có giá trị lớn, thời gian thi công lâu dài,

do vậy một dự toán xây dựng chi tiết, cụ thể, hợp lý đóng vai trò then chốt trong kiểm soát chi phí sản xuất cũng như trong quá trình thi công công trình của công ty. Vì thế, lãnh đạo của công ty luôn quan tâm đến công tác xây dựng dự toán.

Nội dung dự toán chi phí xây dựng công trình nhìn chung là giống nhau trong hầu hết các doanh nghiệp xây lắp. Dự toán chi phí xây dựng công trình của công ty được đầu tư và trang bị bằng những công nghệ phần mềm mới nhất, tiên tiến và hiện đại nhất, đáp ứng đầy đủ các yếu tố và hạng mục từng công việc trong quá trình thi công.

Mặc dù giá cả biến động không ổn định trên thị trường là nguyên nhân làm cho dự toán khó chính xác, nhưng Công ty CPXD Sông Hồng 24 có công tác đánh giá tình hình và lập dự toán khá tốt. Trong quá trình thi công công trình, các chi phí phát sinh sẽ được kiểm soát dựa trên cơ sở dự toán. Do vậy việc lập dự toán có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả kiểm soát chi phí. Dự toán ở công ty được thực hiện bởi bộ phận chuyên môn kỹ thuật, có sự phối hợp với các bộ phận liên quan như dự án, kế hoạch, kế toán, tổ chức. Tại công ty sự phối hợp này được đánh giá là rất tốt. Thông thường việc xây dựng dự toán đòi hỏi phải biết kết hợp đầy đủ các nguồn thông tin cần thiết như : kế hoạch của dự án có công trình đang thi công, các dự toán và tình hình chi phí của các công trình đã xây dựng, các tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật ngành, các quy định của Nhà nước, của chủ đầu tư, của công ty và cả dự đoán có khoa học và logic về biến động thị trường.

Bên cạnh những vấn đề trên, còn tồn tại một số vấn đề khác cũng ảnh hưởng đến chất lượng của công tác dự toán tại công ty. Đó là sự cạnh tranh không lành mạnh trong thị trường xây dựng hiện nay như bỏ giá thầu thấp, thành lập các doanh nghiệp sân sau của các chủ đầu tư, việc ban hành các quy định về định mức dự toán, đơn giá ca máy, đơn giá khảo sát, đơn giá nhân công chưa đồng bộ; thông báo giá vật liệu liên sở, các tỉnh thành chưa được đáp ứng kịp thời cho công tác lập dự toán thi công, thanh quyết toán công trình đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kiểm soát chi phí tại công ty.

2.2.2.5. Ban kiểm soát nội bộ

Cùng với việc thực hiện cổ phần hoá công ty vào năm 2004 đã hình thành nên ở công ty một ban kiểm soát hoạt động hiệu quả, độc lập góp phần tích cực đến công tác kiểm soát chi phí tại công ty. Tại Công ty CPXD Sông Hồng 24, ban kiểm soát đều có chức năng kiểm tra và kiểm soát về chi phí, được quyền trực tiếp báo cáo với Giám đốc và Hội đồng quản trị của công ty. Hiệu quả hoạt động của ban kiểm soát được thể hiện ở đặc điểm tính chất cơ hữu là được cấu thành một bộ phận độc lập với các bộ phận chức năng khác trong công ty.

Ở công ty, thành viên của ban kiểm soát là những người có phẩm chất đạo đức tốt, có kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao, có chuyên môn trình độ và kinh nghiệm phù hợp, tương xứng: kỹ sư xây dựng, kỹ sư kinh tế xây dựng và quản lý dự án, kế toán kiểm toán. Hoạt động của ban kiểm soát không chỉ dừng lại ở chức năng kiểm tra, kiểm soát về chi phí mà còn có chức năng tham gia vào công tác tham mưu, tổ chức cơ cấu nhân sự, lập dự toán chi phí. Tuy nhiên, hoạt động kiểm tra tình hình chi phí của ban kiểm soát chủ yếu là định kỳ, chủ yếu là 6 tháng 1 lần, do tính chất của ngành nên tính kịp thời có phần bị hạn chế.

2.2.3. Hệ thống thông tin kế toán tại Công ty CPXD Sông Hồng 24

Hệ thống thông tin được xây dựng nhằm thực hiện các chức năng ghi nhận và xử lý thông tin cho các cấp quản lý. Về mặt tổ chức quản lý, hệ thống thông tin bao gồm các hệ thống chức năng khác nhau gồm: hệ thống thông tin phục vụ dự án - kế hoạch - đấu thầu, hệ thống thông tin về quản lý - nhân sự, hệ thống thông tin về quản lý - thi công - công trường; trong đó hệ thống thông tin kế toán đóng vai trò trung tâm trong quá trình xử lý và cung cấp thông tin về các mặt hoạt động của công ty. Với phạm vi trong đề tài này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu vào hệ thống thông tin kế toán với quan điểm như là một yếu tố trọng yếu của hệ thống thông tin phục vụ kiểm soát và quản lý chi phí tại công ty.

2.2.3.1. Tổ chức công tác kế toán

Công ty CPXD Sông Hồng 24 tổ chức công tác kế toán theo hình thức kế toán hỗn hợp, vừa tập trung vừa phân tán. Với hình thức kế toán này, đảm bảo cho công tác kế toán tiếp cận với địa bàn hoạt động của công ty, vừa đảm bảo cho theo

đổi tình hình tài chính kế toán một cách tập trung thống nhất. Đồng thời để phù hợp với trình độ quản lý tương đối cao ở các đơn vị trực thuộc trong công ty có phân cấp tài chính rõ ràng những chưa được hoàn chỉnh. Theo mô hình tổ chức này, bộ máy kế toán tại công ty được chia thành bộ phận kế toán trung tâm ở văn phòng và bộ phận kế toán phụ thuộc tại các đơn vị trực thuộc.

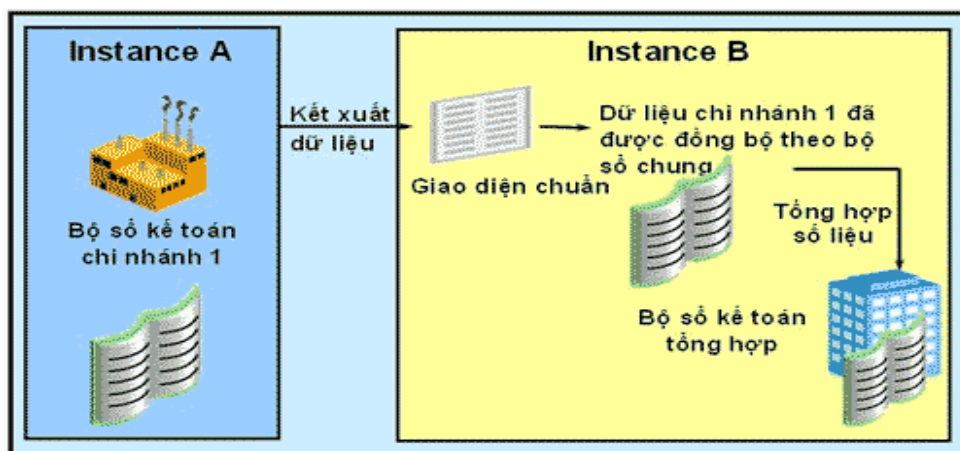
- Công tác hạch toán kế toán tại văn phòng trung tâm

Kế toán trung tâm có nhiệm vụ hạch toán đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến toàn công ty. Từ đó tiến hành tổng hợp và tính toán các khoản chi phí, kết chuyển lãi lỗ trong phạm vi toàn công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo với cấp trên về tình hình sản xuất kinh doanh và hạch toán kết quả kinh doanh của công ty.

- Công tác hạch toán kế toán tại các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc được công ty giao quyền tự chủ, hoạt động tương đối độc lập, có và không có tư cách pháp nhân đầy đủ.

Để phản ánh kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình nhập xuất và sử dụng vật tư, cũng như tình hình thực hiện định mức lao động, đòi hỏi các đơn vị trực thuộc phải hạch toán đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo thống nhất của bộ phận kế toán trung tâm. Cuối kỳ, kế toán đơn vị trực thuộc gửi toàn bộ chứng từ, sổ sách đã tập hợp chi phí lên kế toán trung tâm để tiến hành kiểm tra quyết toán và lập các báo cáo.



Hình 2.3: Mô hình kết xuất dữ liệu kế toán tại đơn vị cấp cơ sở

- Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp

Để tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm được chính xác thì việc đầu tiên rất quan trọng là phải xác định được đâu là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đâu là đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp. Do đặc điểm sản phẩm xây lắp nên tại Công ty CPXD Sông Hồng 24 xác định đối tượng tập hợp chi phí là từng công trình, hạng mục công trình và đối tượng tính giá thành trùng với đối tượng tập hợp chi phí là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Nói chung việc xác định đối tượng hạch toán chi phí theo từng công trình, hạng mục công trình là phù hợp, thuận lợi cho quá trình tập hợp chi phí theo yêu cầu kiểm soát chi phí theo từng đối tượng và nội dung chi phí.

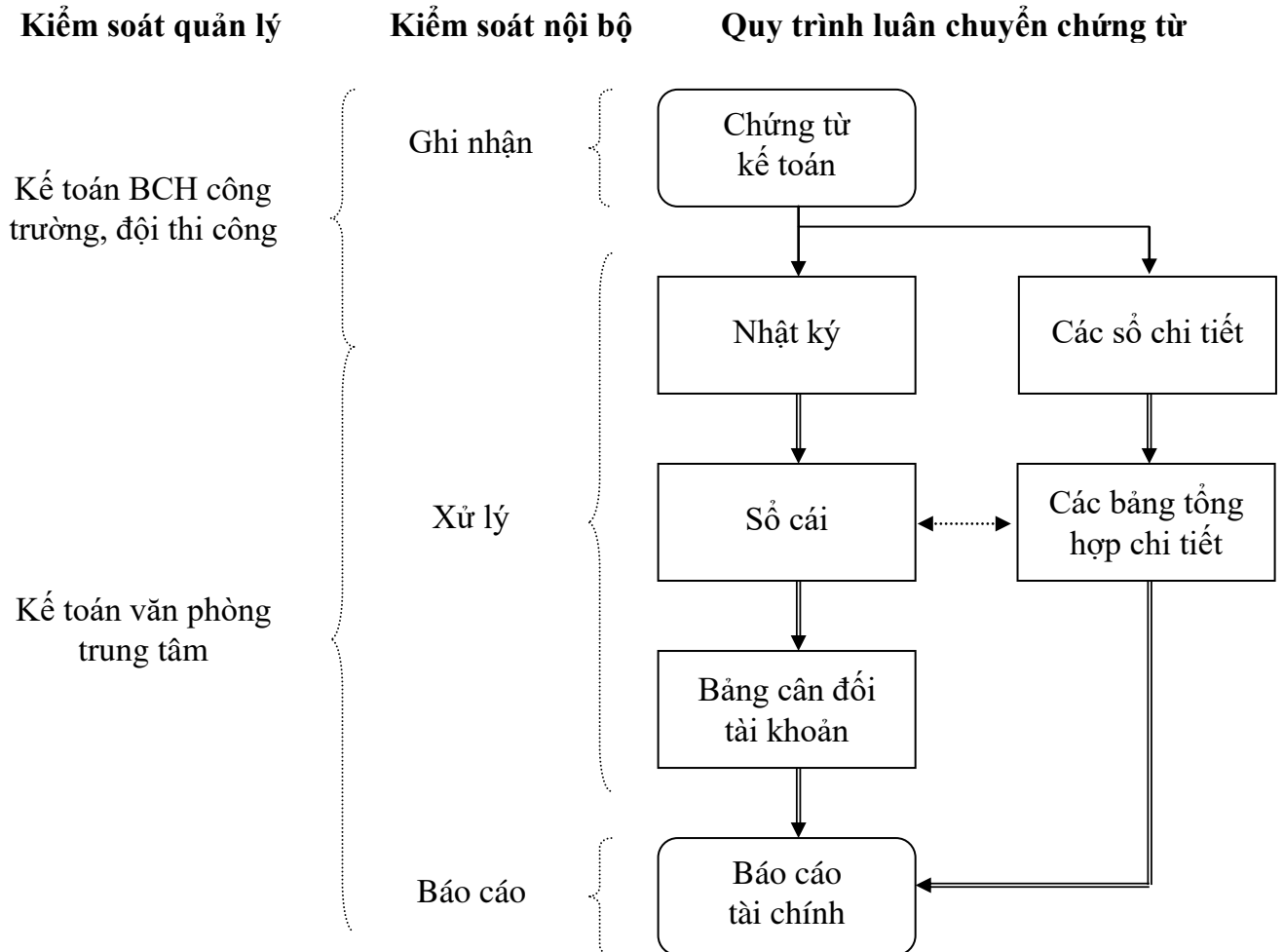
Thông qua việc quan sát, ghi chép, phân loại, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hệ thống kế toán không những cung cấp các thông tin cần thiết cho quản lý mà còn có tác dụng kiểm soát các hoạt động của đơn vị.

2.2.3.2. Giai đoạn lập và luân chuyển chứng từ kế toán

Đây là một trong những giai đoạn thể hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát chi phí của hệ thống kế toán. Giai đoạn lập chứng từ đóng một vai trò quan trọng trong quy trình kế toán nói riêng và trong công tác kiểm soát chi phí tại công ty. Thực hiện tốt giai đoạn lập chứng từ có tác dụng bảo vệ tài sản của doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả kiểm soát các chi phí trong quá trình phát sinh các nghiệp vụ.

Việc lập chứng từ giúp thực hiện chức năng tiền kiểm, là sự kiểm tra trước khi nghiệp vụ xảy ra, nhằm ngăn ngừa sai phạm, bảo vệ hữu hiệu và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của đơn vị mình. Chứng từ phát sinh tại Công ty CPXD Sông Hồng 24 đều được xác định và kiểm tra tính đúng đắn của nội dung chứng từ ngay tại thời điểm phát sinh đến khi ghi chép vào sổ sách kế toán gọi là quá trình kiểm soát chứng từ. Riêng việc kiểm soát chứng từ chi phí được công ty thực hiện khá chặt chẽ. Các chứng từ ban đầu đều được lập bởi các nhân viên có trách nhiệm và chuyên môn phù hợp. Sau đó các chứng từ sẽ được cán bộ quản lý đối với từng nghiệp vụ kiểm tra và phê duyệt. Đối với các nghiệp vụ có tính kỹ thuật việc kiểm tra chứng từ có sự tham

gia hay xác nhận của phụ trách kỹ thuật như : kỹ sư trưởng, chỉ huy trưởng công trình, kỹ thuật phụ trách hạng mục công trình, ... Tất cả các chứng từ dùng làm cơ sở để ghi nhận chi phí phát sinh đều được các cấp có thẩm quyền phê duyệt như : giám đốc, phó giám đốc phụ trách chuyên môn, kế toán trưởng.



Hình 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty

Việc luân chuyển chứng từ tại công ty hiện tại được đánh giá khá nhanh chóng, đáp ứng kịp thời các thông tin phục vụ cho việc hạch toán chi phí sản xuất. Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công trường, kế toán đội sẽ tiến hành ghi sổ để theo dõi sau đó bảo quản chứng từ. Đến cuối tháng, kế toán đội sẽ chuyển toàn bộ chứng từ lên văn phòng kế toán của xí nghiệp, ban điều hành dự án. Kế toán xí nghiệp và ban điều hành căn cứ vào bộ chứng từ gốc nhận được sẽ tiến hành hạch toán vào các tài khoản chi phí liên quan. Đối với các công trình công ty

trực tiếp tổ chức thi công, định kỳ từ 5-10 ngày kế toán đội sau khi tập hợp chi phí, chứng từ phát sinh tại công trường sẽ chuyển cho kế toán của ban chỉ huy công trình để xác nhận và theo dõi sau đó chuyển bộ chứng từ lên kế toán văn phòng công ty để tiến hành tổ chức hạch toán và theo dõi chi phí phát sinh từng công trình. Nhìn chung việc lập chứng từ tại Công ty CPXD Sông Hồng 24 được thực hiện tốt và phục vụ có hiệu quả cho việc kiểm tra giám sát các nghiệp vụ phát sinh chi phí; đồng thời việc luân chuyển chứng từ nhanh chóng đã giúp cho việc hạch toán và theo dõi chi phí chặt chẽ và kịp thời.

Các loại chi phí	Chứng từ	Người lập	Người xét duyệt
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	- Hoá đơn GTGT - Phiếu chi, uỷ nhiệm chi - Thẻ kho - Phiếu nhập kho - Phiếu xuất kho	- Nhà cung cấp - Kế toán công ty, xí nghiệp - Thủ kho - Kế toán công ty, xí nghiệp - Kế toán công ty, xí nghiệp	- P.KT, KTT, CHT, Giám đốc - Kế toán trưởng, Giám đốc - Chỉ huy trưởng công trình - Kế toán trưởng, Giám đốc - Kế toán trưởng, Giám đốc
Chi phí nhân công trực tiếp	- Bảng lương nhân công - Bảng thanh toán khối lượng - Phiếu chi	- Kế toán đội thi công - Chỉ huy trưởng, đội trưởng - Kế toán công ty	- Kế toán trưởng, Giám đốc - Giám đốc - Kế toán trưởng, Giám đốc
Chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung	- Hoá đơn GTGT - Bảng phân bổ khấu hao - Phiếu chi	- Nhà cung cấp - Kế toán công ty - Kế toán công ty	- Chỉ huy trưởng, Giám đốc - Kế toán trưởng, Giám đốc - Kế toán trưởng, Giám đốc

Bảng 2.1: Bảng phân loại chứng từ

2.2.3.3. Giai đoạn ghi sổ kế toán

Đây là giai đoạn chính trong quy trình xử lý số liệu kế toán, bằng việc nhập, phân loại, tính toán, tổng hợp ... để chuẩn bị cung cấp các thông tin tổng hợp trên báo cáo. Quá trình hạch toán xử lý số liệu các nghiệp vụ chi phí tạo điều kiện thuận lợi để giám sát chặt chẽ các chi phí thông qua việc kiểm tra, đối chiếu thường xuyên với dự toán và chứng từ gốc. Tại Công ty CPXD Sông Hồng 24, hệ thống sổ sách kế toán đang thực hiện bao gồm: sổ chi tiết tài khoản, sổ tổng hợp công nợ, sổ cái tài khoản. Việc phân loại số liệu kế toán từ chứng từ vào hệ thống các loại sổ sẽ

cung cấp thông tin chỉ đạo hoạt động kinh doanh hàng ngày, phục vụ cho việc lập các báo cáo, phân tích chi phí cuối kỳ.

- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: căn cứ vào Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ và bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn vật tư tại các công trường gửi lên phòng tài chính kế toán, kế toán vật tư sau khi kiểm tra, đối chiếu số lượng vật tư thực tế xuất dùng tại công trường sẽ mở sổ chi tiết tài khoản 621 “chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” cho từng công trình và sổ tổng hợp cho tất cả các công trình mà thời điểm cuối tháng công ty đang thi công.

Cuối mỗi quý, kế toán tập hợp ghi sổ phát sinh tài khoản 621 cho tất cả các công trình công ty, đơn vị trực thuộc thi công. Đồng thời báo cáo giá trị của chi phí sản xuất dở dang của quý cho kế toán tổng hợp của công ty để xác định giá trị sản xuất dở dang của toàn công ty trong quý và căn cứ vào các bảng kê hoá đơn mua vào cho các loại vật tư, kế toán sẽ tiến hành lập các Bảng tổng hợp vật tư công trình, lập riêng cho từng loại thuế GTGT được khấu trừ tại công ty.

Thông qua việc tổ chức các sổ chi tiết tài khoản và sổ tổng hợp phát sinh tài khoản 621 đã giúp cho ban lãnh đạo công ty nắm được số liệu cần thiết và chi tiết đến tổng hợp trên mỗi tài khoản, đây cũng chính là căn cứ tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong quá trình kiểm tra chi phí nguyên vật liệu.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 621 - CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Nợ	Có
PC	05/12/2009	0034906	Thanh toán tiền vật tư thép CT Nhà thi đấu - Cty Nhân Luật	112	170.000.000	
PK	16/12/2009	0008052	Hoàn tạm ứng tiền mua vật tư cho Nguyễn Hữu Vinh - CT NTĐ	141	8.500.000	
PX	27/12/2009	08603	Xuất kho vật tư sắt thi công CT Nhà thi đấu	152	766.080.425	
					
KC	31/12/09	00042	Kết chuyển CPNVLT sang CPSXKDDD quý 4/2009	154		960.604.128

			Cộng phát sinh trong kỳ		4.560.604.128	4.560.604.128
--	--	--	-------------------------	--	---------------	---------------

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Lập biểu

Kế toán trưởng

Bảng 2.2: Trích sổ chi tiết tài khoản 621 của Công ty

- Đối với chi phí nhân công trực tiếp: khi khối lượng thực hiện của tổ thợ đã được kiểm tra, đối chiếu của các phòng nghiệp vụ và phê duyệt của giám đốc, kế toán tiến hành thanh toán hay hoàn tạm ứng cho các tổ thợ. Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp kế toán tiến hành mở sổ chi tiết tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” cho đối tượng là từng công trình cụ thể và sổ tổng hợp cho toàn bộ các công trình mà công ty, đơn vị trực thuộc đang thi công.

Cuối mỗi quý kế toán sẽ đưa giá trị chi phí nhân công vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cho kế toán tổng hợp của công ty theo dõi để xác định giá trị sản phẩm dở dang cho toàn công ty trong quý. Sổ tổng hợp phát sinh của tài khoản 622 được lập vào cuối mỗi quý có kết cấu giống sổ tổng hợp phát sinh của tài khoản 621.

Cách ghi sổ tài khoản 622 của công ty thuận tiện cho việc theo dõi chi phí thực tế phát sinh trong tháng, trong đó đưa ra được mối quan hệ đối ứng với các tài khoản có liên quan, giá trị và nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cách hạch toán rõ ràng trên sổ kế toán. Muốn kiểm tra, người quản lý có thể căn cứ vào số hiệu của chứng từ gốc và ngày ghi sổ kế toán, để tiết kiệm thời gian và góp phần giúp cho công tác kiểm tra đạt hiệu quả cao.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**TK 622 - CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP**

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Nợ	Có
PC	08/03/09	00512	Thanh toán tiền khối lượng từ 01-15/12/09 Võ Văn Đại - CT Nhà thi đấu	111	8.462.500	
PK	20/03/09	00056	Hoàn ứng tiền khối lượng Nguyễn Ngọc Tuấn - CT Nhà thi đấu	3312	11.500.000	
...			

KC	31/03/09	00034	Kết chuyển CPNCTT sang CPSXKDDD quý 4/2009	154		274.525.073
			Cộng phát sinh trong kỳ		274.525.073	274.525.073

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Lập biểu

Kế toán trưởng

Bảng 2.3: Trích sổ chi tiết tài khoản 622 của Công ty

- Đối với chi phí sử dụng máy thi công : trong thực tế, hàng năm chi phí sử dụng máy thi công phát sinh tại công ty, các đơn vị trực thuộc chiếm một tỷ lệ không cao trong chi phí sản xuất phát sinh của đơn vị. Căn cứ chi phí nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu phục vụ trực tiếp cho việc chạy máy thi công ở công trường chuyên lên, chi phí khấu hao máy thi công phân bổ cho từng công trình có sử dụng máy thi công

Kế toán cũng mở sổ chi tiết tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công” nhằm theo dõi và kiểm soát chặt chẽ chi phí sử dụng máy thi công tại công trường.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**TK 623 - CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG****Tháng 12 năm 2009**

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Nợ	Có
PC	18/12/09	0045618	Thanh toán tiền dầu diesel cho Nguyễn Văn An - CT Nhà thi đấu	111	1.264.129	
PK	20/03/09	0049057	Hoàn ứng tiền sửa máy đào đất cho Trần Đức Hải - CT Nhà thi đấu	141	2.500.000	
...	
PK	30/03/09	00022	Phân bổ khấu hao máy thi công quý 04/2008	214	2.555.454	
KC	31/03/09	00042	Kết chuyển CP sử dụng máy thi công sang CPSXKDDD quý 4/2009	154		24.736.200
			Cộng phát sinh trong kỳ		24.736.200	24.736.200

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Lập biểu

Kế toán trưởng

Bảng 2.4: Trích sổ chi tiết tài khoản 623 của Công ty

- Đối với các chi phí sản xuất chung: bao gồm các chi phí khác phát sinh tại công trường như: chi phí tiếp khách, tiền công tác phí, ... thì căn cứ vào các hoá đơn, kế toán sẽ lập phiếu chi. Riêng chi phí khấu hao TSCĐ vì TSCĐ ở công ty thường có giá trị lớn liên quan đến nhiều đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nên kế toán công ty tiến hành theo dõi quá trình tính khấu hao. Tại Công ty CPXD Sông Hồng 24, phương pháp tính khấu hao TSCĐ là phương pháp khấu hao theo đường thẳng. Đến cuối mỗi quý, kế toán tài sản vật tư của công ty sẽ phân bổ mức khấu hao được trích cho các đơn vị trực thuộc, các công trình theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung, kế toán mở sổ chi tiết tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” cho từng công trình. Cuối mỗi quý, kế toán lập sổ tổng hợp phát sinh tài khoản 627 và có nhiệm vụ đưa giá trị chi phí sản xuất chung cuối quý kết chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cho kế toán tổng hợp của công ty để xác định giá trị dở dang của toàn bộ công ty.

Cùng với công tác ghi sổ kế toán, định kỳ hoặc khi công trình hoàn thành thì công tác kiểm tra đối chiếu diễn ra và nếu có sự sai lệch sổ sách với nhau thì kế toán sẽ điều chỉnh kịp thời. Các loại sổ sách kế toán ở công ty là bước trung gian quan trọng giữa chứng từ gốc và các báo cáo chi phí; là cơ sở để kiểm tra và truy cập về các chứng từ gốc khi cần thiết. Do đó giai đoạn này đã tác động tích cực đến công tác kiểm soát chi phí tại công ty.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 627 - CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ			Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Mã	Ngày	Số			Nợ	Có
PC	05/12/09	0387520	Thanh toán tiền tiếp khách cho Võ Đình Mến - CT Nhà thi đấu	111	525.000	
PC	20/12/09	0004960	Thanh toán tiền công tác phí cho Trần Hữu Phúc - CT Nhà thi đấu	111	2.350.000	

...	
PB	31/12/09	00418	Phân bổ CCDC quý 4/2009	153	3.750.000	
PB	31/12/09	00419	Phân bổ khấu hao TSCĐ quý 4/2009	214	23.400.682	
KC	31/12/09	00021	Kết chuyển CP sản xuất chung sang CPSXKDDD quý 4/2009	154		197.905.175
			Cộng phát sinh trong kỳ		197.905.175	197.905.175

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Lập biểu

Kế toán trưởng

*Bảng 2.5: Trích sổ chi tiết tài khoản 627 của Công ty***2.2.3.4. Giai đoạn lập các báo cáo**

Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình xử lý nhằm tổng hợp số liệu trên sổ sách thành những chỉ tiêu trên báo cáo. Các báo cáo chi phí là công cụ quan trọng cung cấp thông tin cho nhà quản lý ra các quyết định về chi phí một cách phù hợp để đảm bảo các chi phí phát sinh và giá thành công trình hợp lý, không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái, bảng tổng hợp công nợ, ... kế toán tổng hợp của công ty và các đơn vị trực thuộc tiến hành tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu cẩn thận, đảm bảo tính chính xác, trung thực trước khi lập báo cáo tài chính cũng như các báo cáo chi phí phục vụ yêu cầu quản lý công ty.

Do đặc thù của ngành xây dựng trong việc xác định khối lượng sản phẩm hoàn thành cũng như sản phẩm dở dang tiến hành rất phức tạp, vì vậy quá trình xác định kết quả kinh doanh diễn ra kéo dài dẫn đến các báo cáo chi phí thường bị chậm trễ. Hiện tại, các báo cáo tổng hợp về chi phí sản xuất của công ty chủ yếu được lập vào cuối quý. Trong kỳ, thông tin về các chi phí cơ bản là các báo cáo theo yêu cầu của lãnh đạo và các bộ phận chức năng. Các báo cáo nhanh về chi phí thường tập trung vào các nội dung sau:

- Kiểm tra lượng ứng tiền chi phí nhân công cho các đơn vị thi công.
- Kiểm tra lượng vật tư được sử dụng và còn tồn kho ở các đội, các công trình.
- Kiểm tra các chi phí nhất định, chi phí biến động mạnh.

Các báo cáo nhanh giúp nhà quản lý nắm bắt nhanh tình hình phát sinh các chi phí quan trọng, phát sinh thường xuyên trong quá trình thi công các công trình, từ đó có thể ra các quyết định chỉ đạo kịp thời đối với các nghiệp vụ chi phí.

Đối với các báo cáo định kỳ hàng tháng, các thông tin được báo cáo về cơ bản bao gồm các thông tin như báo cáo nhanh tuy nhiên hình thức báo cáo mang tính chính thức và tổng hợp hơn. Các báo cáo tháng ở công ty gồm:

- Báo cáo tổng hợp công nợ các đơn vị thi công. Báo cáo này tổng hợp tình hình tạm ứng và hoàn ứng chi phí nhân công của các đội, các đơn vị thi công.

- Bảng Nhập Xuất Tồn vật tư, trong đó tổng hợp tình hình biến động vật tư chung ở công ty, giúp kiểm tra, đối chiếu tình hình vật tư đã sử dụng ở các đơn vị thi công cho từng công trình.

Đối với chu trình chi phí tại công ty, hàng tháng kế toán còn lập các báo cáo sản lượng thực hiện trong tháng đối với tất cả các công trình mà công ty hoặc đơn vị trực thuộc trực tiếp theo dõi, qua báo cáo này giúp cho nhà quản lý nắm được số lượng công trình đang thi công, giá trị thực hiện bao nhiêu và đã thực hiện đến đâu, đồng thời xem xét tiến độ thi công của công trình có được đảm bảo theo hợp đồng hay không để có các biện pháp nhắc nhở và xử lý kịp thời. Với phương thức quản lý này, ngoài các báo cáo trên kế toán còn lập một số báo cáo nội bộ khác đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý.

Các báo cáo quý bên cạnh tổng hợp các thông tin như phản ánh ở trên, còn tổng hợp tình hình chi phí phát sinh trong kỳ. Đặc biệt báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất được lập cho từng công trình là cơ sở để đối chiếu kiểm tra tình hình chi phí với dự toán của từng công trình. Việc đối chiếu so sánh với dự toán được thực hiện kết hợp với báo cáo khối lượng về từng công trình để đánh giá chi phí so với mức độ hoàn thành từng công trình đến thời điểm cuối quý.

BÁO CÁO KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

Quý 4 năm 2009

Stt	Tên công trình	Giá trị dự toán	Khối lượng thực hiện lũy kế đến 30/09/2009	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2009
-----	----------------	-----------------	--	--------------------	---------------------------------

1	Nhà ở CBCNV Nhà máy lọc dầu Dung Quất	72.406.738.000	52.809.450.000	4.822.650.300	57.632.100.300
2	Trung tâm kỹ thuật Gtel mobile Đà Nẵng	6.101.545.000	3.688.760.320	1.667.942.000	5.356.702.320
3	Công ty Cao su Quảng Trị	9.565.422.000	4.429.830.264	2.980.000.000	7.409.830.264
4	Phần móng siêu thi VDA Đà Nẵng (corp.mart)	4.800.500.000	4.155.620.060	405.000.000	4.560.620.060
5	Siêu thị Thuận An - Huế	11.410.962.000	3.840.056.000	2.880.505.000	6.720.561.000
6	Nhà thi đấu TDTT Đà Nẵng	75.510.000.000	5.100.000.000	18.804.562.000	23.904.562.000
7	Khu du lịch Resort & spa Bãi Bắc Đà Nẵng	9.404.500.000	5.800.600.000	2.708.946.200	8.509.546.200
	Tổng cộng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Bảng 2.6: Trích báo cáo khối lượng thực hiện năm 2009 của công ty***BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT****Quý 4 năm 2009**

Công trình : Nhà thi đấu TDTT Thành phố Đà Nẵng

STT	Các khoản mục chi phí	CPSX năm trước chuyển sang	Phát sinh trong kỳ		Tổng số CPSX lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
			Kỳ báo cáo	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo		
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		960.604.128	960.604.128	960.604.128	
2	Chi phí nhân công trực tiếp		274.525.073	274.525.073	274.525.073	
3	Chi phí sử dụng máy thi công		24.736.200	24.736.200	24.736.200	
4	Chi phí sản xuất chung		197.905.175	197.905.175	197.905.175	
	Tổng cộng	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng 2.7: Trích bảng tổng hợp chi phí sản xuất năm 2009 của công ty

Việc có được một hệ thống thông tin kế toán hiệu quả đã giúp cho kế toán công ty đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu thông tin về chi phí cho quản lý. Hệ thống kế toán của công ty được đánh giá là đáp ứng khá tốt các nhu cầu thông tin về chi phí của quản lý trên các khía cạnh: tổng hợp chi phí và kiểm tra, đối chiếu về chi phí. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định trong các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở các đội thi công, chẳng hạn trong khâu lập chứng từ các nghiệp vụ nhập xuất vật tư tại kho công trình của các đội, chứng từ do kế toán của đội lập, sau đó chuyển

lên kế toán công ty để hạch toán. Việc kiểm tra lượng vật tư nhập xuất kho và ký xác nhận được giao cho các cán bộ giám sát công trình của công ty. Kế toán công ty không trực tiếp tham gia giám sát và lập chứng từ mà chỉ tiếp nhận chứng từ rồi chuyển lên cho kế toán trưởng, giám đốc ký duyệt và hạch toán. Như vậy, hầu như các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở đội đều do kỹ thuật giám sát công trình của công ty kiểm tra là chính. Điều này là hạn chế có thể gây phát sinh chi phí bất hợp lý.

2.2.4. Thủ tục kiểm soát chi phí tại Công ty CPXD Sông Hồng 24

Do đặc điểm về nội dung cũng như quá trình phát sinh chi phí là khác nhau đối với từng loại chi phí, các thủ tục kiểm soát được xây dựng và áp dụng một cách phù hợp đối với từng loại chi phí phát sinh trong quá trình thi công công trình. Chi phí thi công công trình bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung.

2.2.4.1. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

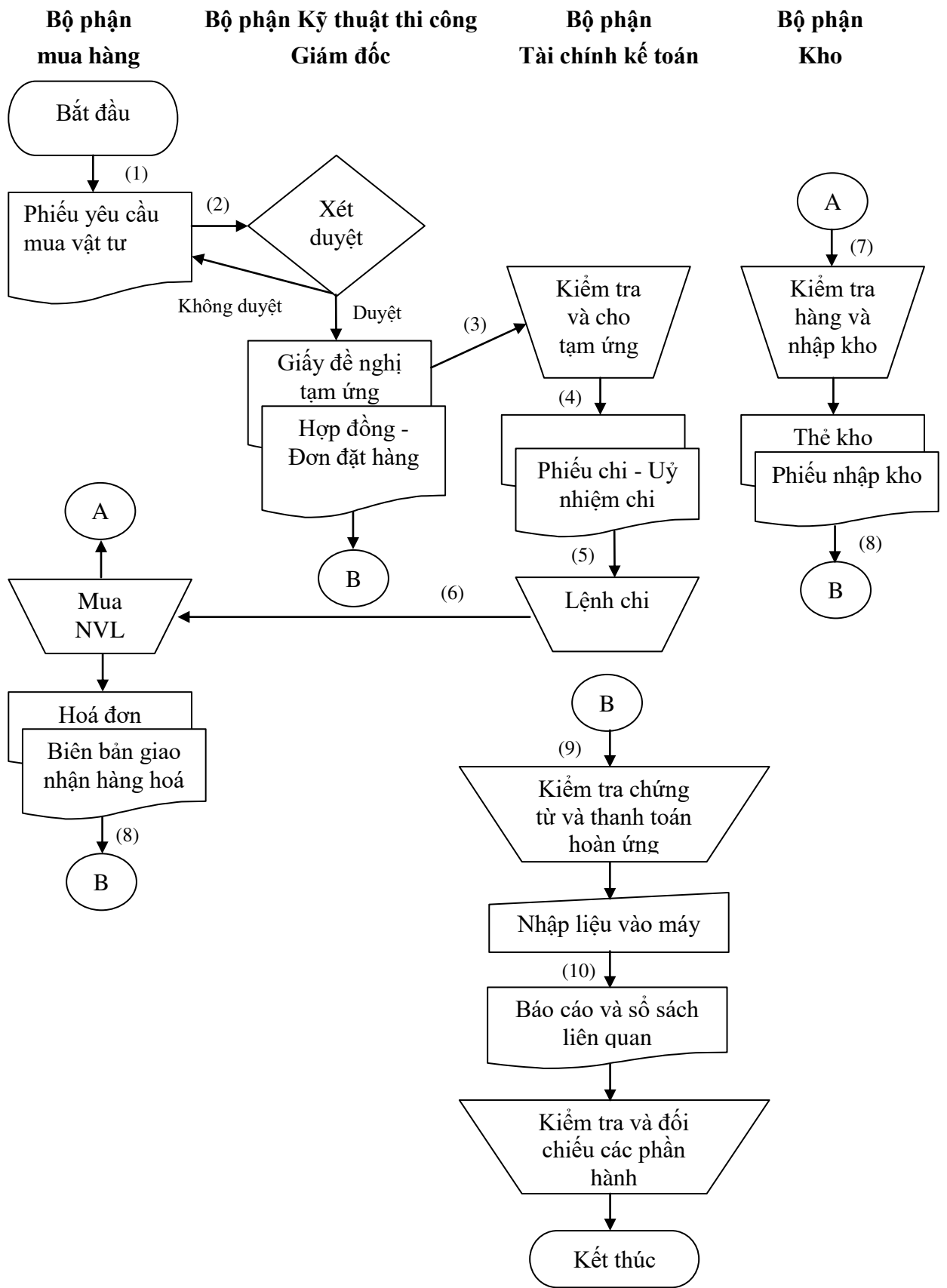
Tại công ty, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là chi phí chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 75%-80%) trong giá thành sản phẩm với nhiều chủng loại khác nhau nhưng lại dễ bị thất thoát, hao hụt, sử dụng không đúng quy cách, ... và đây cũng là khoản mục ảnh hưởng lớn nhất đến chất lượng công trình. Vì vậy kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong ngành xây dựng không chỉ là vấn đề kiểm soát chi phí mà vấn đề quan trọng hơn là việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu gắn liền với việc đảm bảo chất lượng công trình. Để đảm bảo mục tiêu đó, việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu phát sinh được thực hiện cho từng loại nghiệp vụ và theo từng đối tượng chịu chi phí để phát hiện kịp thời những lãng phí, mất mát, những sai phạm về chất lượng và đảm bảo quá trình tính đúng giá thành công trình xây dựng.

Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu phục vụ sản xuất thi công công trình ở công ty thể hiện qua 02 trường hợp:

a. Công ty mua nguyên vật liệu - nhập kho công ty, sau đó xuất kho nguyên vật liệu cho các đơn vị trực thuộc để tiến hành thi công công trình:

Quá trình kiểm soát này sẽ được thực hiện qua 02 chu trình:

- *Kiểm soát chu trình mua hàng và nhập kho:*



Hình 2.5: Lưu đồ kiểm soát chu trình mua hàng nhập kho NVL tại Công ty

(1) Bộ phận vật tư căn cứ trên kế hoạch sản xuất, lượng vật tư tồn kho, dự toán thi công, bộ phận vật tư sẽ viết phiếu yêu cầu mua vật tư và kèm theo bảng báo giá vật tư để tham khảo.

(2) Phòng kỹ thuật thi công căn cứ vào kế hoạch sản xuất hoặc dự toán để kiểm tra phiếu đề nghị xuất vật tư, sau đó trình lãnh đạo phê duyệt, nếu đồng ý sẽ ký duyệt giấy đề nghị tạm ứng, hợp đồng hoặc đơn đặt hàng rồi chuyển sang phòng kế toán.

(3) Tiếp theo phòng tài chính kế toán cũng căn cứ vào dự toán, phiếu yêu cầu mua vật tư, hợp đồng để kiểm tra và thực hiện chuyển tiền thanh toán cho nhà cung cấp hoặc cho bộ phận mua hàng tạm ứng tiền.

(4) Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng sau khi được duyệt, kế toán thanh toán viết phiếu chi trình ký và giao cho thủ quỹ 01 liên.

(5) Thủ quỹ kiểm tra phiếu chi đã được duyệt và thực hiện chi tiền

(6) Sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết (phiếu yêu cầu mua vật tư, đơn đặt hàng) bộ phận mua hàng tiến hành mua vật tư theo yêu cầu, kèm theo hoá đơn mua hàng và biên bản giao nhận hàng hoá.

(7) Thủ kho tiến hành nhận vật tư đồng thời kiểm tra vật tư về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, và sau đó ký vào phiếu nhập kho và vào thẻ kho.

(8) Sau đó bộ phận mua hàng chuyển phiếu nhập kho và các chứng từ gốc liên quan đến việc mua hàng lên phòng tài chính kế toán để làm thủ tục thanh toán hoàn ứng.

(9) Căn cứ vào các chứng từ có liên quan đến việc mua hàng, phòng tài chính kế toán kiểm tra và thanh toán hoàn ứng cho bộ phận mua hàng hoặc thanh toán cho nhà cung cấp, sau đó nhập dữ liệu vào máy.

(10) Đến cuối kỳ phòng tài chính kế toán sẽ in ra bảng kê phiếu nhập, sổ chi tiết công nợ, sổ chi tiết vật tư, tiến hành kiểm tra đối chiếu số lượng nguyên vật liệu với thủ kho và với bộ phận vật tư. Ngoài ra, định kỳ kế toán còn thường xuyên đối chiếu kiểm tra sổ chi tiết vật tư với kho.

(*) Trong xây dựng, theo đặc điểm tính chất của ngành, có một số vật tư chính (sắt, thép, bê tông...) mang tính chất thường kỳ. Sau khi ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dựa trên các đơn đặt hàng đã được lãnh đạo phê duyệt. Nhà cung cấp tiến hành cấp hàng theo biên bản giao nhận hoặc phiếu xác nhận hàng kỳ và trình Chỉ huy trưởng công trình xác nhận khối lượng này. Định kỳ, cuối tháng hoặc cuối quý, nhà cung cấp gửi phiếu xác nhận được kỹ thuật xác nhận này cùng giấy đề nghị thanh toán và hoá đơn lên kế toán để kế toán đối chiếu, kiểm tra và thanh toán.

- Kiểm soát chu trình xuất kho thi công công trình

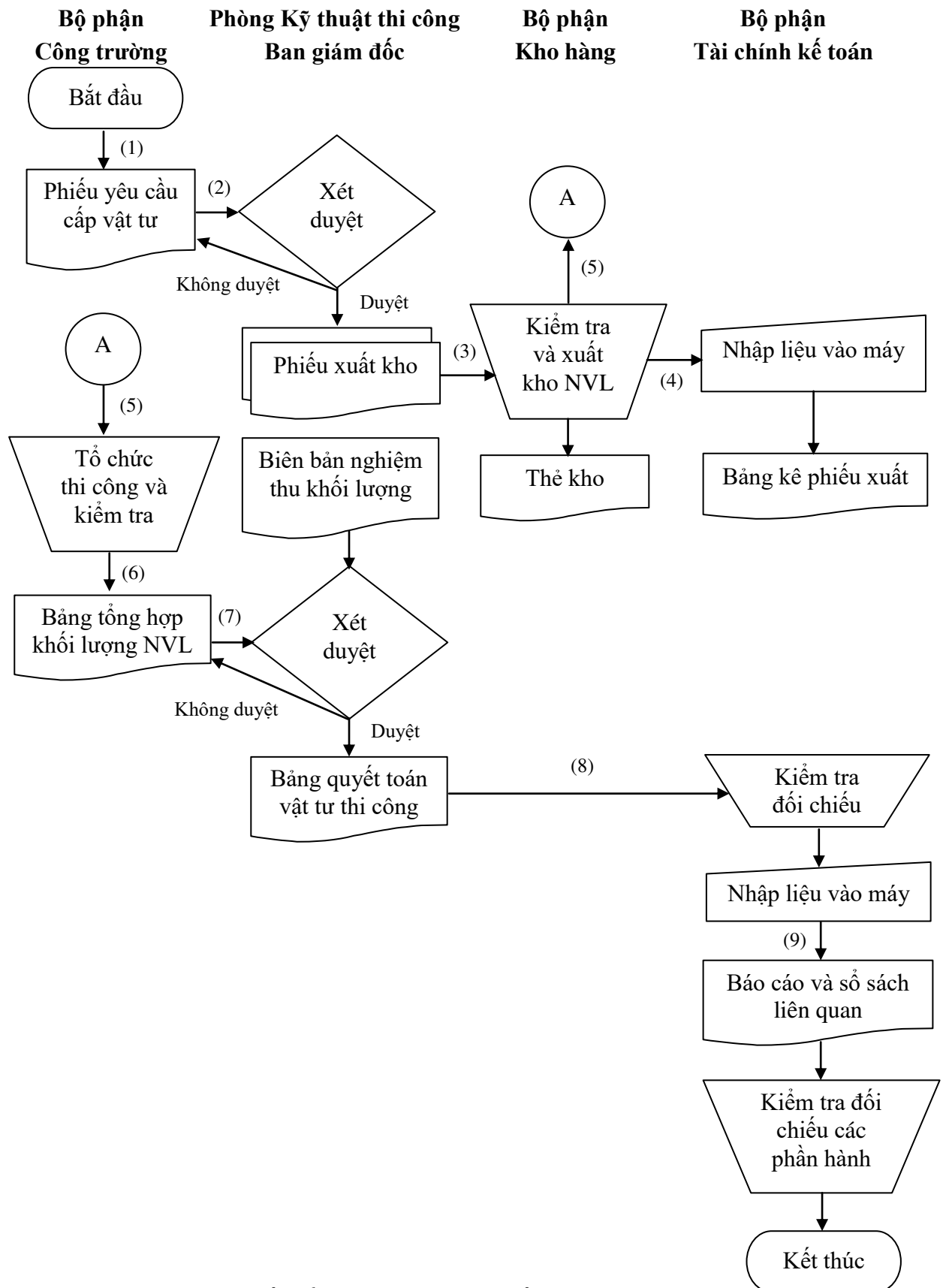
(1) Bộ phận chỉ huy các công trường, căn cứ vào phiếu giao nhiệm vụ, quyết định, hợp đồng giao khoán, dự toán thi công đề xuất phiếu yêu cầu cấp vật tư

(2) Phòng Kỹ thuật thi công, Ban giám đốc cũng căn cứ vào dự toán hoặc phiếu giao nhiệm vụ để xét duyệt, nếu đồng ý duyệt, bộ phận vật tư sẽ lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 03 liên, 01 liên lưu ở phòng vật tư, 01 liên chuyển xuống thủ kho để xuất kho theo yêu cầu, 01 liên lưu ở các đội thi công để theo dõi

(3) Thủ kho sau khi kiểm tra phiếu xuất kho, tiến hành xuất nguyên vật liệu theo đúng nội dung phiếu xuất cho các bộ phận, đồng thời ký vào phiếu xuất kho và vào thẻ kho

(4) Theo qui định tại công ty, định kỳ thủ kho tập hợp gửi phiếu xuất kho lên phòng kế toán để kiểm tra, sau đó kế toán cập nhật dữ liệu vào máy và in các sổ sách, báo cáo.

(5) Sau khi nhận nguyên vật liệu, các bộ phận quản lý công trường sẽ tiến hành tổ chức sản xuất thi công đồng thời kiểm tra thường xuyên việc sử dụng nguyên vật liệu.



Hình 2.6: Lưu đồ kiểm soát chu trình xuất kho NVL tại Công ty

Hằng ngày mọi hoạt động tổ chức sản xuất, thi công đều được phản ánh đầy đủ vào Nhật ký công trình, nhằm đảm bảo sự thuận lợi cho việc kiểm soát trong quản lý. Ở ban quản lý công trường, chỉ huy trưởng, kỹ thuật, kế toán, và thủ kho phải phối hợp, giám sát chặt chẽ lẫn nhau trong công tác giao nhận vật tư thi công công trình để tránh dẫn đến sự thất thoát, gian lận nguyên vật liệu đáng kể gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

(6) Cuối kỳ kế toán các đội thi công lập bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình có chữ ký của các đối tượng liên quan... và chuyển lên phòng kỹ thuật thi công và bộ phận vật tư để kiểm tra đối chiếu. Đồng thời, cuối kỳ, phòng kỹ thuật thi công và bộ phận vật tư thực hiện kiểm tra hiện trường và nếu đồng ý sẽ lập biên bản nghiệm thu khối lượng cho từng công trình và hạng mục công trình.

(7) Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng và định mức dự toán, phòng kỹ thuật vật tư kiểm tra bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu, nếu đồng ý duyệt sẽ lập bảng quyết toán vật tư. Trong trường hợp không đồng ý ký duyệt trong bảng quyết toán vật tư, phòng kỹ thuật thi công, bộ phận vật tư và bộ phận công trường phải trình ý kiến lên lãnh đạo đánh giá và tìm hiểu nguyên nhân để có hướng xử lý.

(8) Phòng tài chính kế toán căn cứ vào bảng quyết toán vật tư và biên bản nghiệm thu để kiểm tra so với bảng kê phiếu xuất, sau đó nhập dữ liệu vào máy

(9) Cuối kỳ, kế toán in ra bảng kê phiếu xuất, sổ chi tiết tài khoản 621, bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn vật tư và đối chiếu số liệu hàng nhập xuất ở kho với thủ kho, phòng kỹ thuật vật tư và với các phân hành liên quan.

CÔNG TY CPXD SÔNG HỒNG 24

Lô 17A2 Trần Hưng Đạo - Đà Nẵng

PHIẾU XUẤT KHO

Số : 0226

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Nợ TK	621
Có TK	152B1

Họ và tên người nhận:

Phạm Văn Hiếu

Địa chỉ :

BCH công trình số 05

Lý do xuất kho :

Xuất sắt và ximăng - công trình Nhà thi đấu Đà Nẵng

Kho xuất :

CTDN006

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép d18		cây	30	30		
2	Thép d20		cây	60	50		
3	Ximăng KĐ PC30		tấn	10	10		
						
	Tổng cộng						

(Bảng chữ :)

Chỉ huy trưởng

Kế toán

Phụ trách vật tư

Người nhận

Thủ kho

Hình 2.7: Mẫu phiếu xuất kho vật tư của công ty

b. Công ty mua nguyên vật liệu xuất thẳng cho các ban chỉ huy công trường, các đội thi công (nhập xuất thẳng nguyên vật liệu)

Nhằm tận dụng, khai thác nguồn nguyên vật liệu của địa phương nơi công trình thi công và hạn chế việc hao hụt, mất mát nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyển, bảo quản đồng thời tiết kiệm chi phí vận chuyển, công ty đã tiến hành mua nguyên vật liệu tại địa phương hoặc những địa điểm gần công trình và xuất thẳng đến ban chỉ huy các công trình đó. Chẳng hạn các công trình Khu đô thị mới An Cựu Huế, Siêu thị Thuận An Huế, nguồn cung cấp nguyên vật liệu là: cát lấy tại sông Hương, thép, ximăng, bê tông các loại lấy tại nhà cung cấp đóng trên địa bàn Huế. Các loại nguyên liệu này mua theo giá đơn vị đưa ra và được tập kết thành từng đợt. Ximăng và sắt được bảo quản tại kho công trình, còn cát đá được tập hợp tại hiện trường...che phủ, và tránh hướng gió.

Trong trường hợp này, kiểm soát chi phí nguyên vật liệu cũng gồm hai chu trình: kiểm soát chu trình mua hàng - nhập kho nguyên vật liệu (tại Ban chỉ huy công trường) và kiểm soát chu trình tổ chức thực hiện thi công công trình.

- *Kiểm soát chu trình mua hàng và nhập kho* tại các ban chỉ huy công trường. Quá trình kiểm soát chu trình này được thực hiện tương tự như chu trình mua hàng nhập kho công ty, tuy nhiên có vài sự khác biệt đó là:

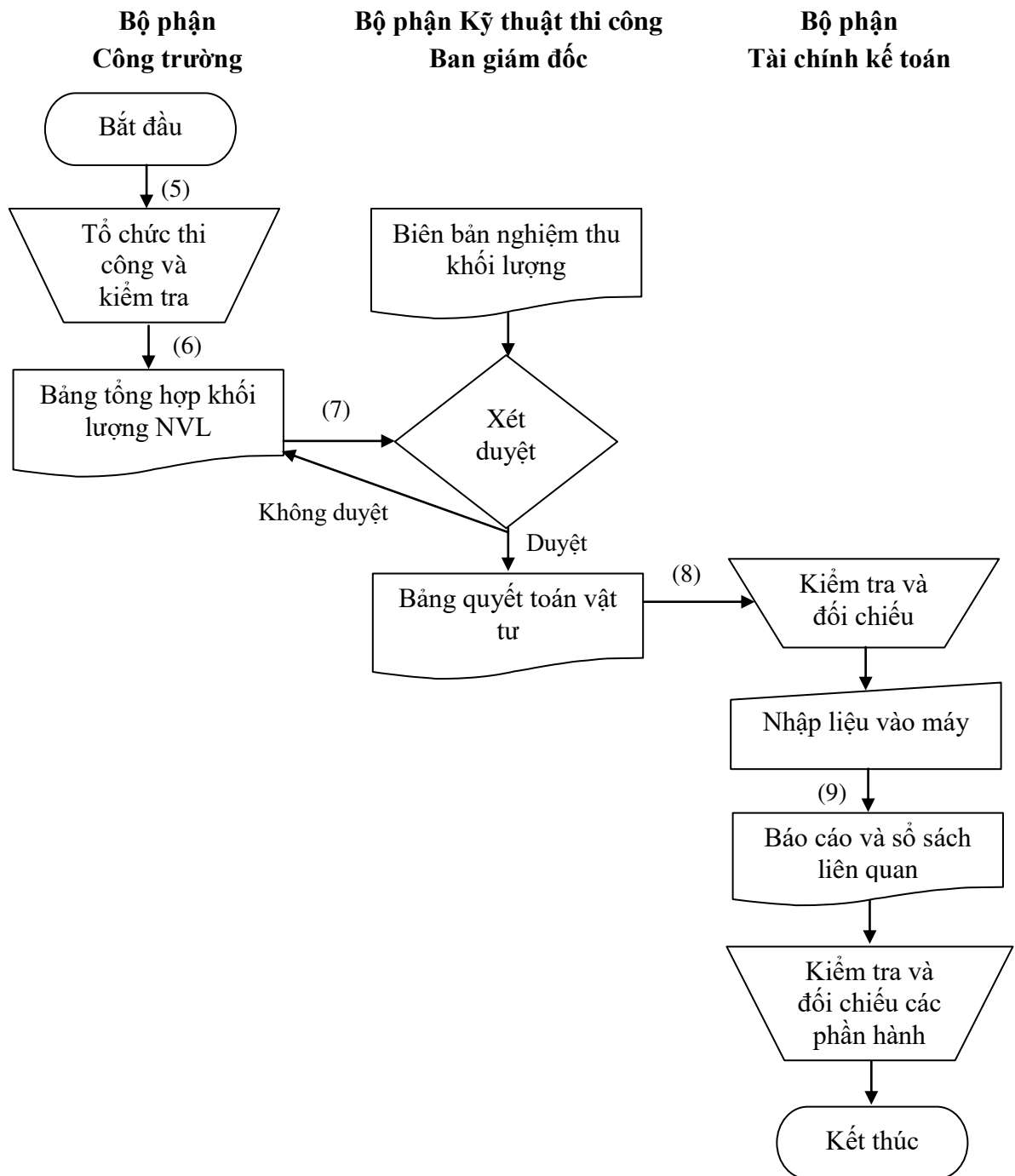
+ Bộ phận kho hàng trong chu trình này là bộ phận kho hàng của Ban chỉ huy công trường.

+ Biên bản giao nhận hàng hoá trong chu trình này phải có chữ ký của Ban chỉ huy công trường. Đơn giá hàng hoá mua nhập kho và yêu cầu cấp vật tư phải được trình lên Phòng Kỹ thuật thi công và Ban giám đốc để được xét duyệt.

+ Phiếu nhập kho do thủ kho của công trình lập là chứng từ để theo dõi, đối chiếu và kiểm tra về tình hình nguyên vật liệu ở kho phục vụ cho công trình chứ không phải là chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán nguyên vật liệu.

- *Kiểm soát chu trình xuất kho* thực hiện thi công công trình tại ban chỉ huy. Quá trình kiểm soát chu trình này thực hiện tương tự như chu trình xuất kho nguyên vật liệu thi công của công ty nhưng được bắt đầu từ bước (5) đến bước (9) vì trong chu trình này không có bộ phận kho hàng.

Ngoài các chu trình kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trên, công ty cũng đã có sự quan tâm đến kiểm soát chi phí và giá cả, nhà cung cấp và điều kiện kho bãi để bảo quản và luân chuyển vật tư. Nhưng sự quan tâm này chưa được thực hiện tốt. Công ty chưa có sự đánh giá, lựa chọn năng lực các nhà cung cấp, giá cả nguyên vật liệu mà gần như là vật tư của các hạng mục công trình đều được giám đốc công ty lựa chọn ở các nhà cung cấp quen thuộc cả về mặt chất lượng, giá cả thông qua các bảng báo giá do bộ phận mua hàng trình duyệt. Đối với các nguyên vật liệu như xi măng, sắt thép, các cấu kiện bê tông đúc sẵn, v.v... đều được bảo quản bởi hệ thống kho, container, bãi có hàng rào chắn khoá cẩn thận. Mọi thất thoát, hư hỏng thủ kho phải có trách nhiệm bồi thường. Đồng thời định kỳ, thủ kho phải lập báo cáo về tình hình hàng tồn kho để có kế hoạch tập kết cho đợt hàng mới.



Hình 2.8: Lưu đồ kiểm soát thi công nhập xuất thẳng vật tư công trình tại Công ty

2.2.4.2. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Đặc điểm của hoạt động xây dựng là địa bàn hoạt động rộng, không ổn định và chịu ảnh hưởng nhiều của thời tiết, do đó nhân công trực tiếp sản xuất hầu hết đều thuê ngoài. Số nhân công này sẽ được thuê từ lúc khởi công công trình cho đến

lúc hoàn thành theo hợp đồng ngắn hạn. Vào những thời điểm cao nhất trên các công trường, số lượng công nhân trực tiếp sản xuất có thể lên đến hàng trăm, hàng ngàn người. Tuy nhiên, việc thuê ngoài có nhược điểm là trình độ tay nghề của công nhân không ổn định, do đó người phụ trách kỹ thuật công trường phải có biện pháp quản lý gắt gao, chặt chẽ đồng thời yêu cầu đối với tổ trưởng về trình độ của công nhân đối với từng công việc,... nhằm đảm bảo chất lượng và thời gian thi công công trình.

Khi thuê nhân công, công ty thường làm hợp đồng với đội, tổ thi công và có thể khoán cho họ từng hạng mục hay giai đoạn công việc dựa vào định mức khoán phù hợp; phòng kinh tế kế hoạch và phòng kỹ thuật thi công sẽ căn cứ vào dự toán định mức chi phí nhân công trực tiếp, căn cứ vào mức thu nhập của người lao động trên địa bàn mà xác định đơn giá khoán cho phù hợp và đảm bảo mức thu nhập cho người lao động.

Chi phí nhân công = Khối lượng công việc theo thực tế thi công x Đơn giá khoán công việc
 Công tác kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp được thực hiện theo quy trình sau:

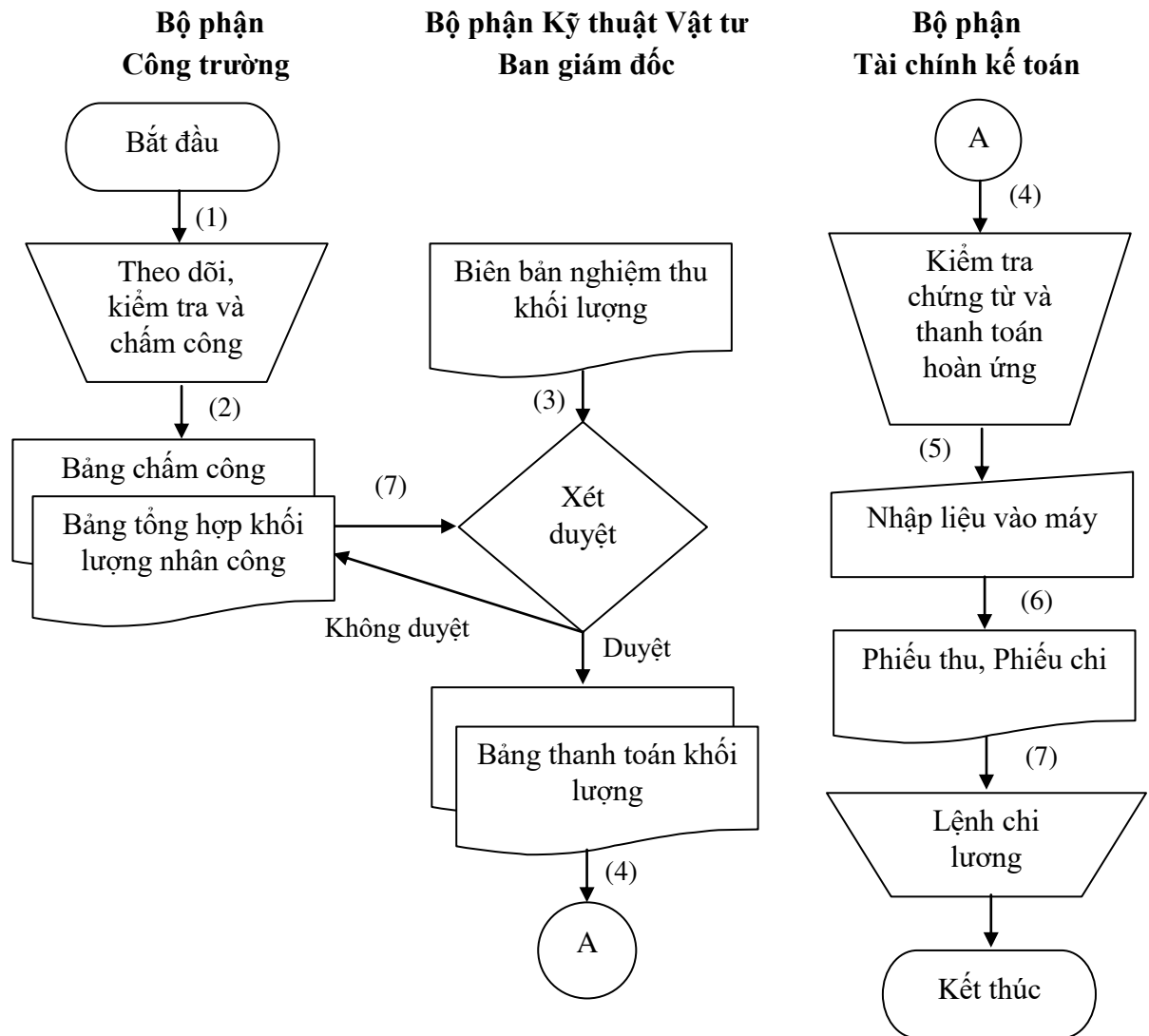
Các đội thi công cũng được tạm ứng trước số tiền tương tự như quy trình mua nguyên vật liệu. Vì vậy, việc kiểm soát chi phí nhân công được tiến hành từ quá trình tổ chức sản xuất thi công tại các công trình như sau:

(1) Đội thi công sau khi nhận được phiếu giao việc hoặc hợp đồng giao khoán và tiền tạm ứng, sẽ tiến hành tổ chức sản xuất thi công. Chỉ huy trưởng công trường hàng ngày sẽ giao cho thủ kho hay bảo vệ tiến hành chấm công các đội thợ thi công và bố trí kỹ thuật kiểm soát khối lượng nhân công theo dự toán, đồng thời giám sát về chất lượng công việc và trình độ của công nhân.

(2) Cuối kỳ, ban chỉ huy các công trường sẽ tổng hợp bảng chấm công và lập bảng tổng hợp khối lượng nhân công do các đội thi công thực hiện được và đã được ký nhận của bên liên quan.

Đồng thời, cuối kỳ, phòng kỹ thuật thi công tiến hành kiểm tra hiện trường và nếu đồng ý lập biên bản nghiệm thu khối lượng cho từng hạng mục công trình, công trình.

Quy trình kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp được minh họa như sau:



Hình 2.9: Lưu đồ kiểm soát chi phí nhân công tại Công ty

(3) Bảng tổng hợp khối lượng nhân công và bảng chấm công sẽ được bộ phận quản lý công trường chuyển đến phòng kinh tế kế hoạch và phòng kỹ thuật thi công. Phòng kỹ thuật thi công căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng và dự toán để kiểm tra, đối chiếu nếu đồng ý sẽ lập bảng thanh toán khối lượng nhân công.

(4) Bảng khối lượng tạm ứng lương và giấy đề nghị tạm ứng của đội thi công sau khi có đầy đủ chữ ký nhận sẽ chuyển đến phòng tài chính kế toán để lưu, theo dõi, kiểm tra. Đồng thời, dựa vào bảng thanh toán khối lượng nhân công đã được

duyệt là căn cứ để kế toán tiến hành thanh toán, hoàn ứng cho các đội, kế toán sẽ nhập liệu vào máy.

(6) Sau đó, kế toán làm phiếu chi (khối lượng hoàn ứng còn dư) hoặc phiếu thu (khối lượng thanh toán ít hơn số ứng cho công trình đó).

(7) Thủ quỹ kiểm tra Phiếu chi (thu) và thực hiện chi tiền (thu)

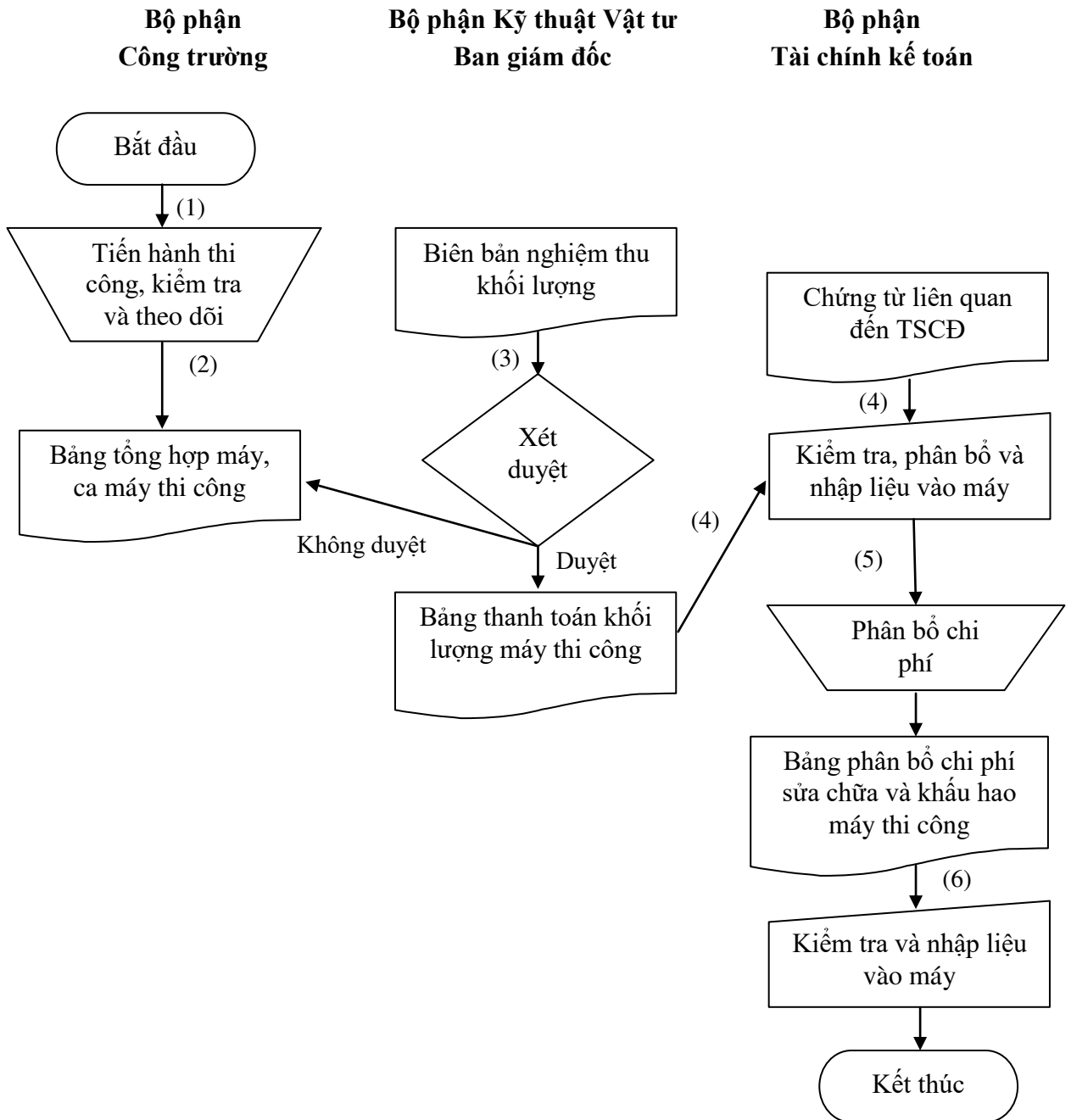
Cuối kỳ kế toán in ra sổ chi tiết tài khoản 622, sổ tổng hợp số phát sinh theo tài khoản 622, và đối chiếu giữa bảng thanh toán với bảng tính lương và sổ chi tiết công nợ tạm ứng.

2.2.4.3. Kiểm soát chi phí máy thi công

Tại công ty hiện nay đã trang bị cho mình các thiết bị máy móc thi công hiện đại, đáp ứng nhu cầu thi công các công trình lớn của công ty, đồng thời góp phần đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào ứng dụng trong thực tiễn sản xuất, làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm thời gian và chi phí... Chi phí máy thi công bao gồm: Chi phí nhiên liệu cho máy thi công như: xăng, dầu, ...; chi phí vật liệu phục vụ cho việc sửa chữa thay thế xe máy; chi phí khấu hao xe, máy; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Tại công ty, đội quản lý thiết bị, máy móc cũng được tạm ứng tiền để thực hiện sản xuất thi công công trình như các quy trình trên, do vậy việc kiểm soát cũng được thực hiện từ các đội quản lý thiết bị, máy móc.

Quy trình thực hiện kiểm soát chi phí máy thi công ở Công ty CPXD Sông Hồng 24 được thể hiện như lưu đồ sau:



Hình 2.10: Lưu đồ kiểm soát chi phí máy thi công tại Công ty

(1) Căn cứ vào phiếu giao việc hoặc lệnh điều động (của công ty) các đội quản lý thiết bị tổ chức sản xuất, kiểm tra, sử dụng máy thi công và tập hợp các

chứng từ liên quan (nếu phát sinh) như hóa đơn, hợp đồng thuê máy (trường hợp phải thuê máy thi công) ... Các chứng từ liên quan được đến máy thi công (như nhiên liệu, trang thiết bị, duy tu, gia cố, bảo dưỡng đều phải trình ý kiến của Phòng kỹ thuật thi công và Ban giám đốc xem xét cho ý kiến chỉ đạo.

(2) Định kỳ, các đội quản lý thiết bị máy móc tổng hợp chi phí máy thi công và lập bảng tổng hợp chi phí máy thi công có sự phê chuẩn, ký duyệt của các bên có liên quan và các chứng từ gốc kèm theo chuyển đến phòng kỹ thuật vật tư.

Đồng thời, định kỳ phòng kỹ thuật vật tư tiến hành kiểm tra hiện trường và nêu đồng ý lập biên bản nghiệm thu khối lượng cho từng công trình

(3) Phòng kỹ thuật vật tư căn cứ vào dự toán, định mức, biên bản nghiệm thu khối lượng để kiểm tra và xét duyệt, nếu đúng sẽ lập bảng thanh toán khối lượng, máy thi công.

(4) Sau khi đã được ký duyệt kèm theo các chứng từ gốc như: hợp đồng thuê máy, hóa đơn,... và các chứng từ liên quan đến sửa chữa TSCĐ được chuyển đến phòng kế toán để kiểm tra, đối chiếu và nhập vào máy. Ngoài ra, kế toán TSCĐ tại công ty phải thường xuyên kiểm tra các chứng từ liên quan đến TSCĐ và cập nhật dữ liệu vào máy.

(5) Cuối kỳ, kế toán sẽ tổng hợp các chi phí sửa chữa và khấu hao TSCĐ, công cụ dụng cụ máy thi công rồi phân bổ cho từng công trình và hạng mục công trình theo tiêu thức doanh thu sau đó in ra bảng phân bổ chi phí khấu hao máy thi công.

(6) Sau khi kiểm tra chi phí đã được phân bổ, kế toán nhập dữ liệu vào máy. Cuối kỳ in ra sổ chi tiết TK 623, sổ tổng hợp số phát sinh TK 623 để kiểm tra, đối chiếu với các phân hành kế toán khác.

Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc trích khấu hao máy móc thiết bị được thực hiện một cách tự động hoàn toàn bằng máy vi tính. Căn cứ vào toàn bộ số liệu về tài sản cố định đã được cập nhật vào máy như: mã TSCĐ, tên TSCĐ, ... cuối mỗi quý kế toán sẽ tổng hợp toàn bộ chi phí khấu hao máy móc thiết bị vào các tài khoản chi phí tương ứng.

2.2.4.4. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

Trong xây dựng cơ bản, chi phí sản xuất chung bao gồm rất nhiều thứ, các loại chi phí vận chuyển, lương tháng của bộ phận gián tiếp, chi phí xây dựng lán trại, công cụ dụng cụ dùng cho thi công như cuốc, xẻng, xe rùa, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí tiếp khách, chi phí dịch vụ mua ngoài, v.v...

Chi phí sản xuất chung của công ty có ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành sản phẩm xây dựng. Các rủi ro thường phát sinh tập hợp ở chi phí này thông thường trong công ty là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài hay gặp hoá đơn giả, ghi không, số tiền không đúng thực tế, trích khấu hao không theo quy định của nhà nước, phân bổ chi phí lãi vay và các chi phí khác chưa chính xác cho từng công trình... nên việc kiểm soát chi phí này rất cần thiết với yêu cầu là:

- Kiểm soát chi phí sản xuất chung về việc xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất và quản lý thi công.

- Kiểm soát chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí có liên quan bằng tiền.

- Kiểm soát và phân bổ chi phí sản xuất (khấu hao TSCĐ, lãi vay, BHXH, ...)

** Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung:*

Thực tế trong dự toán thi công chi phí sản xuất chung được tính chung cho từng công trình và theo một tỷ lệ được nhà nước quy định cụ thể. Ngoài ra, chi phí này không có đơn giá định mức theo khối lượng công trình thực hiện. Nếu chi phí này được kiểm soát tốt và càng được tiết kiệm thì sẽ là một trong những yếu tố quan trọng làm giảm giá thành công trình, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó, việc kiểm soát chi phí sản xuất chung này phải luôn bám sát dự toán.

Ở các công ty, việc kiểm soát chi phí này được thực hiện cụ thể như:

- + Đối với chi phí nguyên vật liệu thì quy trình kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- + Đối với chi phí nhân công thì quy trình kiểm soát tương tự chi phí nhân công trực tiếp.

- + Các chi phí như chi phí khấu hao tài sản cố định, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ,...), công tác phí, lưu trú, tiền điện, tiền nước,...

được kiểm soát dựa trên các quy định của nhà nước, kiểm tra theo dõi việc ghi chép, hạch toán, và kiểm tra chứng từ về mặt hợp lý, hợp lệ,...

Còn đối với chi phí điện thoại cố định, điện thoại di động (thường là của đội trưởng) thì hầu hết công ty đều khoán cho đội với mức sử dụng từ 200.000 - 300.000 đồng/tháng. Bên cạnh đó, đối với các chi phí tiếp khách, hội họp thì được lãnh đạo phê duyệt trực tiếp không thông qua bất kỳ phòng ban nào (nhất là chi phí tiếp khách) nên hầu như thủ tục kiểm soát chỉ là chiếu lệ, kiểm tra về tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ, nhập dữ liệu vào máy chưa có quy định cụ thể, rõ ràng hoặc có chỉ mang tính chung chung nên rất dễ dẫn đến gian lận và lãng phí. Ngoài ra, cuối kỳ kế toán in ra sổ chi tiết tài khoản 627 để kiểm tra, đối chiếu với các phần hành khác.

Nhìn chung các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung ở công ty được thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên vẫn còn một số khoản chi phí như: tiền điện, nước hay các chi phí hội họp, tiếp khách thì việc kiểm soát chỉ mang tính thụ động, chỉ kiểm tra về mặt chứng từ, hạch toán đã cập nhật dữ liệu vào máy tính. Cần đưa ra giải pháp kiểm soát rõ ràng, cụ thể để thực hiện tốt hơn.

2.3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG 24

Qua thực tế khảo sát ở công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng 24, luận văn đã đưa ra được những kết quả đạt được và những vấn đề còn tồn tại, bất cập trong công tác kiểm soát về chi phí thể hiện cụ thể như sau:

2.3.1. Kết quả đạt được

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực của ngành xây dựng, đây là lĩnh vực kinh doanh có nhiều triển vọng và khả năng phát triển trong tương lai nhưng cũng là một ngành nghề có rất nhiều phức tạp trong tổ chức quản lý, hoạt động sản xuất cũng như nguồn vốn kinh doanh huy động được và thị trường bất động sản như hiện nay. Chính quan điểm kinh doanh lành mạnh, thận trọng và quyết đoán của ban lãnh đạo Công ty CPXD Sông Hồng 24 đã góp phần không nhỏ vào hiệu quả công tác kiểm soát chi phí tại công ty.

Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh và tình hình phân cấp quản lý đã tạo nên sự thống nhất trong quản lý từ cấp lãnh đạo công ty đến lãnh đạo các bộ phận bên dưới theo trình tự. Điều này làm sáng tỏ phần nào mối quan hệ quyền hạn - trách nhiệm lãnh đạo của các bộ phận, đã giám sát được phần lớn hoạt động của công ty. Các phòng ban chức năng của công ty được tổ chức tốt và thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với nhau để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đối với từng lĩnh vực chức năng cụ thể về nhân sự, tài chính... Bên cạnh đó, việc bố trí bộ máy quản lý quá trình hoạt động tập trung tại công ty đảm bảo sự truyền đạt và phản ánh thông tin một cách chính xác, nhanh chóng dù quá trình hoạt động trực tiếp phân tán trên các địa bàn khác nhau.

Rõ ràng trong tuyển dụng và đào tạo, đề bạt và khen thưởng, ... khuyến khích nhân viên gắn bó với công việc, chấp hành tốt quy chế, quy định, giảm thiểu mọi khả năng sai sót và tiết kiệm chi phí trong thi đua lao động và nghiên cứu sáng tạo. Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả hoạt động của nhân viên chưa hội đủ các yếu tố, công ty cần dựa trên những cơ sở thực tế và cụ thể hơn để thúc đẩy sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên trong công ty. Ngoài ra công ty cần phải mở rộng chính sách đào tạo theo hình thức công ty cử đi học đồng thời việc ban hành nghĩa vụ và trách nhiệm sau khi đào tạo một cách cụ thể để đảm bảo sự gắn bó của cán bộ công nhân viên góp phần nâng cao công tác kiểm soát trong công ty.

Công ty đã coi trọng công tác lập kế hoạch, dự toán công trình trong quá trình đấu thầu, dự thầu, chỉ định thầu, hay trong giai đoạn giao nhận thầu thi công công trình. Công tác lập kế hoạch và dự toán sẽ được tiến hành chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình, do đó công ty sẽ chủ động hơn trong việc đánh giá linh hoạt các hoạt động sản xuất để có những biện pháp điều chỉnh. Kết hợp với công tác kiểm tra thì việc lập kế hoạch và dự toán đã thực sự trở thành công cụ hữu hiệu trong kiểm soát hoạt động tại công ty và các đơn vị trực thuộc.

Tổ chức công tác kế toán tại công ty được thực hiện bởi các nhân viên có trình độ, nhiệt huyết và kinh nghiệm đã kiểm soát được hệ thống tài chính ở công ty. Sự phân công phân nhiệm hợp lý, rõ ràng trong từng phần hành của bộ máy kế

toán công ty đã có tác dụng nâng cao năng lực làm việc và khả năng chuyên môn của các nhân viên phòng kế toán. Do đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty tương đối phức tạp, quy mô lớn, khối lượng nghiệp vụ phát sinh nhiều nên công ty đã tiến hành áp dụng công nghệ thông tin với phần mềm kế toán máy, được xem như là trợ thủ đắc lực nhằm giảm thiểu sai sót, tải trọng và thuận lợi trong kiểm tra, kiểm soát, xử lý thông tin. Hệ thống thông tin hữu hiệu, đảm bảo các mục tiêu từ đánh giá, phân loại, chuyên số và tổng hợp chính xác các vận dụng cụ thể trong từng loại chi phí của từng công trình trong công ty, thực hiện xuyên suốt cho đến cuối cùng là hệ thống báo cáo phục vụ nhu cầu quản lý. Các mẫu chứng từ trong phần hành chi phí được thiết kế đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, được lập sau khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau. Tất cả những chứng từ đều được duyệt bởi những người có thẩm quyền giúp cho việc thực hiện chức năng kiểm soát trên nhiều phương diện, đặc biệt là bảo quản tài sản không thất thoát, ngăn ngừa các hành vi lãng phí, sai sót, gian lận, sử dụng không hiệu quả.

Nhận thức được tầm quan trọng của các khoản chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình thi công công trình, nên đã có những biện pháp tổ chức quản lý hữu hiệu về các khoản chi phí phát sinh, mà đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Từ vấn đề đó, sự phối hợp chặt chẽ giữa phòng kỹ thuật thi công, phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác lập các định mức chi phí liên quan cùng với quy chế quản lý tài chính đã kiểm soát được phần lớn chi phí sản xuất kinh doanh.

2.3.2. Những tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được vừa nêu ở trên, công tác kiểm soát về chi phí tại các công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Ban kiểm soát của công ty hoạt động định kỳ, chủ yếu là 06 tháng/lần nên tính kịp thời của hoạt động kiểm tra tình hình chi phí bị hạn chế phần nào.

Đối với chứng từ kiểm soát : các chứng từ phần lớn thể hiện đầy đủ các yếu tố. Tuy nhiên chưa phát huy hết vai trò kiểm soát của nó trong kiểm tra, xét duyệt, đối chiếu số liệu giữa các chứng từ liên quan đặc biệt là dùng trong môi trường xử lý thông tin bằng vi tính.

Đối với sổ sách và báo cáo: khi nói đến vấn đề tính toán và tổng hợp số liệu thì khá chính xác còn khi xét về mặt cung cấp vật chất thì hồi tố các khoản mục chi phí nó chưa thể hiện được, công ty chưa chủ động lập các báo cáo phân tích chi phí để cung cấp thông tin về sự biến động chi phí thực tế so với dự toán.

Trong quy trình mua vật tư, vấn đề mua hàng, lựa chọn nhà cung cấp, đặt hàng và nhận hàng đang là vấn đề rất nhạy cảm ở công ty, rất dễ dẫn đến sự gian lận làm thất thoát chi phí của công ty và giảm chất lượng công trình, nhưng công ty chưa đặt ra các tiêu chí để lựa chọn nhà cung cấp phù hợp và không tách biệt giữa việc đề nghị mua hàng, đặt hàng và nhận hàng.

Việc kiểm soát, kiểm tra các chi phí ở các xí nghiệp không chặt chẽ. Chưa có biện pháp khoa học, cụ thể nhằm kiểm soát chi phí tại các xí nghiệp này mà vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình.

Kế hoạch điều động, sử dụng máy thi công giữa các công trình chưa hợp lý, chưa đáp ứng được nhu cầu tiến độ thi công công trình.

2.4. KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Nhìn chung về thực trạng kiểm soát chi phí tại Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng 24 nói riêng và các doanh nghiệp xây dựng nói chung thì thực chất hệ thống kiểm soát chưa được thật sự toàn diện, chưa thể hiện được sự phân công khoa học, rõ ràng, mang tính tự phát, chấp nối nên chưa thực sự phát huy được vai trò hữu hiệu về kiểm soát chi phí trong hoạt động của doanh nghiệp. Trong chương này, qua nghiên cứu tìm hiểu thực trạng tại Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng. Các yếu tố hệ thống thông tin kế toán và thủ tục kiểm soát được doanh nghiệp quan tâm và đầu tư lớn, hoạt động có hiệu quả, phản ánh kịp thời các biến động chi phí, có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả của kiểm soát. Các thủ tục và quy trình thực hiện chặt chẽ, hợp lý theo quy chế của Công ty đề ra. Tuy nhiên yếu tố môi trường kiểm soát hầu như chưa chú trọng đúng mức mặc dù đây là một trong những yếu tố khá quan trọng và có thiên hướng tác động đến các yếu tố khác.

Những tồn tại cần phải tăng cường khắc phục và hoàn thiện các yếu tố kiểm soát để đem lại hiệu quả và các giá trị cho doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG - TRƯỜNG HỢP CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG 24

Cơ sở lý luận khoa học về kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng được trình bày cụ thể tại Chương 1 đã khẳng định tầm quan trọng và lợi ích của công tác kiểm soát chi phí xuyên suốt trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ môi trường kiểm soát, hệ thống thông tin và cuối cùng là thủ tục kiểm soát. Đồng thời, thực trạng của công tác kiểm soát về chi phí sản trong ngành xây dựng được khái quát và đánh giá qua Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 tại Chương 2, đã nêu bật được một bức tranh toàn cảnh về sự tồn tại, bất cập trong công tác kiểm soát về chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng.

Thực tế đã chứng minh không thể có một hệ thống kiểm soát nào là hoàn hảo, nghĩa là một hệ thống có thể ngăn ngừa mọi sai sót và gian lận có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp xây dựng. Đà Nẵng là địa phương có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, các tỉnh khu vực miền Trung - Tây Nguyên và các quốc gia thuộc tiểu vùng Mêkông. Sau khi Việt Nam chính thức trở thành một thành viên trong tổ chức thương mại thế giới WTO đã thúc đẩy các hoạt động kinh tế phát triển theo cả chiều ngang và chiều dọc. Các nhà máy, khu công nghiệp và khu kinh tế mở trong địa bàn khu vực được mở rộng và phát triển, cơ sở hạ tầng và ngành nghề xây dựng dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi cũng phát triển hết sức khả quan. Tuy nhiên, bên cạnh các cơ hội đó, chính thị trường mở và hội nhập nhanh chóng đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt và khốc liệt giữa các nhà cung cấp vật tư, nhà thầu xây dựng trong nước và ngoài nước nhằm tìm kiếm thị trường của mình. Trước những thách thức đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải thực sự phải năng động sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm ra cách quản lý tốt hơn, phù hợp hơn với đơn vị mình và trên con đường cạnh tranh thì yếu tố chất lượng công trình, giá thành sản phẩm là các yếu tố

mang tính quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp, song để đảm bảo được chất lượng công trình, hạ giá thành sản phẩm thì doanh nghiệp phải kiểm soát được chi phí sản xuất của đơn vị mình.

Từ những vấn đề còn tồn tại trong kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng, do giới hạn về thời gian và khuôn khổ đề tài, các giải pháp mà tác giả đưa ra góp phần hoàn thiện các yếu kém trong công tác kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng nói chung và Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng 24 nói riêng cũng như tính hiệu quả, khả năng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1. HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

3.1.1. Về quan điểm điều hành của lãnh đạo

Lãnh đạo các doanh nghiệp phải nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc kiểm soát chi phí. Lãnh đạo doanh nghiệp phải xóa bỏ hoàn toàn tư tưởng, phong cách điều hành quản lý theo kiểu nền kinh tế bao cấp, phải có cái nhìn đúng đắn về nền kinh tế thị trường, cạnh tranh lành mạnh, có quan điểm kinh doanh trung thực, đề cao các vấn đề về kiểm soát và các biểu hiện mang tính đạo đức nghề nghiệp kết hợp với lợi ích tập thể. Đòi hỏi nhân viên tích cực chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu chỉ đạo của mình và đề xuất ý kiến xây dựng, sửa đổi, bổ sung những thủ tục kiểm soát còn yếu kém.

Bên cạnh đó, tổng xu thế phát triển kinh tế như hiện nay, đòi hỏi lãnh đạo doanh nghiệp không chỉ là người hiểu biết và có nhiều kinh nghiệm về chuyên môn, kỹ thuật xây dựng mà cần phải có các kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế, luật kinh tế, v.v..

3.1.2. Về cơ cấu tổ chức

Doanh nghiệp cần phân tích rõ đặc điểm hoạt động của đơn vị và các mối quan hệ giữa các bộ phận để xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý có hiệu quả và phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp. Đồng thời phải phân rõ trách nhiệm và quyền hạn, chức năng của từng bộ phận hay cá nhân tạo nên môi trường nội bộ thuận lợi để mỗi cá nhân phát huy được năng lực hoàn thành các mục tiêu chung của doanh nghiệp.

Ở Công ty CPXD Sông Hồng 24, có thể xây dựng cấu trúc đơn giản từ 2-3 cấp kết hợp với cơ cấu linh hoạt theo chức năng công việc có thể được quyết định nhanh hơn. Công ty có thể bố trí kiêm nhiệm một số vị trí tuy nhiên trong vấn đề kiểm soát chi phí cần phải đảm bảo ít nhất 3 nhiệm vụ không được kiêm nhiệm là phê chuẩn, ghi chép và quản lý tài sản. Vì khi nhiệm vụ tách rời thì công việc của một cá nhân sẽ tự động kiểm tra công việc của cả nhân khác và đó là lợi ích của việc kiểm tra độc lập. Giám đốc hoặc Chỉ huy trưởng được uỷ quyền có thể phê duyệt các nghiệp vụ phát sinh trong giới hạn, trừ một số nghiệp vụ có giá trị lớn; kế toán công trường là người lo về mặt hồ sơ chứng từ hợp lý để ghi chép, nhân viên bảo vệ có thể kiêm thêm vị trí thủ kho hoặc đóng vai trò như trợ lý thủ kho để nắm giữ tài sản của công trình.

3.1.3. Về chính sách nhân sự

Công ty xác định đây là vấn đề tồn tại nhiều phức tạp của các doanh nghiệp hiện nay. Hầu hết các doanh nghiệp sau khi tiến hành cổ phần hóa đều có phần lao động dôi dư làm việc không hiệu quả nhưng vẫn phải sử dụng, còn những người có năng lực, trình độ thì lại thiếu hụt vì thu nhập không hấp dẫn, không giữ chân được họ và kể cả tâm lý không tin vào những người trẻ tuổi có khả năng làm nên việc.

Công ty cần xác định rõ từng phần hành công việc đòi hỏi nhân viên có trình độ, đạo đức như thế nào để phân công và cho nhân viên biết các yêu cầu của công việc đó. Nếu đã có nhân viên phụ trách thì xem lại họ có phù hợp không, nếu chưa đáp ứng trình độ thì bố trí phân công lại công việc hoặc đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn.

Lấy hiệu quả công việc là chính, để dựa vào đó có các chính sách khen thưởng, kỷ luật, cất nhắc hay chuyển việc khác, đào tạo nâng cao hay đào tạo bổ sung... Quá trình đào tạo cũng phải đi kèm với các chính sách nhân sự hợp lý để có thể giữ chân người lao động tránh tình trạng chảy máu chất xám. Khi yếu tố hiệu quả công việc được xác định rõ ràng thì bản thân người lao động sẽ tự hoàn thiện mình để đáp ứng được những đòi hỏi của công việc hoặc họ sẽ tự tin rút lui nếu không đáp ứng được yêu cầu công việc.

Các nhiệm vụ cũng nên được hoán đổi định kỳ để hạn chế hoặc phát hiện những sai sót, gian lận có thể có. Ở Công ty CPXD Sông Hồng 24 và các doanh nghiệp hiện nay ít khi xảy ra tình trạng hoán đổi công việc vì yếu tố những người phụ trách chỉ nhận biết phần hành của mình, trừ khi có người xin nghỉ việc hoặc ốm đau đột xuất.

Xây dựng các ý thức tiết kiệm chi phí từ đội ngũ nhân viên để duy trì hệ thống văn hóa doanh nghiệp. Khuyến khích và đề xuất các biện pháp nhằm giảm chi phí, phổ biến các thông tin về chi phí. Nếu nhân viên ý thức được về chi phí, họ sẽ muốn biết chi phí đã được tiết kiệm bao nhiêu nhờ những nỗ lực đóng góp của họ trong thời gian đó và khi lãnh đạo công nhận hay khen thưởng những người đã nỗ lực hay đề xuất các biện pháp tiết kiệm chi phí tức là lãnh đạo đã nhấn mạnh thêm tầm quan trọng của chi phí. Ngược lại các đề xuất hay nỗ lực của nhân viên vẫn chưa được thể hiện hay không mang tính thực thi cũng cần phải nhận được sự phản hồi ý kiến của lãnh đạo để ghi nhận những ý thức đến vấn đề kiểm soát chi phí.

3.1.4. Về kế hoạch và lập dự toán xây dựng công trình

Song hành cùng với công tác kiểm tra kiểm soát thì vấn đề lập kế hoạch và dự toán trở thành công cụ hữu hiệu trong hoạt động kiểm soát chi phí tại các công ty. Vấn đề lập kế hoạch hàng năm được dựa trên cơ sở chủ yếu sau:

- Đối với các công trình chuyên tiếp , công ty sẽ xác định khối lượng hoàn thành đến ngày 31/12 hàng năm để tính khối lượng cho năm sau trên cơ sở tiến độ thi công của từng công trình.

- Những mối quan hệ ngoại giao để tiếp nhận công trình trong thời gian sắp đến của công ty trên cơ sở phải có phương án khả thi, nhu cầu về vốn thi công, v.v...

- Các báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các địa phương lân cận, vùng miền hay tại Thành phố. Nắm bắt được các dự án của địa phương và thành phố trong năm để triển khai đấu thầu và tạo khả năng trúng thầu.

Phải xây dựng các kế hoạch thật sự gắn kết và có sự phối hợp nhịp nhàng trong từng bộ phận ở các khâu tổ chức sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra giải pháp nhằm tháo gỡ kịp thời, phân tích và đánh giá ngay hiệu quả thực hiện để điều chỉnh

cho phù hợp. Đặc biệt công tác tài chính kế toán phải có những khả năng phản ánh kịp thời kết quả sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ qua các nghiệp vụ kế toán. Giải quyết tốt các quan hệ về tài chính nhằm phục vụ cho sản xuất. Trong công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng phải lập kế hoạch dài hạn để đảm bảo chất lượng công trình, tiến độ hoàn thành và giá thành sản phẩm ổn định và kinh doanh có lãi.

CÔNG TY CPXD SÔNG HỒNG 24

BÁO CÁO KẾ HOẠCH VỐN CÔNG TRÌNH

Hạng mục: Phần móng theo phụ lục hợp đồng

Công trình: Nhà đến cốt 0.00 nhà CF&SF3-13 Bờ Bắc, Bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng

Kính gửi : NGÂN HÀNG TMCP TECHCOMBANK - CN. ĐÀ NẴNG

ĐVT: đồng

1. Báo cáo khối lượng thi công công trình đến ngày 15/11/2009

Stt	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng giá trị hợp đồng	11,264,834,000	
2	Giá trị thực hiện	9,476,622,000	
3	Giá trị nghiệm thu	9,476,622,000	
4	Giá trị thi công dở dang	1,788,212,000	
5	Giá trị đã tạm ứng	0	
6	Giá trị đã thanh toán	6,800,000,000	
7	Giá trị nghiệm thu còn thanh toán	2,676,622,000	
8	Giá trị còn thi công	1,788,212,000	
9	Dư nợ hiện tại	0	

2. Báo cáo hiệu quả dự kiến công trình

Stt	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng doanh thu dự tính	11,264,834,000	
2	Tổng chi phí	10,138,350,600	
	- Chi phí nguyên vật liệu	6,589,927,890	
	- Chi phí nhân công	2,534,587,650	
	- Chi phí khác	608,301,036	
	- Chi phí lãi vay	405,534,024	
3	Lợi nhuận trước thuế	1,126,483,400	
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	281,620,850	
5	Lợi nhuận sau thuế	844,862,550	
6	Tỷ suất lợi nhuận (%)	16.90	

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 11 năm 2009

GIÁM ĐỐC

Bảng 3.1: Trích từ báo cáo kế hoạch công trình quý 4/2009

Công tác lập dự toán ở công ty hiện tại, dự toán chỉ là một lát cắt vào thời điểm lập nên do chưa thể tính toán được giao động của biến động giá cả vật tư thị trường, dự phòng những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thi công công trình, chưa có sự tách bạch các công tác phụ trợ phục vụ thi công công trình trong chi phí xây dựng công trình. Đối với giá và định mức xây dựng không phù hợp và chưa đi sát với thực tế, Tuy nhiên vẫn có khả năng mang lại hiệu quả cao và có lãi cho công ty nhưng nếu áp dụng các Tiêu chuẩn Việt Nam quy định vào trong quá trình thi công thì định mức xây dựng công ty sẽ không thực hiện được kéo theo thua lỗ trong hoạt động kinh doanh.

Vì vậy, trong công tác lập dự toán phải nắm rõ thông tin của thị trường để đảm bảo quá trình thực hiện sẽ không bị rủi ro như thế sẽ đảm bảo khi thi công sẽ không bị thua lỗ. Bên cạnh đó, phải nắm rõ và đánh giá được đối thủ cạnh tranh để đảm bảo tính hiệu quả cao nhất (đơn vị chào giá thấp và hợp lý sẽ trúng thầu). Trong quá trình lập dự toán sẽ tách bạch các công tác phụ trợ công trình như: lán trại, hàng rào, nhà tạm, an toàn lao động, v.v... ra thành 1 hạng mục riêng không nằm trong phần tính vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào tiêu chí của người lập chi phí qua đó phân nào giúp cho công ty lập dự toán được chính xác, chủ động và kiểm soát chi phí hiệu quả hơn. (vì so với cách tính thường dùng là dựa trên cơ sở trực tiếp phí theo 1 tỷ lệ nhất định, không thể hiện chi tiết, cụ thể từng đặc thù riêng của mỗi công trình).

3.1.5. Về hoàn thiện các chức năng bộ phận ban kiểm soát

Hoàn thiện và duy trì hoạt động của ban kiểm soát trong các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay là một xu thế tất yếu. Vấn đề đặt ra ở đây là tổ chức như thế nào cho có hiệu quả; phải tạo điều kiện môi trường làm sao để đảm bảo tính độc lập của ban kiểm soát; và cần phải có những tập huấn hướng dẫn để các thành viên trong ban kiểm soát (kiểm soát viên, kiểm toán viên) có thể thực hiện tốt công việc của mình.

Việc thành lập duy trì ban kiểm soát xuất phát từ yêu cầu của Hội đồng quản trị - người đại diện cho nguồn vốn của doanh nghiệp hay (Tổng) Giám đốc - người

đại diện pháp luật điều hành doanh nghiệp vì doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về những thông tin trên các báo cáo về chi phí mình đưa ra. Để đảm bảo độ tin cậy của các thông tin này thì ban lãnh đạo buộc phải quan tâm đến sự lành mạnh của hệ thống kiểm soát về chi phí được vận hành ở doanh nghiệp, trong đó có ban kiểm soát làm công việc giám sát các thủ tục, chính sách về chi phí của hệ thống.

* Đối với các doanh nghiệp vừa và lớn thì cần thiết có một ban kiểm soát duy trì hoạt động thường xuyên chứ không phải 6 tháng, cuối năm như ban kiểm soát đã và đang thực hiện tại Công ty CP Xây dựng Sông Hồng 24 trong thời gian vừa qua. Các thành viên trong bộ phận này phải được bảo đảm tính độc lập tương đối và làm việc gần như là một tổ chức ở bên ngoài doanh nghiệp. Bộ phận này có trách nhiệm:

+ Giám sát cơ cấu hệ thống kiểm soát chi phí của doanh nghiệp, trong đó chú trọng đến yếu tố con người chính là tác nhân tạo nên hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp hoặc ngược lại làm cho doanh nghiệp không đạt được mục tiêu cuối cùng.

+ Xem xét thái độ quan tâm của nhà quản lý đến vấn đề kiểm soát chi phí. Xem xét hành vi, sinh hoạt của những người có liên quan đến quản lý tài sản, nếu có những bất thường như mức sống có vẻ cao so với thu nhập thì cần tìm hiểu vì khả năng gian lận có thể xảy ra để kịp chấn chỉnh. Hoặc thấy trong chính sách nhân sự về đào tạo, thưởng phạt chưa kích thích được nhân viên làm việc hăng say thì cũng cần đề xuất sửa đổi...

+ Giám sát quá trình lập các báo cáo chi phí từ khâu ghi chép ban đầu, luân chuyển chứng từ, ghi vào sổ kế toán đến khâu tổng hợp số liệu để lên báo cáo chi phí. Từng bước làm của nhân viên kế toán đều phải có sự kiểm tra, qua đó giám sát cả sự tuân thủ các luật định, nguyên tắc và các chuẩn mực.

+ Phát hiện những sơ hở, yếu kém, gian lận trong quản lý, trong bảo vệ tài sản của doanh nghiệp; đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý điều hành kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy ban kiểm soát đã bao trùm phạm vi hoạt động của nó trên tất cả các hoạt động của doanh nghiệp. Bộ phận này phải chịu trách nhiệm xem xét lại một

cách định kỳ các biện pháp mà ban giám đốc và các nhà quản lý ở các bộ phận áp dụng để quản lý và kiểm soát doanh nghiệp. Để thực hiện được trách nhiệm này thì ban kiểm soát chỉ chịu sự điều hành của Hội đồng quản trị hoặc ban giám đốc nhưng hoàn toàn độc lập với tất cả các bộ phận khác.

Việc duy trì và phát huy tốt hiệu quả mà ban kiểm soát mang lại có thể tốn kém một khoản chi phí nhưng lại bảo đảm được tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát và các cơ quan kiểm toán độc lập, khi tiến hành công việc kiểm toán ở đơn vị sẽ đánh giá đơn vị có hệ thống kiểm soát mạnh, độ tin cậy về các thông tin trên báo cáo tài chính cũng như chi phí sẽ cao hơn. Nhà quản lý cũng sẽ phải cân nhắc ở chỗ nếu không tốn chi phí cho ban kiểm soát thì họ phải trả thêm chi phí cho thời gian làm việc phải kéo dài hơn của kiểm toán độc lập vì phải thử mẫu nhiều hơn do rủi ro kiểm soát ở doanh nghiệp cao.

3.2. HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán

Vấn đề lập chứng từ trong phân hành chi phí hiện nay ở công ty vẫn còn một số chứng từ chưa thể hiện tốt vai trò kiểm soát chi phí và chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý của nhà lãnh đạo nhất là khi máy tính được đưa vào áp dụng trong công tác kế toán. Do vậy, nhằm phục vụ tốt kiểm soát chi phí các chứng từ cần phải được thiết kế lại hoặc hoàn thiện lại; việc hoàn thiện chứng từ là có thể bổ sung thêm một số chứng từ kiểm soát mới (nếu thật sự hữu ích cho công tác kiểm soát), hoặc chỉ cần bổ sung thêm một số yếu tố cơ bản cho chứng từ, đồng thời cần bổ sung thêm vai trò kiểm soát của các bộ phận liên quan (như chữ ký của các bên liên quan), để giúp cho công tác kiểm soát chi phí tại công ty thực hiện được chặt chẽ hơn, đảm bảo hơn.

3.2.1.1. Hoàn thiện đơn đặt hàng

Tại công ty việc mua vật tư đều do bộ phận vật tư tại phòng kinh tế kế hoạch thực hiện. Sau khi phiếu đề nghị mua vật tư được phê duyệt, bộ phận vật tư sẽ tiến hành lập đơn hàng và gửi cho nhà cung cấp nên đơn đặt hàng này chỉ đóng vai trò đặt hàng nhà cung cấp chứ chưa chú trọng đến công tác đối chiếu, kiểm soát đơn hàng so

với đề nghị cấp vật tư. Đơn đặt hàng nên bổ sung thêm yếu tố *số phiếu trên giấy đề nghị cấp vật tư*, đồng thời trên đơn đặt hàng cần bổ sung thêm *chữ ký của phòng nghiệp vụ* để tăng cường công tác kiểm soát (*minh họa tại phụ lục số 03*). Các liên của đơn đặt hàng được chuyển cho bộ phận kho và kế toán để giúp kiểm tra nhận hàng và thanh toán sau đó.

Khi nhà cung cấp đối chiếu số lượng hàng hoá nhận được so với đơn đặt hàng về chủng loại, thông tin và các yếu tố cần thiết khác sẽ tiến hành ký biên bản giao nhận hàng hoá. Biên bản giao nhận hàng hoá và phiếu nhập kho được chuyển lên để kế toán kiểm tra hoá đơn, chứng từ thanh toán. Lúc này kế toán cần phải:

- + Kiểm tra điều khoản thanh toán, số lượng trên hóa đơn so với đơn đặt hàng và biên bản giao nhận

- + Kiểm tra số tổng cộng, chi tiết kèm theo và điều kiện hưởng chiết khấu nếu có.

Nếu phát hiện sai lệch thì kế toán làm thông báo cho nhà cung cấp như: thiếu hàng, hàng kém phẩm chất, đề nghị thay đổi, giảm giá, ... Sau đó tiến hành lập phiếu nhập kho số vật tư nói trên.

3.2.1.2. Hoàn thiện kiểm soát hoá đơn mua vật tư

Các hoá đơn mua vật tư, hàng hoá có thể gặp một số rủi ro trong thanh toán đó là nhà cung cấp có thể phát hành và gửi hoá đơn ghi sai số lượng, giá trị hoặc cung cấp hoá đơn sai lệch vì các lý do khác nhau cả khách quan hay do chủ quan của nhà cung cấp, ... để kiểm soát tốt hoá đơn phòng nghiệp vụ cần kiểm tra, kiểm soát bằng cách đóng dấu lên hoá đơn để ghi rõ số tham chiếu của đơn đặt hàng và biên bản giao nhận hàng, số phiếu nhập kho, hay các nhân viên liên quan đến việc thực hiện này. Hoá đơn mua vật tư cần được đóng dấu “Đã thanh toán” và ghi lại số thứ tự của uỷ nhiệm chi hoặc phiếu chi tiền.

Hóa đơn mua vật tư hàng hóa có nhiều chủng loại và do nhiều nhà cung cấp lập ra nên hệ thống số liệu không thống nhất, để giúp cho công ty kiểm soát chặt chẽ việc mua nhập vật tư; định kỳ kế toán các đơn vị trực thuộc nên lập báo cáo kiểm soát hóa đơn gửi cho phòng kế toán công ty. Báo cáo này được sử dụng để xác định các

thay đổi trong quá trình mua nhập vật tư là chính xác hoặc chắc chắn không có nghiệp vụ nào bỏ sót khi xử lý. Đây là một báo cáo kiểm soát liệt kê các hóa đơn đã nhận và các hóa đơn chưa được thanh toán cho phép người nhận dữ liệu này chắc chắn các hóa đơn đã được cập nhật chính xác theo hệ thống.

CÔNG TY CPXD SÔNG HỒNG 24

Lô 17A2 Trần Hưng Đạo - Đà Nẵng

BÁO CÁO KIỂM SOÁT HOÁ ĐƠN

Ngày ... tháng ... năm

ĐVT: đồng

St t	Mã nhà c/cấp	Tên nhà cung cấp	Hoá đơn		Nội dung	Số tiền phải tra	Thời hạn thoả thuận	Số đã thanh toán	Số hiệu TK	Ghi chú
			Ngày	Số						
1	KPA	Cty Kim Phát	10/12/09	0169508	Thép các loại	88.473.800	10/02/09	50.000.000	152	TGNH
2	BVT	Vietstar	21/11/09	0052306	Băng cản nước	125.000.000	21/03/09	25.000.000	153	TGNH
3	CDV	Cty Đức Việt	16/12/09	1442623	Cofa thép	62.050.000	16/01/09	15.000.000	153	TGNH
									
					Tổng cộng					

Lập biểu

Kế toán trưởng

Bảng 3.2: Trích báo cáo kiểm soát hóa đơn của công ty

3.2.2. Xây dựng định mức chi phí sản xuất

Định mức chi phí là khoản chi được định trước bằng cách lập ra những tiêu chuẩn gắn liền với từng trường hợp hay tùy điều kiện hoàn cảnh. Định mức chi phí không những chỉ ra được những khoản chi dự kiến mà còn xác định được chi phí phát sinh trong trường hợp nào? Tuy nhiên trong thực tế chi phí luôn thay đổi vì vậy các định mức luôn vận động để đảm bảo tính hợp lý.

- Để công tác định mức chi tiêu được tốt phải dựa vào các kênh thông tin: tiêu chuẩn kỹ thuật, chi phí thực tế nhiều kỳ, dự toán chi phí... Doanh nghiệp cần phải định mức cả về giá và về lượng vì sự biến đổi của 2 yếu tố này đều tác động đến sự thay đổi chi phí.

+ Định mức giá: được ước lượng bằng cách tổng hợp tất cả các khoản chi phí liên quan đến việc mua hàng (đối với định mức giá nguyên vật liệu) hay tiền lương và các chi phí liên quan (đối với định mức chi phí lao động hay còn gọi là định mức lương)

+ Định mức lượng : để xác định định mức lượng phụ thuộc nhiều vào sự chủ động của doanh nghiệp thay vì các yếu tố thị trường. Số lượng, chủng loại, và thành phần kết hợp các nguyên vật liệu cho từng sản phẩm, công trình. Lượng và loại lao động để sản xuất, thi công xây lắp hoàn thành. Những định mức kỹ thuật này thường do các kỹ sư, chuyên gia lập ra và xây dựng các chỉ tiêu để đánh giá từng công việc cụ thể.

3.2.3. Phân tích và kiểm soát các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí

Phần lớn các doanh nghiệp hiện nay chưa thiết lập các báo cáo phân tích chi phí, hoặc giả nếu có cũng chỉ là đối phó, xử lý với ngân hàng, cơ quan hữu quan nhưng các báo cáo này lại đảm bảo cung cấp thông tin quan trọng và hữu ích cho các nhà quản lý. Báo cáo này giúp nhà quản lý thấy được cơ cấu chi phí của doanh nghiệp có hợp lý hay không? từng loại chi phí, công tác lập dự toán, quản lý xây dựng giá thành với các bộ phận quản lý có ảnh hưởng như thế nào?

Trong công tác kiểm soát chi phí, vấn đề không thể thiếu đó là so sánh và nhận ra chênh lệch giữa chi phí thực tế với định mức chi phí, phân tích và tìm ra nguyên nhân dẫn đến sự tác động đó. Từ đó đề ra các giải pháp nhằm hạn chế sự thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm chi phí, tạo điều kiện tăng khả năng cạnh tranh công ty.

3.2.3.1. Báo cáo kiểm soát biến động chi phí nguyên vật liệu

Trong xây lắp, chi phí nguyên vật liệu chiếm 60%-70% giá thành sản phẩm, vì vậy đánh giá và hạn chế tốt nhất sự thất thoát chi phí vật liệu không những ảnh hưởng đến sự tiết kiệm hay bội chi giá thành mà còn ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

Phân tích khoản mục vật liệu để tìm ra nguyên nhân làm biến động chi phí:

Chi phí vật liệu:
$$C = \sum_{j=1}^m M_j x g_j$$

Với:
$$M_j = \sum_{i=1}^n D_i x t_j$$

Trong đó: D_i : Khối lượng xây dựng j

t_j : Mức tiêu hao vật liệu j cho 1 đơn vị khối lượng xây dựng

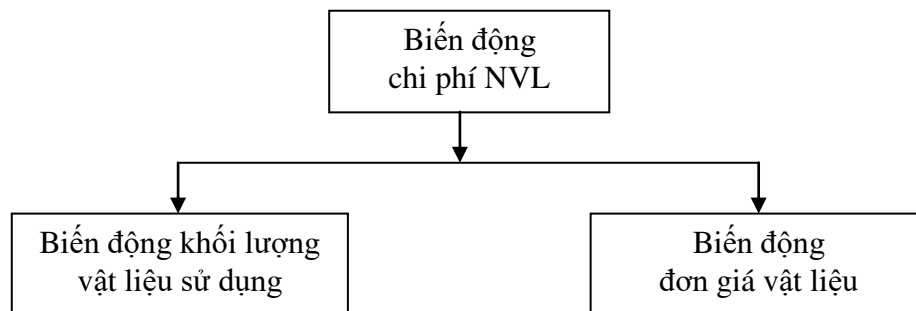
g_j : Đơn giá xuất dùng vật liệu j cho sản xuất

$C(C_d, C_t)$: tổng chi phí vật liệu trực tiếp của từng CT, HMCT

(tính theo dự toán và thực tế)

Từ công thức trên có thể thấy rằng các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đó là *khối lượng vật liệu sử dụng* và *đơn giá vật liệu*.

- Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự biến động chi phí nguyên vật liệu:



Hình 3.1: Bảng phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu

- Ảnh hưởng của nhân tố khối lượng vật liệu (M_j)

$$C(M_j) = \sum (M_{ij} - M_{dj}) x g_{dj}$$

- Ảnh hưởng của nhân tố đơn giá xuất dùng vật liệu (g_j)

$$C(g_j) = \sum M_{ij} x (g_{ij} - g_{dj})$$

Tổng biến đổi của chi phí nguyên vật liệu: $\Delta C = C(M_j) + C(g_j)$

Định kỳ, phòng tài chính kế toán căn cứ vào dự toán công trình được duyệt, kế hoạch thi công và các báo cáo sử dụng vật tư cho công trình để lập bảng phân tích chi phí nguyên vật liệu.

BÁO CÁO KIỂM SOÁT BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Công trình : Khu nhà ở CBCNV Nhà máy lọc dầu Dung Quất - Vạn Tường - Quảng Ngãi

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Tên vật liệu	Số lượng vật liệu			Đơn giá vật liệu			Sự biến động		
		Kế hoạch	Thực tế	CL	Kế hoạch	Thực tế	CL			
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4-3</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=7-6</i>	<i>9=5x6</i>	<i>10=4x8</i>	<i>11=9+10</i>
1	Đá 1x2	523	535	12	220	220,45	0,30	2.642	160	2.802
2	Đá 4x6	750	742	-8	240,85	241	0,15	-1.927	111	-1.816
3	Ximăng	2.150	1.890	-260	870	870	0	-226.200	0	-226.200
4	Thép fi 12	260	270	10	9.980	9.980,5	0,5	99.800	135	99.935

					Tổng cộng			4.812,47	4.063,85	8.876,32

Bảng 3.3: Trích báo cáo kiểm soát biến động chi phí nguyên vật liệu

Bảng báo cáo phân tích sự biến động chi phí nguyên vật liệu này sẽ giúp các nhà quản lý đánh giá được sự biến động tăng giảm của chi phí nguyên vật liệu và nhận ra được sự biến động đó có thể do những nguyên nhân sau:

+ Biến động do khối lượng vật liệu sử dụng:

Do thay đổi thiết kế hay bổ sung thiết kế nên khối lượng xây dựng tăng lên làm cho khối lượng vật liệu tăng lên. Nguyên nhân này xuất phát từ khách quan, không nằm trong mục tiêu kiểm soát của đơn vị nhưng phải có cơ sở diễn giải hợp lý được Chủ đầu tư công trình nhất trí thông qua.

Khối lượng vật liệu tăng lên do phát sinh thiệt hại, phá đi làm lại, do sửa chữa gia cố theo yêu cầu kỹ thuật. Đây là nguyên nhân mang tính chủ quan thuộc về đơn vị thi công. Nguyên nhân này gây tổn thất chi phí, giảm lợi nhuận và uy tín của công ty. Để tránh được tình trạng này, công ty phải hoàn thiện hợp lý công tác kiểm soát và hướng dẫn cụ thể quy trình kỹ thuật thi công theo đúng bản vẽ, thiết kế.

Việc sử dụng sai vật liệu hay liều lượng, quy cách trong thi công dẫn đến tổn thất là do ý thức, thái độ và kỹ năng của người lao động chưa tốt. Bên cạnh đó,

vật liệu cung cấp không kịp thời, không đúng chất lượng, quy cách, làm chậm tiến độ thi công không được chú ý và quan tâm đúng mức sẽ làm giảm đi các giá trị lợi nhuận. Do vậy, công ty cần phải có chính sách kỷ luật nghiêm khắc đối với kỹ sư giám sát, công nhân và cán bộ có liên quan như : trừ lương, không xét khen thưởng, đình chỉ hoặc sa thải nếu mức độ vi phạm nghiêm trọng.

+ Biến động do giá của nguyên vật liệu

Giá nguyên vật liệu biến động là do nhu cầu thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước thì các nguyên nhân này nằm ngoài phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp vì nó mang tính chất khách quan.

Nếu giá nguyên vật liệu tăng lên do có sự thoả thuận mua hàng với nhà cung cấp vật tư cho doanh nghiệp thì doanh nghiệp cần nhanh chóng kiểm tra lại quy trình kiểm soát mua nguyên vật liệu của đơn vị mình xem đã hoàn thiện hay chưa? Hay quy trình này không còn phù hợp với tình hình hiện nay và để lộ cái sai sót cơ bản. Công ty cần soát xét lại các vấn đề giá đối với các nhà cung cấp trong quá trình làm hợp đồng xem có hợp lý hay không? Đồng thời phải có các hình thức xử lý nghiêm túc đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan vi phạm quy trình trên.

3.2.3.2. Báo cáo kiểm soát biến động chi phí nhân công trực tiếp

Được lập và phân tích tương tự đối với chi phí nguyên vật liệu

3.2.3.3. Báo cáo kiểm soát biến động chi phí máy thi công

Được lập và phân tích tương tự đối với chi phí nguyên vật liệu

3.2.3.4. Báo cáo kiểm soát biến động chi phí sản xuất chung

Đối với chi phí sản xuất chung không ảnh hưởng đến chất lượng công trình nhưng nó ảnh hưởng đến giá thành nên việc lập báo cáo phân tích, so sánh tổng số từng loại chi phí trong khoản mục này giữa kế hoạch (theo dự toán) và thực tế nhằm xác định sự biến động và mức độ tiết kiệm hay lãng phí trong giá thành công trình.

BÁO CÁO KIỂM SOÁT BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Công trình : Khu nhà ở CBCNV Nhà máy lọc dầu Dung Quất - Vạn Tường - Quảng Ngãi

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Nội dung chi phí	Kế hoạch	Thực tế	Chênh lệch	%
-----	------------------	----------	---------	------------	---

1	2	3	4	5=4-3	6=5/1
1	Tiền lương nhân viên	8.000	8.500	500	6,25
2	Các khoản trích theo lương	10.086,935	12.016,040	1.929,11	19,12
3	Khấu hao TSCĐ	8.864	8.867	3	0,03
4	Chi phí CCDC quản lý đội	4.125,63	4.100	-25,63	-0,62
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.101,391	5.954,17	(147,22)	-2,41
6	Chi phí lãi vay phân bổ	7.112	7.350	238	3,35
7	Chi phí khác bằng tiền	17.483,26	14.739,66	(2.743,60)	-15,69
	Cộng	61.773,21	61.526,87	-246,34	10,03

Bảng 3.4: Báo cáo kiểm soát biến động chi phí sản xuất chung

Theo bảng phân tích trên, có thể nhận ra các khoản mục chi phí nào tăng lên hay giảm xuống với mức độ bao nhiêu, tỷ lệ tăng giảm nhiều hay ít giữa thực tế và kế hoạch từ đó xác định lý do tại sao để đưa ra các chính sách kiểm soát phù hợp hơn. Nếu chi phí sản xuất chung tăng lên không phải do khối lượng xây dựng thay đổi thì phải xét các chỉ tiêu cụ thể. Ví dụ: chi phí dịch vụ mua ngoài tăng lên như tiền điện thoại, internet, tiền điện nước, v.v... tăng lên vượt so với kế hoạch; nếu do ban quản lý dự án, ban chỉ huy công trình, đơn vị trực thuộc vi phạm quy chế khoán quản thì phải truy thu; nếu do thời gian thi công bị kéo dài, chậm trễ được phía chủ đầu tư thống nhất thì cần có biện pháp, kiến nghị để báo cáo với nhà quản lý của doanh nghiệp.

Qua các báo cáo này, công tác kiểm soát chi phí đó là sự so sánh và đánh giá chênh lệch giữa chi phí thực tế với định mức chi phí, phân tích và tìm ra nguyên nhân tác động đến sự biến động chi phí. Từ đó đề ra giải pháp nhằm hạn chế sự thất thoát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm chi phí.

3.3. HOÀN THIỆN CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT CHI PHÍ

Hiện tại công ty vẫn chưa kiểm soát chặt được chi phí sản xuất và giá thành thực tế của công trình, do đó trong thời gian đến bằng cách tổ chức và quản lý của mình công ty cần chú trọng những mặt sau:

- Tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành cho từng công trình, hạng mục công trình một cách chặt chẽ, thông qua việc kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung của từng công trình hay hạng mục công trình đó.

- Thu thập các kinh nghiệm thực tế thi công về yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, điều kiện thi công...cho từng loại công trình. Lấy mẫu đại diện cho một số công trình tiêu biểu được tổ chức thi công trong những điều kiện khác nhau để làm cơ sở xây dựng định mức sử dụng nguyên vật liệu, định mức tiền công cho người lao động...phù hợp với đặc điểm quy mô sản xuất của công ty. Muốn thực hiện tốt công việc này cần có sự đòi hỏi phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban để tiến hành tính toán lại toàn bộ các chi phí phát sinh ở các công trình.

Bên cạnh đó, kế toán phân hành chi phí cần phải nắm được tiến độ thi công dự kiến của công trình được miêu tả trên sơ đồ ngang do phòng kỹ thuật cung cấp. Tiến độ thi công được lập bằng chương trình Project Manager (quản lý dự án). Nó thể hiện sự liên kết giữa các khối lượng công việc trong suốt quá trình thi công công trình và khoảng thời gian dự kiến để hoàn thành công trình đó. Khác với các ngành khác, trong lĩnh vực xây dựng, căn cứ vào tiến độ thi công của công trình nhà thầu sẽ có kế hoạch cung ứng vật tư, tiền vốn, nhân công, máy móc phù hợp, kịp thời đảm bảo hoạt động thi công trên công trường đạt hiệu quả cao, góp phần tiết kiệm chi phí.

3.3.1. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

3.3.1.1. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát mua hàng và nhập kho hàng hoá

Trong quá trình mua vật tư hàng hóa thì việc đề nghị mua hàng, lựa chọn nhà cung cấp, đặt hàng và nhận hàng đang là vấn đề rất nhạy cảm ở công ty, rất dễ dẫn đến gian lận làm thất thoát chi phí của công ty và giảm chất lượng công trình. Vì vậy công ty cần đưa ra các tiêu chí để lựa chọn nhà cung cấp hợp lý và nên có sự tách biệt giữa đề nghị mua hàng, đặt hàng, nhận hàng.

Ban hành các chính sách mua hàng: xác lập những nguyên tắc cơ bản để thực hiện nghiệp vụ mua hàng, đảm bảo mục tiêu chung.

- Chính sách đặt hàng xác định được thời điểm, số lượng và chất lượng. Chính sách dự trữ ở mức độ cần thiết kết hợp với nhu cầu đề nghị cấp vật tư.

- Thiết lập trình tự đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, đây là vấn đề hết sức tế nhị và đang được quan tâm vì hàng hoá mua vào đều do bộ phận mua hàng trình lên lãnh đạo phê duyệt nên dễ dẫn đến mức độ rủi ro lớn (như không lựa hàng hoá đúng phẩm chất, quy cách, giá cả cao, không hợp lý hợp lệ về chứng từ...) Bên cạnh đó có thể vì nhân viên mua hàng nhận được tiền hoa hồng trong việc làm tăng giá hàng hoá để nhận chênh lệch hoặc xử lý chứng từ. Điều đó không những ảnh hưởng đến chất lượng vật tư, hàng hóa để nhận tiền chênh lệch mà còn làm thất thoát một khoản chi phí khá lớn của công ty. Vì vậy, cần xác định rõ chính sách lựa chọn nhà cung cấp: trường hợp đấu thầu, trường hợp lựa chọn liên kết hay chỉ định, ... Ở đây tác giả xin đưa ra một số giải pháp cụ thể như sau:

* Đối với trường hợp mua vật tư hàng hóa với số lượng lớn thì cần theo quy trình đánh giá như sau:

+ Thu thập thông tin về các nhà cung cấp: về hàng hóa, chất lượng hàng hóa, năng lực tài chính, chất lượng phục vụ, ...

+ Phân tích đánh giá các nhà cung cấp theo yêu cầu riêng cho từng sản phẩm hoặc từng nhóm sản phẩm cụ thể.

+ Tiêu chí chấp nhận: đáp ứng được các yêu cầu chất lượng, giá cả, khả năng chịu nợ, số lượng, năng lực, ...

+ Phê duyệt phiếu đánh giá các nhà cung cấp của lãnh đạo và các phòng chức năng

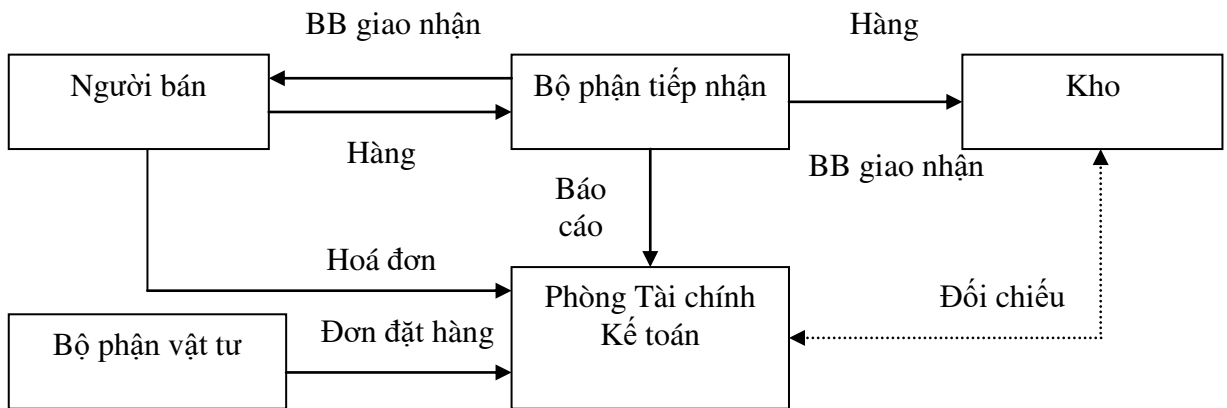
+ Mở sổ theo dõi quá trình cung cấp: định kỳ khoảng 6 tháng/lần, các phòng chức năng đánh giá lại nhà cung cấp, báo cáo lãnh đạo về việc tiếp tục duy trì hoặc hủy bỏ nhà cung cấp ra khỏi danh sách các nhà cung cấp.

* Đối với trường hợp mua vật tư, hàng hóa số lượng ít thì công ty nên áp dụng đòi hỏi ít nhất 03 báo giá từ 03 nhà cung cấp độc lập mỗi khi mua hàng.

Ngoài ra công ty cũng nên hoán đổi vị trí các nhân viên mua hàng để tránh tình trạng một người có quan hệ với một số nhà cung cấp trong thời gian dài.

- Trong khâu mua hàng nên tách biệt chức năng đề nghị mua hàng, đặt hàng và nhận hàng. Tổ chức thêm bộ phận tiếp nhận hàng, theo phương án này sẽ có 04 bộ phận liên quan đến quá trình mua hàng nhưng độc lập với nhau.

Theo phương án này, có 4 bộ phận liên quan đến quá trình mua nhưng độc lập với nhau. Trong đó phòng kế toán có tất cả các chứng từ chứng minh việc mua hàng nhưng không được tiếp cận tài sản nên không hưởng lợi từ việc sửa chữa chứng từ để che dấu gian lận. Bộ phận vật tư đặt mua nhưng lại không nhận tài sản, bộ phận tiếp nhận và kiểm tra thì tiếp cận tài sản nhưng không biết nội dung của hàng được đặt mua trước đó. Quá trình nhập xuất vật tư tại công ty là sự phối hợp cùng nhau thực hiện nhiệm vụ được giao giữa phòng vật tư, thủ kho và phòng kế toán.



Hình 3.1: Sơ đồ đổi mới bộ phận mua và tiếp nhận vật tư

Ngoài ra để tránh lãng phí nguyên vật liệu và tính giá thành được chính xác. Cuối kỳ hoặc công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu sử dụng không hết để giảm chi phí và đối chiếu công nợ với các nhà cung cấp.

3.3.1.2. Hoàn thiện kiểm soát xuất vật tư phục vụ thi công công trình

Để hạn chế thiệt hại này và tăng tính kiểm soát trong quy trình xuất kho nên bổ sung thêm yếu tố “số phiếu yêu cầu cấp vật tư” để giúp thủ kho dễ dàng kiểm tra, tham chiếu. Đồng thời tăng cường chữ ký của kỹ sư giám sát công trình để giám sát việc xuất vật tư theo yêu cầu đưa vào sử dụng có đúng mục đích không.

Một trong các biện pháp tích cực trong công tác kiểm soát chi phí vật liệu dẫn đến quá trình xuất kho đó là chú ý trong khâu thủ tục tập kết nguyên vật liệu.

Bên cạnh đó, trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu còn phải quan tâm đến việc kiểm soát tồn kho vật tư nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời vật tư cho công trường.

Kiểm soát lượng vật tư tồn kho được thể hiện qua các báo cáo hàng cần bổ sung cho các công trường hoặc các hạng mục công trình. Báo cáo hàng cần bổ sung còn là cơ sở để lựa chọn cho các đơn đặt hàng.

3.3.2. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Để tăng cường kiểm soát chi phí nhân công, doanh nghiệp nên tiến hành dựa trên tính toán và phân ra đơn giá khoán công việc phù hợp và hợp lý, các công việc phát sinh sẽ được tính toán theo công nhật.

Stt	Khối lượng công việc	ĐVT	Đơn giá	Ghi chú
1	Xây tường gạch 06 lỗ tầng 2	m ³	270.000	Tường dày 100mm
2	Xây tường gạch 06 lỗ tầng 2	m ³	250.000	Tường dày 200mm
3	Xây tường gạch 06 lỗ tầng 3, 4	m ³	280.000	Tường dày 100mm
4	Xây tường gạch 06 lỗ tầng 3,4	m ³	260.000	Tường dày 200mm
5	Trát: dầm khung, cột xiên, lan can	m ²	60.000	Treo hồ dầu
6	Trát: dầm V	m ²	65.000	Treo hồ dầu
7	Trát tường các loại	m ²	25.000	
8	Trát dầm, sàn tầng 2,3,4	m ²	40.000	Treo hồ dầu
9			

Bảng 3.5: Trích từ bảng giá giao khoán nhân công tại công trình nhà thi đấu

Tuy nhiên, đơn giá khoán này không được chấp nhận bởi các cơ quan chức năng nhà nước dẫn đến tình trạng xử lý cho hợp lý hợp lệ qua các chứng từ. Các cơ quan kiểm toán, tài chính ngân hàng hay là cơ quan thuế không thể có cơ sở để đưa ra mức giá có hợp lý với từng đầu người công nhân lao động. Đối với công tác này, doanh nghiệp nên nêu rõ khối lượng công việc giao khoán, giao cho tổ đội trực tiếp thi công và cử cán bộ đốc công tham gia chấm chính xác theo công nhật, đối chiếu giữa các tổ trưởng để có cơ sở làm đề nghị thanh toán. Quá trình thanh toán, các tổ trưởng căn cứ trên số tiền đồng ý chấp thuận thanh toán và bảng chấm công để làm bảng phân chia tiền lương cho các tổ viên hợp lý và thực hiện nghĩa vụ ngân sách.

3.3.3. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí máy thi công

Đối với việc công nhân sử dụng máy thi công để làm việc tăng ca, có thể kiểm soát bằng cách ghi chép trong sổ “*nhật ký hoạt động của ca máy*”. Trong sổ theo dõi nhật ký đó, nhân viên bảo vệ sẽ theo dõi và xác nhận rõ giờ máy thi công và tập trung về bãi đỗ.

Sau khi lập kế hoạch tiến độ thi công công trình, phòng kỹ thuật thi công sẽ đưa ra kế hoạch về tiến độ huy động máy - thiết bị dự kiến kết hợp với kế hoạch sử dụng máy do cán bộ kỹ thuật phụ trách công trình chuyên về tổ quản lý tài sản thiết bị. Tổ thiết bị lên kế hoạch điều động máy móc đáp ứng nhu cầu cân đối giữa các công trình. Đồng thời với phòng kế toán các số liệu trên cũng là căn cứ để kế toán đối chiếu với khối lượng thực tế do bộ phận công trường và tổ thiết bị báo cáo lên; đồng thời kế toán phải có kế hoạch để bổ sung, thuê ca máy bên ngoài đáp ứng tiến độ công trình.

Các chi phí sử dụng máy thi công được tập hợp theo từng công trình và hạng mục công trình và được phân bổ theo số giờ ca máy hoạt động thực hiện tại công trình, hạng mục công trình đó.

3.3.4. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

Đối với chi phí sản xuất chung, các chi phí phát sinh trong mục này rất đa dạng và khó kiểm soát hết. Doanh nghiệp nên ước lượng và xem xét các khoản chi phí có giá trị lớn, phải tiến hành kiểm tra lại. Trong chi phí sản xuất chung thì chi phí tiếp khách, giao dịch ở các công ty hầu như chưa có kiểm soát cụ thể. Do đó, căn cứ vào các mức chi tiêu thực tế ở các công ty qua các năm đồng thời thông qua các thực trạng kiểm soát chi phí chung mà Công ty CPXD Sông Hồng 24 đang tiến hành chuẩn bị thử nghiệm áp dụng, tác giả xin đưa ra một số ý kiến như:

- Chi phí giao dịch cho việc nghiệm thu và thanh quyết toán các hợp đồng, khối lượng theo hạng mục công trình: Từ 1%-5% đối với các hợp đồng có giá trị 100 triệu đồng trở lại. Phần giá trị tăng thêm được ước tính với các mức: từ 101 triệu - 500 triệu đồng tương ứng 0,8% và từ 501 triệu trở lên tương ứng với 0,5%.

- Đối với chi phí tiếp khách: trường hợp khách đến làm việc với công ty hoặc các bộ phận ban điều hành, ban chỉ huy thì mức tiếp khách được tính bình

quân 100.000đồng/người/lần kể cả chủ và khách. Nếu vượt mức phải có sự đồng ý của giám đốc mới được thanh toán.

Tuy nhiên việc kiểm soát chi phí này phải bám sát dự toán, không được vượt tỷ lệ quy định trong dự toán của mỗi công trình.

3.4. HOÀN THIỆN VIỆC KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

3.4.1. Hoàn thiện việc tổ chức giao khoán nội bộ giữa công ty với các đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao chất lượng quản lý

Hiện tại với hình thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình ở một số doanh nghiệp đối với các đơn vị trực thuộc, doanh nghiệp chưa giám sát chặt chẽ chi phí dẫn đến việc xác định giá thành thực tế không chính xác mà các đơn vị trực thuộc nhận khoán thường tính theo giá nhận khoán; không thể hiện tính pháp nhân của doanh nghiệp giao khoán; đồng thời kiểm soát chất lượng công trình không được hiệu quả cao.

Chỉ nên thực hiện “khoán gọn công trình” đối với những công trình có giá trị nhỏ. Trong trường hợp này, doanh nghiệp cần tính toán cụ thể, đầy đủ, chính xác các yếu tố chi phí để xác định mức khoán phù hợp, đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp và người lao động. Bên cạnh đó, cần phải quy định rõ mức tạm ứng, vay tối đa của các đơn vị trực thuộc, không để xảy ra tình trạng ứng vốn, vay vượt khối lượng về để sử dụng không đúng mục đích.

Đối với những công trình có giá trị lớn nên áp dụng các phương thức “khoán gọn các khoản mục chi phí”. Các loại vật tư, thiết bị chủ yếu phục vụ công tác thi công công trình đều do doanh nghiệp cung cấp. Công ty chỉ “khoán gọn các khoản mục chi phí” như là nhân công, vật tư, thiết bị nhỏ và kiểm soát thanh quyết toán với công ty trên cơ sở hoá đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ.

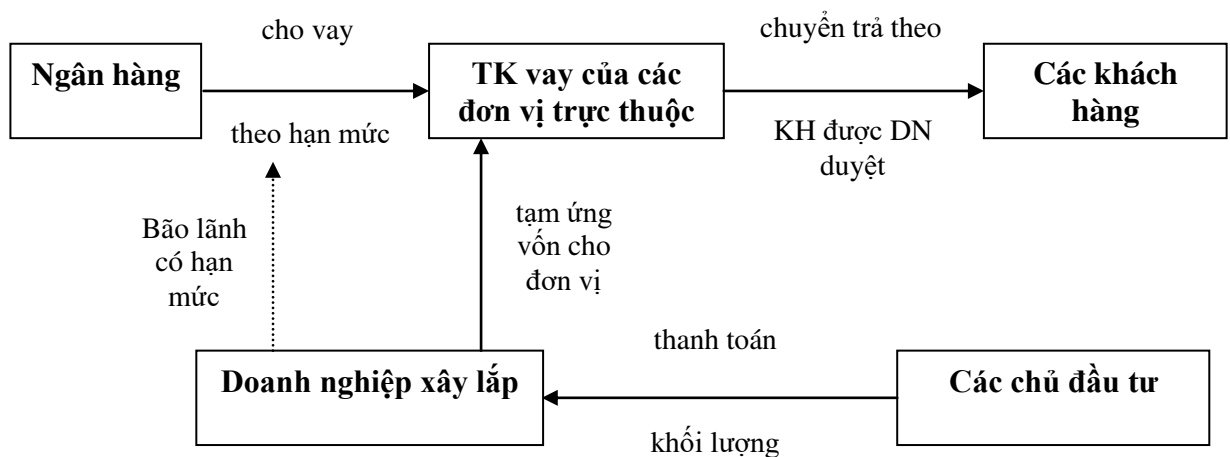
3.4.2. Hoàn thiện công tác kiểm soát về việc giao vốn và quyết toán vốn giữa công ty và các đơn vị trực thuộc

Đối với trường hợp công ty giao khoán cho các đơn vị trực thuộc thi công công trình, để đáp ứng tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư, doanh nghiệp đã chủ động cho các đơn vị ứng vốn để triển khai hoạt động của

mình. Tuy nhiên, việc cung ứng vốn đã tạo ra một rủi ro trong quản lý vốn, tài chính của các doanh nghiệp vì doanh nghiệp chưa kiểm soát và theo dõi chặt chẽ về việc sử dụng vốn của các đơn vị trực thuộc, nhằm tránh trường hợp ứng vốn sử dụng sai mục đích hoặc không kiểm soát được khi mà các đơn vị trực thuộc cùng một lúc có thể đang thi công nhiều công trình khác nhau.

Mỗi khi đơn vị trực thuộc có nhu cầu vay vốn thì kế toán phụ trách các đơn vị trực thuộc phải lập giải trình cụ thể về việc xin ứng vốn và có sự xét duyệt của Giám đốc đơn vị; hồ sơ này sau đó được chuyển qua phòng tài chính kế toán của doanh nghiệp xem xét. Để đảm bảo tính chính xác, hợp lý trong việc ứng vốn cho các đơn vị trực thuộc đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng tài chính kế toán và phòng kỹ thuật vật tư khi xem xét, kiểm tra khối lượng đã và đang thực hiện tại mỗi công trình mà đơn vị trực thuộc đang thi công trước khi ký duyệt hạn mức mà doanh nghiệp có thể bảo lãnh cho các đơn vị trực thuộc vay tại ngân hàng.

- Với hình thức bảo lãnh cho các đơn vị trực thuộc vay theo hạn mức tại ngân hàng, thông qua ngân hàng doanh nghiệp có thể kiểm soát chặt chẽ lượng tiền vay của các đơn vị hiện đang sử dụng vốn vay tín dụng cho hoạt động của mình đồng thời tăng tính tự chủ, độc lập trong quản lý tài chính của các đơn vị trực thuộc, giảm thiểu khối lượng công việc tại phòng tài chính kế toán công ty.



Hình 3.2: Sơ đồ quy trình bảo lãnh có hạn mức đối với đơn vị trực thuộc

3.5. KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này, luận văn đã nêu ra được các hạn chế, các nhân tố ảnh hưởng đến việc kiểm soát chi phí tại Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng 24 nói riêng và kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây lắp nói chung. Thông qua những vấn đề đặt ra từ thực tiễn đổi mới hoạt động của ngành xây dựng và xem xét những bất cập về tình hình kiểm soát chi phí hiện nay tại các doanh nghiệp, luận văn đã đưa ra các giải pháp và nêu lên các điều kiện nhằm hoàn thiện kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng, điển hình như hoàn thiện các yếu tố về môi trường, hệ thống thông tin và các thủ tục kiểm soát.

Bên cạnh đó, với việc hoạch định chi phí, xây dựng các định mức tiêu hao chi phí và các báo cáo kiểm soát mức độ biến động chi phí sẽ giúp cho nhà quản lý nhận diện được bản chất và mức độ biến động chi phí. Từ đó nhà quản lý có thể thành lập các trung tâm quản lý chi phí để kiểm soát các khoản chi phí của đơn vị được hiệu quả tốt hơn.

Ngoài ra, tác giả còn xây dựng thêm một số tiêu chí nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí tại các đơn vị trực thuộc thông qua việc giao khoán, giao vốn và quyết toán vốn nhằm hỗ trợ công tác kiểm tra tại các đơn vị được dễ dàng, thuận lợi.

Trên đây là hệ thống một số giải pháp hoàn thiện và hỗ trợ quá trình kiểm soát chi phí theo quan điểm của tác giả với hy vọng được góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng, mà đặc biệt là tại Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng 24 nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững, đem lại hiệu quả cao trong công tác sản xuất kinh doanh cũng như quản lý của các doanh nghiệp và gia tăng các giá trị doanh nghiệp trong tương lai./

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh kinh tế hội nhập hiện nay, các doanh nghiệp xây dựng đang muốn đứng vững, tồn tại và phát triển thành công, cạnh tranh trên thị trường trong nước và kể cả đối với nước ngoài chính các doanh nghiệp phải tự đổi mới, nâng cao chất lượng về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp và trong đó vấn đề đổi mới mà các doanh nghiệp cần phải chú trọng nhất đó chính là công tác kiểm soát chi phí.

Thất thoát và lãng phí trong xây dựng cơ bản đang trở thành một vấn đề quan tâm của toàn xã hội. Công tác kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo chất lượng công trình, tiến độ thi công, hạ giá thành xây dựng, khai thác hiệu quả các công trình,... tại các doanh nghiệp luôn đóng một vai trò vô cùng thiết thực và quan trọng, giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được diễn biến tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời, nâng cao uy tín của doanh nghiệp trên thị trường, hạn chế tình trạng thất thoát nguồn vốn xây dựng cơ bản của Nhà nước, củng cố niềm tin với xã hội, đồng thời góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước.

Việc nghiên cứu kiểm soát chi phí trong quản lý tài chính gắn với một doanh nghiệp cổ phần, đặc biệt là doanh nghiệp có quy mô lớn với nhiều đơn vị trực thuộc là rất cần thiết. Luận văn đã vận dụng những lý luận, thực hiện khảo sát tại Công ty CPXD Sông Hồng 24 để nghiên cứu về công tác kiểm soát trong quản lý tại một doanh nghiệp có vị trí quan trọng trong ngành xây dựng cơ bản của khu vực.

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận về kiểm soát chi phí tại các doanh nghiệp xây dựng - Trường hợp tại Công ty CPXD Sông Hồng 24 cùng với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo GS. TS. Trương Bá Thanh, luận văn đã giải quyết và đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của mục tiêu nghiên cứu. Bên cạnh đó, luận văn đã đưa ra được một số giải pháp có cơ sở, hợp lý, thiết thực với hy vọng nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chi phí để đảm bảo chất lượng công trình, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo tiến độ thi công và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường ở các doanh nghiệp xây dựng.